

VĂN HỌC

BIÊN KHẢO - VĂN HÓA - XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ - NGHỆ THUẬT
TƯỞNG NIỆM

NHẤT LINH - ĐỖ MINH VỌNG (CRAS) - TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ÍT HÀNG VỀ NGUYỄN TƯỜNG TAM

NGUYỄN QUÂN

VÀI THẮC MẮC VỀ NHẤT LINH

NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VÀ CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI

TRẦN TRIỆU LUẬT

VĂN TRONG TIỂU THUYẾT NHẤT LINH

TỔ QUỐC VIỆT NAM - NGUYỄN CÔNG TRỨ - HỒN BƯỞM MƠ TIÊN

ĐẠO TRUNG DUNG - HỌC THUYẾT KHỔNG TỬ

với **ĐỖ MINH VỌNG (CRAS)**

CHA CRAS DƯỚI MẮT VÀI THANH NIÊN VIỆT

THẾ UYÊN * HỒ SĨ KHUÊ * ĐỖ ANH TÀI * NGUYỄN XUÂN HOÀNG

THYM THYM * TRẦN VĂN TOÀN

NGÀY MAI ĐÃ THÀNH NGÀY HÔM NAY

NGUYỄN VĂN TRUNG

NHỮNG SÁNG TÁC VĂN NGHỆ

VIÊN ĐỘC DƯƠC * NHẤT LINH * XÓM CẦU MỚI

NHỮNG BỨC THƯ GỬI VỀ HẬU PHƯƠNG - THẾ UYÊN trình bày

HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC truyện dài của **NGUYỄN SỸ TẾ**

Văn Học
số 41, năm ba
ngày 07.7-1965

TƯỞNG NIỆM
NHẤT LINH
ĐỖ MINH VỌNG (CRAS)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

**Văn Học số 41, năm ba
ngày 07. 7-1965**

**TƯỞNG NIỆM
NHẤT LINH
ĐỖ MINH VỌNG (CRAS)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN**

*Bìa: Tập san Văn Học
Trình bày: **Muôn Phương**
Nguồn: Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**Văn Học số 41, năm ba
ngày 07.7-1965**

**TƯỞNG NIỆM
NHẤT LINH
ĐỖ MINH VỌNG (CRAS)
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN**

6 ¶ Văn Học số 41, 07.7.1965

Mục lục

Thư ngỏ của Văn Học	11
1. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam	15
Nguyễn Quân	
2. Văn trong tiểu thuyết	50
Biên khảo của Nhất Linh	
3. Xóm Cầu Mới	65
Truyện của Nhất Linh	
4. Viên độc dược	91
Truyện của Nhất Linh	
5. Ý hướng cải tạo xã hội	105
của TỰ LỰC VĂN ĐOÀN	
Trần Triệu Luật	

6. Một vài thắc mắc về Nhất Linh 141
Nguyễn Đông Ngạc
7. Tưởng niệm 167
Đỗ Minh Vọng (A. CRAS)
8. Ngày mai đã thành hôm nay 173
Nguyễn Văn Trung
9. Người Đông phương và 181
chữ Thành trong Khổng học
Alexis Michel Cras
10. Cha Cras dưới mắt 209
vài thanh niên Việt
11. Các bài viết của 221
Cha ALEXIS CRAS
12. Ngày mai đã lặn 213
tình thương còn mãi.
Thym Thym

13. Nhớ Nhất Linh 240

Trần Dzure

14. Vòng hoa tưởng niệm 241

Đinh Hoàng Sa

15. Viếng Nhất Linh 245

L. C. N

16. Nỗi buồn tháng bảy 248

Phạm Đăng Thiêm

17. LM. Đỗ Minh Vọng 250

với Hồn bướm mơ tiên của Khải Hưng

18. Những bức thư gửi về 305

hậu phương của một người lính.

Thế Uyên

19. Lễ vật giỗ mẹ 324

Luân Hoán

20. Chuyện bạn bè	329
Nghiêm Vũ	
21. Nỗi buồn của lão già	332
Trần Dzak Lũ	
22. Ngựa trắng đi khuya	334
Hồ Thành Đức	
23. Hai chàng làm việc nước	337
Nguyễn Sỹ Tế	
24. Tác giả và độc giả	375

THƯ NGỎ

(thiếu trang 2)

buộc lòng đã phải bán tăng lên 12 đồng mỗi số báo, nhưng để bù lại khỏi phụ lòng tin yêu của bạn đọc chúng tôi cũng tăng số trang đang từ 80 đến 132 trang để phần nội dung được phong phú hơn.

Được sự tin yêu và khích lệ của Quý bạn đọc mãi mãi dành cho VĂN HỌC, chúng tôi xin lần lượt gửi đến bạn đọc những sáng tác giá trị dưới đây:

– Những biên khảo của G.S. Trần Thái Đĩnh, Thanh Lãng, Nguyễn Văn Trung, Trần VToàn, Lý Chánh Trung, Trần Bích Lan, Hoàng Văn Đức, Lý Quốc Sinh, Thái Tuấn...

– Hai chàng làm việc nước, tiểu thuyết phiêu lưu trào lộng vui của nhà văn Nguyễn Sỹ Tế.

– Những tâm sự của người lính, do Thế Uyên trình bày mỗi kỳ.

Cùng những sáng tác văn nghệ đặc sắc của Nguyễn Đình Toàn, Dương Kiên, Thế Uyên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyên Sa, Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, thường xuyên gửi đến bạn đọc trong mỗi số báo.

VĂN HỌC số 42 là đề tài Vũ Trọng Phụng – nhà văn tả chân trong xã hội; số 43 Truy niệm 200 năm đại văn hào

Nguyễn Du.

Với những đề tài trên, VĂN HỌC ước mong được các bạn đóng góp bài vở tài liệu để chúng tôi hoàn thành những số báo thật đầy đủ như đã nêu ở trên, cũng như các bạn đang kỳ vọng và chờ đợi.

VĂN HỌC



Bút ký do Nhất Linh đề tặng một người bạn thân: “Thân tặng chú Kiếm bức ảnh do chú chụp, bức ảnh đầu tiên lột hết tinh thần của tôi”

26-12-1958

Nhất Linh.

NHẤT LINH
NGUYỄN TƯỜNG TAM

7-1906 — 7-1963

Nhất Linh tên thật là Nguyễn Tường Tam sinh ngày 25.7.1906 (Bính Ngọ) tại phố Huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương (Bắc phần).

Cụ thân sinh ra Nhất Linh là Nguyễn Tường Nhu gốc ở Cẩm Phố Quảng Nam (Trung phần), nhưng vì làm tri huyện nên dời ra Hải Dương và cả gia đình ra Bắc ở.

Nhất Linh gồm có 7 anh chị em: 6 trai và 1 gái.

1. Nguyễn Tường Thụy (con cả)
(hiện ở Saigon);

2. Nguyễn Tường Cẩm (thứ hai)
giám đốc báo Ngày Nay năm 1935, và
mất tích trong thời kỳ chiến tranh Pháp
Việt.

3. Nguyễn Tường Tam Nhất Linh
(thứ ba) mất 7-7-1963.

4. Nguyễn Tường Long – Hoàng Đạo
(thứ tư) mất tại Trấn Thạch Long năm
1948.

5. Bà Nguyễn Thị Thế (thứ năm);

6. Nguyễn Tường Lân – Thạch Lam
(thứ sáu) mất năm 1942;

7. Nguyễn Tường Bách y khoa bác
sĩ, cũng đã làm giám đốc tờ Ngày Nay Kỳ

Nguyên Mối năm 1945. Hiện còn sống bên Trung Hoa lục địa vì nhà cầm quyền Trung Cộng không cho về.

NHẤT LINH CẤP SÁCH ĐI HỌC

Trong những ngày Nhất Linh còn là cậu học sinh tiểu học cấp sách đến trường Huyện, Nhất Linh đã thích đọc thơ và tập làm thơ.

Nhân một hôm cụ thân sinh về Hà Nội chơi, cho Nhất Linh đi theo để thăm cảnh Hà Nội, và xem Hồ Hoàn Kiếm.

Được dịp thăm cảnh đẹp. Nhất Linh đã làm được hai câu thơ dưới đây và đọc cho thân sinh nghe:

Chung quanh cây cối rườm rà

Giữa hồ có một chùa ta đây này.

Cụ thân sinh nghe hai câu thơ trên thấy có tương lai cho Nhất Linh, vì lúc này Nhất Linh mới 8 tuổi mà đã làm được hai câu thơ trên đã là khá lắm rồi. Nhất Linh có dịp được học hỏi thêm, cụ thân sinh để cho Nhất Linh ở lại Hà Nội và tới học cụ giáo Bùi Đình Tá, và sau tới cụ Đào Trinh Nhất. Nhưng Nhất Linh học ở Hà Nội được thời gian ngắn thì ở phố Huyện mở trường tiểu học nên cụ thân sinh Nhất Linh cho Nhất Linh về học tại phố Huyện để được gần gia đình.

Những ngày mài đũng quần trên ghế Tiểu học phố Huyện Nhất Linh đã say mê làm thơ đường luật, lục bát đến song thất lục bát, và mặc dù có chí hướng về thơ văn nhưng Nhất Linh cũng không thể nào sao nhãng việc học ở nhà trường.

Và cuối năm Nhất Linh đã đỗ văn bằng Tiểu học, nhưng một cái tang vội

đem đến gia đình Nhất Linh là cụ thân sinh vừa chết bên Ai-Lao năm 1918.

Cụ thân sinh là cột trụ gia đình Nguyễn Tường, và cụ mất đi một cách đột ngột nên Nhất Linh phải tạm ngừng việc học trong một thời gian, và gia đình Nhất Linh lúc này gặp cảnh khó khăn tại Cẩm Giàng.

TIẾP TỤC VIỆC HỌC

Sau ba năm tạm xa mái trường để ở nhà sống cùng gia đình trong cảnh buồn vì người cha mất bất ngờ, đến cuối hè 1920 Nhất Linh nộp đơn xin dự thi vào trường Bảo hộ (trường Bưởi) tại Hà Nội.

May mắn, Nhất Linh lại đỗ khá, mặc dầu lực học của Nhất Linh chỉ trung bình thôi, nhưng Nhất Linh học chăm và hay suy nghĩ tìm tòi.

Nhất Linh học ở trường Bảo hộ ông Giám đốc của nhà trường là người Pháp, rồi giáo sư cũng người Pháp, và vốn sẵn có tư tưởng ghét thực dân Pháp, nên Nhất Linh ghét những vị trên rất cay đắng. Có lẽ vì Nhất Linh được thấy tận mắt từ nhỏ ở Cẩm Giàng bọn thực dân Pháp hà hiếp dân chúng và nhất là ông của Nhất Linh bị bọn thực dân Pháp bạc đãi nên Nhất Linh càng ghét thâm thù hơn.

Hoàn cảnh trên sau này đã đưa Nhất Linh đến những hoạt động chính trị hay viết sách chẳng?

Những ngày theo học ban Trung học ở Trường Bảo hộ, Nhất Linh say mê đọc Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, và thơ Tản Đà. Năm 1921–1922 Nhất Linh làm bài thơ đầu tay đã gửi đăng trên báo Trung Bắc tân văn của Nguyễn Văn Vĩnh.

Năm 1922 Nhất Linh học năm thứ hai tại trường Bảo hộ thấy các anh học tử đã đi thi cả rồi, Nhất Linh cũng theo các anh bỏ trường Bảo hộ, đi học trường tư để thi nháy cho bằng các anh. Trường Bảo hộ năm đó cũng có cấp học bổng cho Nhất Linh nhưng Nhất Linh nhất định không chịu ở lại học. Chính vì việc Nhất Linh bỏ học trường Bảo hộ mà bà cụ thân sinh Nhất Linh đã buồn rầu vì Nhất Linh không nghe lời mẹ.

Học trường trong đến cuối năm 1923 Nhất Linh xin đi thi và kết quả đỗ đầu.

LẠI BỎ HỌC — ĐI LÀM — VIẾT BÁO

Vì Nhất Linh thi nháy, cuối năm 1923 Nhất Linh chưa đủ tuổi để thi nhập trường Cao đẳng Đông Dương, nên Nhất Linh lại phải tạm xếp bút ở nhà để

xin vào làm ở sở Tài chính kiểm tiền để chờ đủ tuổi tiếp tục học.

Trong những ngày ở sở, lúc ở bàn giấy thì giờ rảnh Nhất Linh ra ngắm cảnh Hồ Hoàn Kiếm với những hàng liễu rủ ven bờ trông thật nên thơ, nên Nhất Linh đã nghĩ ngay đến hai câu của Nguyễn Du:

Lơ thơ tơ liễu buông mành

Con oanh học nói trên cành mĩ mai.

Và cũng vì cảnh đẹp, thơ hay nên Nhất Linh đã để ý phân tích về Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Gói ghém được ít nhiều tâm sự về truyện Kiều của Nguyễn Du, Nhất Linh viết thành một bài và gửi cho báo Nam Phong của Phạm Quỳnh để đăng. Năm này Nhất Linh mới 17 tuổi, và đối với Phạm Quỳnh, Nhất Linh lúc đó chỉ là

bậc đàn em, nhưng Phạm Quỳnh rất quý mến Nhất Linh nên khi bài của Nhất Linh đăng Phạm Quỳnh đã viết một lời giới thiệu thật thận trọng và phục văn tài Nhất Linh.

LẠI TIẾP TỤC HỌC: TỪ Y KHOA SANG HỘI HỌA

Mặc dầu cuối năm 1925 Nhất Linh đã thi vào trường thuốc đỗ với hạng khá, nhưng Nhất Linh thấy ngành thuốc với những tên thuốc lạ và, những hình quả tim, lá phổi không mấy hấp dẫn nên Nhất Linh lại nhảy sang học hội họa.

Cuối mùa đông năm này, một giáo sư người. tên Victor Tardieu tới Hà Nội và thành lập một trường vẽ ở phố Reinach lấy tên là trường Mỹ thuật Đông Dương.

Trường Mỹ thuật Đông Dương này được thiết lập rất sơ sài tạo dựng lên bằng cái xưởng của sở hỏa xa nhường lại để họa sĩ Victor Tardieu làm xưởng vẽ.

Mặc dù trường Mỹ thuật Đông Dương không có gì là đồ sộ nguy nga như trường thuốc, nhưng Nhất Linh vẫn thấy thú hơn, và Nhất Linh rất say mê ngành vẽ nên đã được họa sĩ Tardieu tận tâm chỉ dạy và khuyến khích Nhất Linh về môn này.

NHẤT LINH XUẤT NGOẠI

Mộng xuất ngoại của Nhất Linh đã có từ năm 1926 mà nhất là phong trào Cách Mạng của thanh niên được nổi lên khắp nơi để chống bọn thực dân Pháp. Phong trào này đã lôi kéo được nhiều thanh niên từ Nam chí Bắc, một số thanh niên được các tổ chức Cách Mạng gửi đi

ngoại quốc học, còn một số thanh niên ở lại đi hoạt động và cổ võ phong trào.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Thái Học lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Nhất Linh xin gia nhập Q.D.Đ và tìm đường vào Sài Gòn để hoạt động. Nguyễn Tường Tam vào Sài Gòn ngày 24-3-1926, và bắt liên lạc được cùng hai thanh niên trong Nam là Vũ Đình Di, và Trần Huy Liệu. Hai thanh niên này là người trong Phong trào chống Pháp ở Sài Gòn.

Nhưng tổ chức của nhóm thanh niên trên đã bị tan rã ngay, bọn mật thám Pháp đã theo dõi những thanh niên trên đã tham dự đám tang nhà Cách mạng Phan Chu Trinh ngày 4-4-1926.

Vì bại lộ, bọn mật thám Pháp đã theo dõi và nhận diện được tổ chức trên, một

số thanh niên bị bắt, một số thanh niên còn sót lại phải tìm cách xuất ngoại. Nhất Linh là một trong số những thanh niên bị bọn mật thám Pháp theo dõi, nhưng may Nhất Linh không có thể đảng trong người nên bọn mật thám tha.

Thoát được vòng vây theo dõi của mật thám Pháp. Nhất Linh trốn sang Cao Mên tiếp tục nghề vẽ với hy vọng có ít tiền xuất ngoại du học.

Sống trên đất Miên ít lâu, Nhất Linh có phương tiện sang Tây để theo học. Sống ở ngoại quốc Nhất Linh được chứng kiến cảnh xã hội năm 1917 đến năm 1930 nhất là cảnh lạm phát giấy bạc, đồng phật lảng bị sụt giá, rồi phong trào chống thực dân Pháp nổi lên ở nhiều nơi Pháp cai trị như Algérie.

Được chứng kiến rõ những thảm cảnh trên, Nhất Linh quyết chí cố gắng học hỏi và để ý vào việc nghiên cứu sách báo ngoại quốc để sau này về nước có dịp xuất bản một tờ báo cho thanh niên. Trong thời gian ở đất Pháp, Nhất Linh đã học ngành thực vật học, rồi sang ban Lý Hóa vạn vật, và trong hai năm Nhất Linh đã đỗ được văn bằng Cử nhân khoa học giáo khoa tại Pháp.

VỀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG

Cuối năm 1930. Nhất Linh về nước, Nhất Linh về tới đất nhà nghỉ ngơi ít lâu cùng gia đình ở Hải Dương và được các anh em cho biết những diễn biến nước nhà đã xảy ra trong thời gian Nhất Linh xuất ngoại. Nhất Linh nhận thấy lúc này không làm được gì hơn là dùng báo chí để hướng dẫn thanh niên.

NHẤT LINH XIN XUẤT BẢN BÁO

Nhất Linh vội ra Hà Nội nộp đơn xin xuất bản tuần báo TIẾNG CƯỜI. Nhất Linh dự định tờ báo này sẽ có sự cộng tác của Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ) đang làm ở sở phi năng Hà nội, và người em Nhất Linh là Nguyễn Tường Lân đang theo học ở trường Cao đẳng Đông dương, hơn nữa Nhất Linh còn viết thư cho Nguyễn Tường Long đang làm tham tá lục sự ở Đà Nẵng phải về để giúp ông một tay trong việc xuất bản tờ Tiếng cười.

Khi giấy phép xuất bản đã được thì Nhất Linh lại gặp phải trở ngại lớn là tài chính không đủ để tự lực Nhất Linh xuất bản. Thế là việc ra báo Nhất Linh phải tạm ngừng chờ dịp khác.

ĐI DẠY HỌC

Mộng xuất bản báo bất thành, Nhất Linh đành vác mảnh bằng đi dạy học sinh sống qua ngày chờ dịp thuận tiện và có tiền sẽ làm báo.

Mặc dù Nhất Linh đã đi dạy học được ít lâu, nhưng tiền vẫn chưa đủ để tự lực xuất bản báo, mà giấy phép xuất bản báo đã hết, nhưng không vì thế mà Nhất Linh chán nản.

Ngày hai buổi dạy học nhưng Nhất Linh vẫn để tâm vào việc tìm bạn hữu để sửa soạn biên tập cho tờ báo mai sau của Nhất Linh.

Cũng thời gian này Nhất Linh được bọn quan Tây mời Nhất Linh dạy cho trường Công nhưng Nhất Linh từ chối vì cộng tác với bọn thực dân Tây Nhất Linh không thể chấp nhận được. Nhất Linh nhất định dạy cho trường Thăng Long là

trưởng tư của cụ Huỳnh Thúc Kháng để có hoàn cảnh hoạt động hơn.

NHẤT LINH GẶP KHÁI HÙNG

Ngoài giờ dạy ở trường Thăng Long, những giờ rảnh Nhất Linh đạp xe đạp đi đến các quán sách báo để tìm đọc những cuốn sách và báo vừa xuất bản, những sách báo thời kỳ này cũng chẳng có là bao, quanh đi quẩn lại chỉ có cuốn Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật, Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách, về báo thì có Nam Phong của Phạm Quỳnh, và những tờ Khai Trí, Thực Nghiệp, Văn Học tạp chí.

Cũng trong dịp đọc tờ Văn Học, Nhất Linh đã được đọc một bài khảo luận ký tên Bán Thân. Nhất Linh để ý suy nghĩ và nghĩ ngay đến Trần Khánh Dư dạy cùng trường.

Thế là có dịp mời thêm được một người cộng tác trong dự định ra báo. Nhất Linh hôm sau tới trường gặp Trần Khánh Dư để bàn chuyện văn chương. Gặp bạn cùng chí hướng, lại tính tình vui vẻ, nên Nhất Linh rất quý trọng Trần Khánh Dư. Hai người đã thân thiết qua câu chuyện văn chương, rồi bàn chuyện lập nhóm viết văn chống những hủ bại mê tín của xã hội lúc đó.

Bàn chuyện văn chương, lập nhóm viết báo, đến vụ Yên Bái xảy ra, Nhất Linh và Trần Khánh Giu thấy cần phải tổ chức ngay một cơ sở xuất bản để xuất bản những sách do người trong nhóm viết để hướng dẫn thanh niên trong nhiệm vụ thanh niên của một nước đang bị đô hộ.

NHẤT LINH BỎ DẠY HỌC, ĐỂ
LÀM BÁO

Năm 1937, ông Phạm Hữu Ninh là một người trí thức đất Hà Thành, vì quan tâm đến nền văn học nước nhà nên đã xuất bản một tờ báo lấy tên là Phong Hóa. Nhưng chẳng may Phong Hóa thiếu người cộng tác biên tập nên chỉ sống được 13 số, báo Phong Hóa phải tạm đình bản để củng cố lại ban biên tập.

Được biết Phong Hóa đang cần người cộng tác, Nhất Linh tới gặp ông Phạm Hữu Ninh xin điều đình cộng tác để tái bản Phong Hóa. Vì cùng mục đích thực hiện văn hóa, nên ông Phạm Hữu Ninh đã chấp thuận để Nhất Linh đứng trông nom biên tập tờ Phong Hóa, và ông Ninh trông nom tài chính.

Việc trước nhất, Nhất Linh xin thôi dạy học ở trường Thăng Long để có thời giờ trông nom tờ báo, và đến việc mời Hồ Trọng Hiếu về làm biên tập cho tờ

báo mạnh. Nhất Linh cũng gửi ngay điện tín cho Nguyễn Tường Long ở Đà Nẵng phải về ngay để giúp ông một tay chủ trương tờ báo.

MỘNG LÀM BÁO ĐÃ THÀNH

Ngày 22.9.1932 Phong Hóa số 14 (Bộ mới) đã ra mắt, và do những bài độc đáo của Nhất Linh, Khải Hưng, Tú Mỡ, Thạch Lam, Tú Ly. Nguyễn Gia Trí biên tập, và cũng ngay số đầu tái bản này Phong Hóa được nhiều người ủng hộ cổ động đọc (xem bài Trần Triệu Luật trong số này)

TỪ PHONG HÓA ĐẾN VIỆC THÀNH LẬP TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Vì có sẵn một ban biên tập của một tờ báo, Nhất Linh muốn có thêm một cơ sở xuất bản mà Nhất Linh đã định từ lâu.

Nhân một dịp đi chơi Lạng Sơn. Nhất Linh bàn với cả nhóm trong đó có Khải Hưng, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ để chọn một cái tên cho nhóm, chả nhẽ cứ để người ta gọi là nhóm Phong Hóa.

Cùng thảo luận và đồng ý lấy tên là “Tự Lực văn đoàn” cho nhóm và cuốn sách do Tự Lực văn đoàn xuất bản đầu tiên là cuốn “Hồn bướm mơ tiên” của Khải Hưng ngày 17-5-1933. Và cũng từ đây Tự Lực văn đoàn đã giới thiệu những tác phẩm của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Tú Mỡ.

NHẤT LINH HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Năm 1939 Nhất Linh tạm ngừng viết để hoạt động chính trị. Những năm 1939-1940 tình thế nước Pháp cũng có nhiều thay đổi, bóng dáng người Pháp

trên phần đất Đông Dương đang bị lu mờ vì bóng mặt trời quân đội Thiên Hoàng Nhật bản đang bành trướng mạnh ở Đông Nam Á.

Lợi dụng tình thế đó, những đảng chính trị như Thanh Niên Ái quốc, Đảng Quốc xã, đảng Đại việt Cách Mạng, Đại việt quốc dân công khai hoạt động và kết nạp đoàn viên cổ vũ phong trào chống Pháp để gây thanh thế.

Cũng thời kỳ đó Bướm trắng của Nhất Linh xuất bản, những đảng viên trong Dân chính bị Pháp bắt ở tù như Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí. Nhất Linh lúc đó phải im lặng để đi làm nhạc công cho ban nhạc tài tử (Orchestra Amateur) của Lê Ngọc Huỳnh, Thẩm Oánh, Văn Khánh thành lập. Nhất Linh gia nhập ban nhạc với ý định che mắt bọn Pháp, và chờ thời hoạt động trở lại.

Cuộc chiến tranh Nhật Hoa lan tràn sang các nước Phi Luật Tân, Miến Điện, Hương Cảng. Nhất Linh thấy khó lòng ngồi im một chỗ để chờ hoạt động, nên Nhất Linh đã trốn sang Trung Hoa để dễ bề tìm phương tiện hoạt động.

NHỮNG NGÀY Ở TRUNG HOA

Khi đến Liễu Chân (Trung hoa) năm 1942 Nguyễn Tường Tam đã bị nhà cầm quyền Trung Hoa bắt giam, nhưng đến cuối tháng 4-1942 Nhất Linh được trả tự do.

Được trả tự do. Nhất Linh dùng những ngày rảnh trên đất Trung hoa học Anh văn, Hán văn, và đọc các sách báo chính trị. Đến tháng 3-1943 Nhất Linh tham gia các đoàn thể Cách Mạng lưu vong tại Trung Hoa hoạt động mà Nhất

Linh là đại diện cho Việt nam Quốc dân đảng.

Cùng lúc đó, ở trong nước Hoàng Đạo, Khải Hưng, Nguyễn Tường Bách cho tái bản tờ Ngày Nay để làm cơ quan ngôn luận cho Q.D.D.

Tờ Ngày Nay được phát hành với hội dung tuyên truyền cho đảng và một phần đảng những sáng tác của Khải Hưng. Nhưng bất ngờ chính biến 1948 xảy ra. Việt Minh lên cướp chính quyền, tờ Ngày Nay phải đình bản ngay tuy đang được sự ủng hộ của bạn đọc.

NHẤT LINH VỀ NƯỚC

Những ngày ở Trung Hoa, Sainteny là thiếu tá chỉ huy phái bộ Quân sự V tại Trung Hoa đã tiếp xúc với Nhất Linh để tìm hiểu tình hình Việt nam, hơn nữa ý

định của người Pháp còn định tìm một số các nhà trí thức Cách Mạng VN hiện ở Trung hoa để điều đình việc trao trả độc lập cho V.N (?) Nhưng cuộc tiếp xúc giữa Nhất Linh và Sainteny đang dở dang thì ngày 19-8 Việt Minh đảo chính. Được ít lâu Nhất Linh cũng về Hà Nội.

Nhất Linh về nước cùng với một số chiến sĩ Cách Mạng VN lưu vong trên đất Trung Hoa như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, và một số đảng viên V.N.Q.D.Đ. cùng 18 vạn quân của Lữ Hán tràn sang V.N.

Khi về tới nước nhà, Đồng Minh hội, Quốc Dân Đảng đã tố cáo Việt Minh phản bội dân tộc, vì bọn cán bộ Đệ Tam đang lén lút sát hại những người ái quốc chống chủ nghĩa cộng sản.

Về phía Nhất Linh thì cho xuất bản tờ Việt Nam làm tiếng nói công kích Việt Minh, hơn nữa Nguyễn Hải Thần đang có uy tín đối với nhân dân nên Hồ Chí Minh lúc đó phải nhượng bộ Q.D.Đ.

Và ngày 2-3-1946 một chính phủ Liên hiệp ra mắt quốc dân, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam giữ ghế Bộ Trưởng ngoại giao (đại diện cho Q.D.Đ.)

Nhưng chẳng may chính phủ Liên Hiệp chưa hoạt động gì. Đại Tướng Lelerc đã chỉ huy một sư đoàn đệ nhị thiết giáp Pháp tiến về Hải Phòng.

Hồ chí Minh vội sai Võ nguyên Giáp gặp Sainteny để điều đình, hành động này của Hồ chí Minh, Nhất Linh đã phản đối ngay, nên Nhất Linh tạm xa nhiệm sở từ ngày 6-3-1946 đến 12-3 mới trở về.

Tất cả những ý định về nước hoạt động giành độc lập cho Việt Nam không thành bởi vì người Pháp không thể từ bỏ chính sách thực dân tại bán đảo này, hơn nữa bon Việt Minh lại quý quyết nên Nhất Linh thất vọng và ngày 29-5-1946 Nhất Linh lại bỏ sang Trung Hoa.

Những ngày ở Trung Hoa; Nhất Linh có liên lạc với nhà cầm quyền Trung Hoa để giúp Việt Nam, mong thành lập một chính phủ quốc gia thực sự nhưng sau cùng nhà cầm quyền Nam Kinh lại ngả theo cộng sản, nên không giúp Nhất Linh.

Không thể trông mong sự giúp đỡ của Trung Hoa, Nhất Linh lại liên lạc với một số đoàn thể Nam bộ để hy vọng thành lập một chính phủ quốc gia và có chủ quyền độc lập, và ý định đưa Bảo Đại về nước trở lại chính trường với sự cộng

tác của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn Hải Thần.

Nhưng không ngờ ngày 10-9-1947 bằng một bài diễn văn tại Hà Đông của Bảo Đại, và tiếp đến hiệp định ký kết 5-6-1948 giữa Pháp và Bảo Đại, Nhất Linh thấy đau lòng và chán chính trị nên Nhất Linh lại từ bỏ chính trị để trở về sáng tác văn nghệ.

NHẤT LINH VĨNH BIỆT TRUNG HOA

Năm 1948 Nguyễn Tường Tam thất bại về chính trị, Nguyễn Tường Tam quay về con người nghệ sĩ viết văn và năm 1951 Nhất Linh từ giã đất Trung Hoa để về Hà Nội. Lần từ giã này cũng là lần cuối cùng Nhất Linh vĩnh biệt Trung Quốc nơi Nhất Linh đã sống nhiều nhất và cũng có nhiều kỷ niệm vui buồn ở đó.

Nhất Linh về tới Hà Nội, và nhất định không tham gia chính trị nên Nhất Linh đã vào Sài Gòn để mở nhà xuất bản Phương Giang.

Phương Giang là hai tên Nhất Linh ghép như sau: Phương Vũ là quê của Nhất Linh, và Cẩm Giàng là nơi sinh quán Nhất Linh, nên Nhất Linh lấy tên là Phương Giang.

Nhà xuất bản Phương Giang được lập ra với mục đích cho tái bản những tác phẩm của nhóm Tự lực văn đoàn và giới thiệu một số tác phẩm đặc sắc của những cây bút mới, cũng như những dịch phẩm quốc tế.

Ngoài phần xuất bản sách Nhất Linh còn lên Đà Lạt mua một miếng đất để trồng lan [Xem bài “Vài thắc mắc về Nhất Linh” của Nguyễn Đông Ngạc trong số này.], vì cái thú cuối

cùng của những ngày thất lại về chính trị mà Nhất Linh tìm thấy là cái thú chơi lan. Nhất Linh đã sưu tầm rất nhiều lan, căn nhà của Nhất Linh lúc nào cũng có lan và Nhất Linh cũng đã có lần phân tích về các loại lan trong giai phẩm Văn hóa ngày nay.

NHẤT LINH LẠI LÀM BÁO

Sống ở Đà Lạt thường thức lan và viết sách Nhất Linh cảm thấy cũng chán, nên năm 1958 Nhất Linh xin xuất bản một tạp chí lấy tên là Văn Hóa Ngày Nay để có chỗ hoạt động (?)

Văn hóa ngày nay xuất bản mỗi tháng một kỳ. Nội dung Văn hóa ngày nay gồm những bài viết về phê bình văn nghệ, phân tích thú chơi lan, tiểu thuyết

dài của Nhất Linh, một số sáng tác ngắn của Thạch Lam, Khái Hưng, Hoàng Đạo nhưng đây chỉ là những đoạn được trích từ những tác phẩm dài đã xuất bản trước đây.

Văn hóa ngày nay sống được 11 số thì đình bản, theo Nhất Linh và những người trong nhóm chủ trương Văn Hóa ngày nay nói vì lý do chính quyền Ngô đình Diệm gây khó khăn trong việc xuất bản nên Nhất Linh tự đình bản. Khi kẻ viết bài này biết việc Văn Hóa Ngày Nay đình bản không phải do chính phủ Ngô Đình Diệm, mà do một ý định riêng của Nhất Linh (?), sẽ có dịp và hoàn cảnh được trình bày rõ vụ này.

Văn Hóa Ngày Nay đình bản. Nhất Linh lại lên Đà Lạt săn sóc lan và viết tiếp cuốn Xóm cầu mới để xuất bản. Năm 1962 Nhất Linh có cộng tác với giai

phẩm Tân Phong do nhà văn Trường Bảo Sơn một đồng chí rất thân với Nhất Linh đứng chủ trương.

Tháng 11-1960 cuộc đảo chính do Đại tá Nguyễn Chánh Thi cầm đầu đứng lên chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng cuộc đảo chính ngày 11-11-1960 bất thành, Đại tá Nguyễn Chánh Thi phải lưu vong một số dân sự có tham gia trong vụ đảo chính trên còn lại trong số đó có Nhất Linh (?)

Lúc đó Nhất Linh phải trốn tránh vào Tòa Đại sứ Trung Hoa tại Sài Gòn để chính quyền Ngô Đình Diệm khỏi bắt, nhưng ít lâu Nhất Linh được một vị Linh Mục ngoại quốc tên là Raymond J. de Jaegher¹ – Giám đốc Tự Do Thái Bình

¹ LM. R.J. de Jaegher là người đã sống ở Trung hoa hơn 20 năm và có quen biết Nhất Linh. Khi Cộng vẫn chiếm trọn Trung hoa. L.M. R.J. de Joeber bị trục xuất và L.M. R.J. de Jaegher đã sang Việt Nam để thành lập một hội lấy tên là Tự

Dương tại Saigon đứng ra bảo đảm cho Nhất Linh ra trình diện với chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhất Linh được trả tự do để chờ ngày ra tòa cùng với những nhân vật đã tham gia vụ đảo chính ngày 11.11.1962. Ngày 8-7-1963 Tòa án quân sự được thành lập để xử vụ đảo chính trên và Nhất Linh nhận được trát đòi phải ra hầu tòa.

Nhưng Nhất Linh đã chọn cái chết ngày 7-7-1963 để ngày 8-7-63 khỏi ra Tòa án vì Nhất Linh cho rằng không ai có thể xử Nhất Linh được mà Nhất Linh đã để lại di chúc:

Do Thái bình Dương, Hội này gồm những hội viên trong khu Thái bình Dương chống cộng sản. Sau khi Cách Mạng 1-11-1963, thành công chính quyền Việt Nam tại Saigon lúc đó đã trục xuất L.M R.J. de Jegher khỏi V.N.C.H, không rõ lý do gì? Hiện nay L.M R.J. de Jungher đang sống ở Đài Loan để hoạt động chống cộng.

“ĐỜI TÔI ĐỂ LỊCH SỬ XỬ”

Nhất Linh, đã chết người ta đã đặt ra nhiều giả thuyết để nói về Nhất Linh.

Có người nói Nhất Linh tìm cái chết đúng lúc, nhưng một số bạn trẻ lại tiếc Nhất Linh chết quá mau vì nếu Nhất Linh còn sống chưa chắc Nhất Linh đã phải chết vì bản án do chính quyền Ngô đình Diệm kết án và ngày nay cách mạng thành công, chính quyền Ngô đình Diệm đã sụp đổ, nếu Nhất Linh còn sống có thể đứng ra giúp nước được gì chẳng²?

Tất cả những nghi vấn và thắc mắc trên, chúng tôi xin nhường quyền cho lịch sử ghi chép về cái chết của Nhất Linh. Riêng người viết bài này xin có một ý nghĩ nhỏ là: Nhất Linh đã tìm thấy cái chết rất đúng.

² Xem bài “Vài thắc mắc về Nhất Linh” của Nguyễn Đông Ngạc trong số này.

Và cái chết của Nhất Linh cũng như
cái chết của những người khác đã chết
cho đất nước sẽ để: “Lịch sử xử”, mai này.

7-7-1965

Nguyễn Quân



Cái thú chơi lan của Nhất Linh
tại Đà Lạt, 1957.

2. VĂN TRONG TIỂU THUYẾT

Biên khảo của NHẤT LINH

“Trong tiểu thuyết, không cần văn chương”

Tôi nói thế chắc có nhiều người muốn cãi lại ngay. Tôi biết. Và tôi xin trả lời là tôi nói quá ra như vậy để mọi người chú ý đến cái chính tôi muốn bày tỏ: văn trong tiểu thuyết là thứ ít quan trọng nhất

Tôi nói thế để chông lại cái sai lầm (kéo đã quá dài) đặt văn chương lên một bậc quá ư quan trọng trong tiểu thuyết (xin nhớ là tôi chỉ nói đến địa vị văn chương trong tiểu thuyết thôi) như ở nước ta và ở nước Pháp mà ta bị ảnh hưởng rất nhiều.

Tôi nói thế để cho hàng nghìn các anh chị em có khiếu trong đám bình dân ít học và không biết viết văn, chỉ vì cái sợ viết văn không ra văn, sai mẹo, sai chính tả không bao giờ nghĩ đến viết tiểu thuyết mặc dù họ có đủ những đức tính của một tiểu thuyết gia: một linh hồn phức tạp, rối rào, dễ rung động, một bộ óc có trí nhận xét, quan sát tinh vi, hơn cả những người có học rộng (bởi vì học rộng đến đâu cũng không làm cho tâm hồn mình dễ cảm xúc hay nhận xét giỏi hơn) có khi họ lại “thông minh” hơn cả những người

được học nhiều, thông minh, đây là sự họ hiểu biết đời, như các bà không có học chỉ nhìn cử chỉ con, nghe một lời nói thường, bà ta cũng đoán được cả tâm sự người ấy.

Nếu không bị cái thành kiến văn chương cản trở thì nước ta đã có thể có những truyện hay, trước khi ảnh hưởng các tiểu thuyết Âu Mỹ tràn đến nước ta.

Đã biết bao nhiêu ông đó, ông khóa, có cái tài kể truyện rất giỏi. Chỉ bằng vài nét nho nhỏ, những người đó đã làm cho các nhân vật như sống dưới mắt ta với cả những nét hay tính xấu; những việc họ kể ra đều là những việc xảy ra trong đời sống hằng ngày với tất cả cái phức tạp xấu lẫn đẹp của cuộc đời. – Lúc họ kể chuyện họ tự nhiên, họ thành thực, họ chính là họ — Nhưng... đến khi họ định viết thành sách thì khác hẳn. Họ thấy

công việc ấy nghiêm trọng quá, họ sợ sự phê bình của xã hội. Họ không dám viết về mọi thứ mà họ đã kể miệng rất tự nhiên, họ bắt họ phải tuân theo luân lý dư luận; bao nhiêu cái hay lớn nhỏ lúc kể truyện họ bỏ đi cả. Họ thấy cần phải viết câu văn đặng đối, nhịp nhàng, khuôn sáo để khỏi mang tiếng với đời, thành ra truyện họ kể đến lúc viết ra chỉ còn là cái vỏ trống. Lắm các bà ngồi bán hàng ở chợ trong lúc rỗi nói truyện về một người khác cũng có cái như các ông đồ ông khóa kia, nhưng họ không bao giờ nghĩ đến viết tiểu thuyết. Có những nhà thi sĩ không tự biết thì cũng có rất nhiều tiểu thuyết gia không tự biết. Chính tôi đã được nghe một bà kể lại cho nghe một chuyện vừa xảy ra, bà ta kể một cách linh động và rất dí dỏm đến nỗi tôi thấy tôi có ráng sức viết lại cũng không thể nào hay hơn được. Bà ấy thực đã “viết

tiểu thuyết” bằng lời nói, bà đã “viết văn” bằng lời nói. Chỉ có việc ghi lên giấy thôi.

Lúc ghi lên giấy, câu văn có khi không thành câu, tuy mọ không có chấm câu, sai chính tả. Cái chính là họ đã có những chi tiết, việc xảy ra hay, nhận xét đúng, hiểu biết thâm thúy cuộc đời và sự rung động tế nhị, những cái ấy mới khó, nghìn vạn người mới có một. Viết xong chỉ việc nhờ người sửa lại cho đúng mọ, đúng chính tả, chấm câu cho mạch lạc; việc này có hàng vạn người làm nổi. Những mảnh khoé về viết: đặt câu cho khỏi sai mọ, chỗ nào nên xuống dòng, nên chấm phẩy, chấm câu, chỉ ít lâu là thâu thái được, không khó gì.

Văn không giữ địa vị quan trọng trong tiểu thuyết nhưng tiểu thuyết vẫn có văn. Vậy văn ấy là gì?

Văn ấy trước hết phải thực giản dị. Thế nào là giản dị? Giản dị là viết như lời nói thường, càng giản dị, càng không có văn chương càng hay. Khi nhìn thì nói nhìn, đi thì nói đi, quả tim đập thì nói quả tim đập v.v... Nhưng ai cũng viết được thế? Chính vậy, ai cũng cần viết như thế.

Nên tránh hết cả mọi câu cầu kỳ như:

« Nhưng thôi ta không muốn khóc, e hai hàng lệ ta rơi thánh thót vào trái tim đau đớn »

« Ta ném làn nhờn tuyến qua cửa sổ; cảm tình ta nôn nao như xoáy tận đáy lòng; ta đem một khối tình oan uổng mà thả vào vũng nước mắt trong.

Nên tránh những câu đặng đối:

« Ngày tháng đổi thay, tang thương biến trái».

« Cỏ lấp ngô xưa, nhện chằng đường cũ, hoa đào năm ngoái cười xuân, cái én đưa thoi giục dã ».

Nên tránh những câu du dương và trống rỗng:

« Sao anh chẳng lo xa đến cái nổi gió kếp mưa đơn, sương thu nắng hạ, bây giờ em đã tàn tã trong mưa, tôi bởi trước gió ».

« Bạn ơi, ngày mới đi về, xuân vẫn thắm mà bông hoa vô tình con bướm nó lượn quanh ».

Văn tức là chọn cho thật đúng chữ để diễn tả cái mình định nói.

Thí dụ câu Kiều: « Tú Bà tốc thẳng

tới nơi » chữ « tốc » đẩy dùng khéo vì đã diễn được đúng cái ý định tả Tú Bà giận dữ, hung hăng, vội vàng.

Văn tức là xếp đặt chữ, hoặc xếp đặt câu theo một thứ tự nào để chữ và câu diễn được đúng cái ý mình định diễn tả.

Gọt rũa văn không phải là làm cho câu văn kêu hay du dương hơn, gọt rũa tức là chọn chữ đặt câu cho diễn tả các việc và chi tiết được đúng và linh động. Tôi xin nhắc lại lần nữa: cái chính là tìm ra được những chi tiết hay, nếu không tìm ra được những chi tiết hay thì có nắn nót đến mấy đi nữa văn vẫn là văn trống rỗng không đánh lừa được ai.

Bây giờ tôi lấy mấy thí dụ về các nhà văn gần đây:

Cuốn Thần Tháp Rùa của Vũ Khắc

Khoan được giải nhất về cuộc thi văn chương toàn quốc năm 1960 và cuốn Mưa Đêm cuối năm được giải nhì — truyện Chồng con tôi của Duy Lam và các truyện dài truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc người đã chia được giải nhất với Vũ Khắc Khoan về cuốn truyện dài Đò Dọc.

Trong cuốn Mưa đêm cuối năm, tác giả đã có được cái chính: một lối nhìn đời riêng biệt, những nhận xét đúng và hơi lạ. Nhưng còn văn trong sách đó? Tôi có thể nói là lỗi về văn phạm đây rầy, câu nhiều khi không thành câu, làm đoạn viết nếu không sáo thì cũng kỳ quặc, lập dị hoặc dùng chữ nho không phải chỗ; ông có thể nói một cách đơn giản như bất cứ người ít học nào cũng nói được mà lại diễn tả rõ ràng hơn, “văn chương” hơn. Nhưng tôi xin nhắc lại: tác giả là một nhà văn có tài, còn những lỗi

làm kia chỉ chú ý một chút hay sửa qua sẽ hết ngay.

Đọc truyện *Chồng Con Tôi* của Duy Lam tuy lỗi văn phạm ít hơn nhưng bất kỳ ai đọc xong cũng đều nói: đây là một truyện dịch văn ngoại quốc. (Nhân tiện tôi có nhận xét là phần nhiều những nhà văn không giỏi Pháp văn lại viết theo lối đặt câu của văn Pháp, không giỏi chữ nho lại hay dùng chữ nho; những lối văn tây, hoặc lập dị hơn ba mươi năm trước bắt đầu từ cuốn *Những kẻ chán đời* viết khoảng năm 1927 người ta thấy nhan nhản trong các sách một dạo rồi vụt biến đi đâu mất, cách đây khoảng bảy tám năm khi Pháp văn chỉ còn là một thứ ngoại ngữ, khi các nhà văn chỉ biết tiếng Pháp một cách sơ sài thì lối văn lai căng ấy lại thấy vụt ra. Tuy vậy, ta vẫn rất mừng rằng một số đông thanh

niên nam nữ theo chương trình Việt văn lại trở về lối viết giản dị, Việt Nam, cố dùng những câu, những chữ rất thông thường mà vẫn tả được đúng cảm giác chân thành và những ý tưởng phức tạp, uẩn khúc của mình). Truyện Chồng con tôi viết đã gần mười năm trước ; đến nay Duy Lam cũng trở lại lối văn Việt Nam giản dị hơn mà vẫn tả được những điều sâu sắc ý nhị hơn như trong truyện Vực Thẳm.

Truyện của Vũ Khắc Khoan với Bình Nguyên Lộc về nội dung mỗi người một vẻ nhưng vì cách hành văn thì Vũ Khắc Khoan cẩn thận hơn, thận trọng cân nhắc từng chữ. Lại còn điều này nữa là Vũ Khắc Khoan rất giỏi về Pháp Văn nhưng ông lại viết rất Việt Nam.

Nói tóm lại khi mình đã có được cái chính (nhận xét đúng, nhìn đời một cách

riêng biệt, tìm được những chi tiết hay v.v...) mình sẽ thành được một văn sĩ có tài còn văn chương chỉ là thứ phụ thêm vào.

Tôi còn nhớ hồi năm 1941 khi chấm thi giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn, Khái Hưng và Thế Lữ đã cãi nhau kịch liệt vì hai cuốn Cái Nhà Gạch của Kim Hà và Làm Dâu của Mạnh Phú Tư. Thế Lữ vẫn chuộng về hình thức nên không thể chịu nổi câu: “Nhà tôi là cái nhà gạch” của Kim Hà và đề nghị gạt bỏ cuốn Cái nhà gạch đi. Sau cùng năm đó phải tăng gấp đôi số tiền thưởng và đặt hai giải nhất để tặng hai người. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy cuốn Cái Nhà Gạch của Kim Hà hơn hẳn cuốn Làm Dâu của Mạnh Phú Tư một bậc. Tuy cuốn Cái Nhà Gạch không xuất bản nhưng đến nay sau hai chục năm tôi vẫn còn nhớ rõ lại những cái hay. Cuốn

Làm Dâu tuy xuất bản nhưng không để lại một thứ gì đặc biệt trong trí nhớ tôi nữa.

Các nhà văn trong phái “lập dị” bây giờ, tôi thấy họ chú trọng quá về hình thức nhưng than ôi! Hình thức của họ chỉ là một thứ hình thức kỳ quặc để cốt độc giả chú ý và tưởng họ thâm thúy. Nhưng độc giả họ tinh khôn lắm, không dễ bị ai đánh lừa và lối văn lập dị hiện nay chẳng bao lâu cũng sẽ biến mất. Họ có một điều đáng phục là muốn đi tìm tòi một thứ gì mới lạ nhưng nếu họ chịu khó tìm tòi về nội dung họ sẽ thành công, còn như bỏ ruột để chú trọng về cái vỏ ngoài thì dù đũa gọt chạm trở khéo đến đâu, làm cho nó lạ mặt đến đâu, cái vỏ bao giờ cũng chỉ là cái vỏ.



Kỷ niệm ngày khai bút Xóm Cầu Mới
bên giòng suối Đa Mê 13-10-1957

3. XÓM CẦU MỚI

Truyện của Nhất Linh

Mười mấy hôm sau quả như lời bà chủ Nhật Trình nói, vợ cả ông Hai Vinh «củ nâu» đến Xóm Cầu Mới vào lúc nửa đêm, bắt gặp chồng và vợ bé, đánh chửi hai người một trận rầm cả xóm rồi đuổi vợ bé đi, đuổi cả con sen (vì bà cho là cùng một tụi với nhau) còn chồng thì bà ta nhốt lại với bà ta ở trong nhà luôn mấy hôm.

Mùi mừng rõ lắm nhưng nàng khó chịu không tìm được cách nào tỏ cho

ông Hai Vinh biết là mình định thuê nhà. Ông Hai Vinh không được ra khỏi cửa; còn nàng không dám đến vì không quen bà ta, vả lại có đến cũng không biết nói thế nào cho khỏi mất lòng.

Ba ngày hôm sau, nhà ông Hai Vinh lại bắt đầu mở cửa. Mùi vờ sang thăm cụ Hai Huế để có dịp đi qua trước cửa nhà ông Hai Vinh mong gặp ông ta và nếu tiện thì hỏi về việc thuê nhà.

Nàng đưa mắt nhìn vào thấy ông Vinh ngồi ở một đầu giường, bà Vinh ngồi ở một đầu giường, hai người cùng nhìn ra phố. Ông Hai Vinh rõ ràng trông thấy nàng nhưng không cất tiếng chào. Bà Hai Vinh nhìn nàng một cách tò mò và đầy ác cảm. Nàng có cái cảm tưởng là cả hai vợ chồng đều cho là nàng xấu bụng, định đến xem mặt họ. Nhìn mặt bà Hai Vinh không biết vì sao nàng thấy

đáng ghét tộ. Nàng cũng không cất tiếng chào, vội vàng quay mặt đi.

Lúc trở về, khi đi qua trước cửa nhà ông Vinh nàng ngửa mặt nhìn thẳng như muốn tỏ cho họ biết là không phải nàng xấu tính muốn sang xem mặt họ; nàng thấy trong người tức bực và lại càng ghét bà Vinh hơn.

Hôm sau nàng lại đến thăm bà Năm Bụng để có dịp gặp mặt ông Vinh. Đến gần nhà ông Hai Vinh, nàng chột nghĩ chắc thế nào bà Vinh thấy nàng đến cũng rửa thắm: con bé này vờ vờ vĩnh vĩnh. Nghĩ thế Mùi lại không dám rẽ vào, mắt nhìn thật thẳng, không dám cả liếc vào nữa. Lúc trở về Mùi lại quay hẳn mặt nhìn sang nhà trước cửa ông Hai Vinh.

Mùi lấy làm khoan khoái đã tỏ ra được cho bà Hai Vinh đáng ghét kia biết

rằng nàng không thèm nhìn đến cái mặt người bà ta. Nhưng nàng thấy bực tức là việc thuê nhà của nàng, nếu cứ thế, thì không tiến được bước nào.

Nàng thấy mình có chịu khó gặp ông Hai Vinh một lần cũng vô ích; trong khi vợ chồng người ta đương ở một tình trạng như thế không có cách nào hỏi thẳng ngay, phải đợi người ta nói ra trước và như vậy cần phải lân la sang chơi một vài bận và nói chuyện lâu với cả hai vợ chồng, nghĩa là phải tìm cách làm thân với bà Hai Vinh. «Làm thân với bà Vinh?» Mùi nghĩ thế và cười hất ra một cái. Nàng chỉ còn cách là đợi. Nàng cũng không sợ ai thuê tranh vì ngoài nàng ra còn ai thuê nhà ở xóm làm gì.

Một hôm bà Ký Ân vào hàng và hỏi ngay:

– Cô không thuê nhà nữa à?

Mùi nhìn bà Ký Ân hơi ngạc nhiên:

– Ai bảo bà thế?

– Tại sao cô không hỏi Hai Vinh.

Mùi ghé vào tai bà Ký nói cho bà rõ những sự khó khăn. Nghe Mùi nói xong, bà Ký Ân thở dài một cái bảo Mùi:

– Nhà ấy có người thuê rồi.

Mùi sững sốt nhưng tự nhiên nàng lại thấy trong lòng vui vẻ nhẹ nhõm hẳn.

– Ai thế? Chắc bà chủ Nhật Trình thì phải biết.

– Ông giáo Đông Công Ích Tin lành.

– Thế sao ông ấy biết mà thuê?

– Ông ấy quen Hai Vinh và ông ấy

hỏi thẳng Hai Vinh không như cô.

Ông «Giáo Đông Công Ích Tin Lành» có cái tên dài thế vì ông làm rất nhiều nghề nhưng chỉ có một nghề là nghề thật; ông làm người đi cổ động và bán phiếu cho hãng Công Ích để dành tiền. Muốn cho người ta tin, ông tự gán cho ông là một ông giáo mặc dầu ông không đi dạy học bao giờ và đi đâu ông cũng rút ở trong cặp ra cùng với những giấy giảng giải về cách thức để dành tiền, lời lãi, sổ sổ v.v. một hai cuốn sách đạo và ông nói vài câu cổ động cho hội Tin lành.

Chính bà Ký Ân vẫn thường nói chuyện với Mùi về ông giáo Đông luôn; có một lần đương khen ông giáo Đông và bà lại chêm vào một câu nói ông ta chưa có vợ. Giá là người khác nói thì Mùi đã cho là ông giáo Đông nhờ người

bản tin nàng nhưng đối với bà Ký Ân lúc nào cũng chỉ nghĩ đến sự kén chồng cho sáu cô con gái đến tuổi hay xấp xỉ đến tuổi lấy chồng thì Mùi không để tâm.

Bỗng nàng vừa sực nghĩ ra điều gì, đưa mắt nhìn bà Ký rồi cười nhạt. Linh cảm vừa báo cho nàng biết là chính bà Ký đã bảo ông giáo Đông biết là Hai Vinh sắp dọn đi, để ông giáo thuê cái nhà đó, ở gần gũi bà và năng đi lại nhà bà tự nhiên.

Nàng cất tiếng nói với bà Ký:

– Bà này, cái ông giáo Đông thế mà giỏi nhỉ không kém gì bà chủ Nhật Trình. Cháu ở ngay bên cạnh không biết... phải nhờ bà báo, thế mà ông ta ở xa cũng biết được... mà không cần bà báo.

Ngừng một lát, nàng lại hừ lên một tiếng rồi tiếp theo:

– Ông ta tài thật đấy nhỉ, bà chủ Nhật Trình nhỉ.

Khi Mùi nói tiếp câu sau cùng sau một hồi ngừng lại và sau một tiếng «hừ» ngẫm nhiều ý nghĩa, bà Ký chột dạ. Chính bà đã bảo ông giáo Đông thuê tranh Mùi. Thấy Mùi có ý nghi ngờ, bà vội nói dối thêm một câu nữa cho Mùi hết nghi:

– Thì chính ông giáo Đông bảo tôi là vợ cả Hai Vinh biết Hai Vinh có vợ bé ở đây.

Thấy Mùi vẫn có vẻ không tin, cứ nhìn chòng chọc vào miệng mình nói, bà Ký ngượng quá, cái môi dưới đương uốn éo định nói thêm bõng rung rung rồi yên tấp. Bà Ký đứng dậy:

– Thôi con này đi về thôi.

Mùi không tức gì về việc không có nhà thuê; sự thực thấy sự bất đắc dĩ không thuê được nhà nàng lại mừng nghĩ đến cái vui được ở cùng nhà với Siêu trong ít lâu. Nàng chỉ đâm ghét bà Ký Ân xấu bụng mà xưa nay nàng vẫn không ưa gì và sáu cô con gái của bà xưa nay nàng vẫn có ác cảm thì nay nàng lại thấy đáng ghét, đáng ghét như mẹ.

Nàng lại lấy làm bằng lòng vì đã không cần dùng lời nói rõ ràng mà cũng tỏ ra được một cách rất rõ ràng rằng nàng biết bà Ký Ân đã xấu bụng đánh lừa nàng; nàng đã làm cho bà Ký Ân bứt rứt để báo thù bà mà bà không dựa vào có gì để giận nàng được.

Nàng vừa sức nhớ là bà Ký Ân quên không ăn trầu và nàng cũng quên dứt không mời bà ăn trầu như mọi lần. Mùi

nhìn theo bà Ký đi về phía chợ; bỗng nàng cau mũi:

– Nói thế nào với ông cụ bây giờ.

Nàng bực mình và tự trách mình nhanh nhẩu đoảng chưa chi đã nói ngay với cha là thuê được nhà của ông Hai Vinh mà lại nói cả số tiền thuê là hai đồng một tháng. Mùi thấy ngựa ngựa ở gáy và cho tay lên gãi và càng gãi càng ngứa thêm.

Chợt thấy ông Ninh Ký đương thố lỗ hai mắt lồi nhìn mình, Mùi lấm bắm:

– Người ta đương bực mình đây. Nhìn cái gì?

Nhưng Mùi không quay mặt đi nhìn ra chỗ khác như mọi lần: nàng nhìn thẳng vào mặt ông Ninh Ký không chớp và mắt nàng cũng cố mở to như mắt ông

Ninh Ký. Nàng cứ nhìn như thế cho đến lúc ông Ninh Ký chịu thua phải cúi mặt xuống.

– Xem nào, còn nhìn nữa không nào.

Mùi gọi Bé lên:

– Chị trông hàng, tôi phải về nhà có tí việc cần.

Mùi về nhà không phải để báo cho ông Lang biết không thuê được nhà nữa, tin ấy nàng muốn để chậm lại càng lâu càng hay. Bao giờ cũng thế, hễ khi nào có việc bực mình là Mùi về thẳng nhà rồi ra vườn xới rau nhặt sâu để không nghĩ ngợi gì nữa.

Mùi về đến cổng nhà, gặp ông Năm Bụng đương đứng nấp sau chậu dâm bụt. Ông Năm thấy Mùi về, mừng rỡ nói:

– May quá.

Mùi nhìn vào bụng ông Năm Bụng, hiểu ý và mỉm cười nói:

– Ông cứ vào không sợ gì.

Không sợ đây tức là không sợ chó. Ông Năm Bụng có cái tài dắt ở bụng tới năm chai rượu lậu mà lúc đi vẫn ngang nhiên như trong bụng không có chai nào; dẫu những người đã biết chắc chắn là ông có rượu ở bụng nhìn cũng chỉ thấy bụng ông hơi phình một tí thôi. Có một lần đương đi ở phố Phủ Lê gặp một bọn tây đoan và lính đoan ở ga xuống đi ngược lại phía ông mà bụng ông lúc đó cũng như mọi lúc dắt năm chai rượu lậu. Cả phố Phủ lo sợ nhưng họ thấy ông mặt vẫn lăm lè và thản nhiên như người đi chơi mát. Vì người ông cao lớn, trán rộng mắt sâu lại có một bộ râu quai

nón đen và dài như râu một ông cố đạo, trông ông bệ vệ và đạo mạo như một vị quan to; bụng ông có to một tí cũng là sự thường. Linh đoan nhìn ông không đời nào ngờ được trong bụng ông chứa đến năm chai rượu lậu. Khi tây đoan đi xa rồi, có người hỏi ông có sợ không, ông thản nhiên đáp:

– Không sợ bằng chó.

Họ tưởng ông ghét tây đoan nên nói xỏ một câu chơi nhưng chính ra ông Năm Bụng cả đời không nói xỏ ai bao giờ, dẫu cho là nói xỏ tây đoan mà cố nhiên vì nghề ông phải ghét. Một lần phải chống cự lại một con chó dữ ông đã đánh rơi và vỡ mất cả năm chai giắt ở bụng và từ hôm ấy ông bắt đầu sợ chó hơn sợ tây đoan. Vì thế ông đi đâu cũng cầm một cây gậy trúc để đuổi chó và trong túi ông bao giờ cũng có kẹo vừng kẹo bột để cho

trẻ con chạy ra đánh chó cho ông. Trẻ con nhà nào có chó lành không bao giờ được ăn kẹo của ông.

Ông vừa vào đến trong nhà, thoáng một cái Mùi đã thấy năm chai đặt trên phản trước mặt ông Lang. Mỗi khi ông bán bao nhiêu thì ông chỉ lấy ra bấy nhiêu thôi; nhà Mùi thì chỉ cần rượu cúng và vì thế thường mua rượu tốt để được lâu trong nhà không sợ. Có mua giúp ông Năm Bụng thì nàng chỉ mua một chai ngâm thuốc tỉnh thoảng cha nàng uống hay để phòng xa thết khách.

Thấy ông rút ra cả năm chai, Mùi vội kêu:

– Nhà tôi làm gì mua nhiều rượu thế!

Ông Năm Bụng quay mặt về phía ông Lang nói:

– Ông mua giùm cho lấy may.

Rồi ông lại quay về phía Mùi:

– Lần này lúa rượu tốt. Cô mua cho cả năm chai. Không uống thì để đó có thiệt đi đâu.

Mùi mỉm cười:

– Để đẩy tây đoan nó khám phá, ông bắt tôi ngồi tù thay ông à? Mà đào đâu ra thuốc mà ngâm cả năm chai, hỡi trời!

Ông Năm Bụng nói nằn nì mãi, sau cũng ông nói với ông Lang:

– Thì ông mua hộ tôi hai chai vậy. Đã đến kỳ trả tiền học cho cháu Nghĩa.

Ông Năm Bụng sờ dĩ đi bán rượu lậu không sợ tù tội một phần lớn để nuôi người con trai đi học. Mỗi năm hai lần cứ khi nào đến kỳ trả tiền học là ông đi

tất cả các nhà quen thuộc và gần như bắt mỗi nhà mua thêm mấy chai. Ông vẫn nói:

– Ông cố mua thêm mấy chai, không có tiền trả tiền học, nhà trường có đuổi cháu đi rồi ông có mua thêm cũng vô ích.

Thường thường thì ai cũng nể và mua thêm. Cả vùng ấy và ngay cả đến bà chủ Nhật Trình nữa không một ai biết là ông ở đâu đến và vì cơ gì ông lại đến ở Xóm Cầu Mới làm cái nghề hèn hạ ấy. Nhưng thấy ông diện mạo khôi ngô ra vẻ con nhà dòng và cách cư xử cùng lời ăn tiếng nói đường hoàng đúng đắn (đã có lần cả nhà ông chịu đói hai hôm liền mà ông nhất định không chịu đi vay ai cả) nên ai cũng đoán ông thuộc về một nhà gia thế chỉ vì một việc buồn uẩn khúc nên phải bỏ đi tha phương cầu thực. Trước kia chưa biết, thỉnh thoảng có người vô

tình hỏi ông về lai lịch của ông; những lúc đó ông không đáp lại, hai mắt ông nhìn thẳng vào quăng không một cách đau khổ và mắt ông vốn lúc nào cũng đỏ thì lúc đó đỏ thắm lên như tiết lợn, trông thật ghê sợ, nét mặt đã sần lăm lì của ông lại lăm lì hơn và ông ngồi yên không động đậy một thớ thịt – sự yên lặng ấy lại làm cho người hỏi ông sợ ông hơn là ông tỏ vẻ tức giận – rồi sau một lúc ông đứng dậy và bỏ đi thẳng, vẫn không nói nửa lời bất kể người hỏi là ai và bất kỳ giữa hai người đương có việc gì quan trọng đến đâu mặc lòng. Bây giờ thì ai cũng biết thế nên không ai dám hỏi ông duyên do vì sao ông đến đây. Cũng không ai biết cả đến tên ông nữa, vì cái tài dắt nổi năm chai rượu ở bụng nên mọi người gọi ông là ông Năm Bụng làm như ông là con trai thứ năm và tên là Bụng.

Ông Năm Bụng nói xong vội cầm lên ba chai đút vào bụng chỉ để lại hai chai cho Mùi khỏi thấy nhiều quá, sợ không mua. Mùi nghe ông nói đến kỳ trả tiền học mới sực nhớ ra tại sao hôm nay ông lại nằn nì đòi mình mua nhiều thế. Nàng nghĩ đến Nghĩa, anh chàng học trò nét mặt sáng sủa, thông minh, bằng trạc tuổi nàng, thỉnh thoảng đi qua cửa hàng, mỗi lần nghỉ học ở Hà Nội về thăm nhà. Anh chàng giống ông Năm Bụng như tạc khuôn chỉ khác là mắt không đỏ, cằm không có râu và bụng thì không có chai. Anh chàng bao giờ cũng nhìn thẳng trước mặt y như cha và Mùi đã thấy nhiều lần đi qua cửa hàng mà chưa một lần nào nhìn vào; nàng nghĩ có lẽ anh chàng cũng chưa biết mặt mình nữa. Hình như anh chàng chỉ biết có học, ngoài ra không biết đến chuyện gì khác.

“Bụng cha thì đầy rượu, bụng con thì đầy chữ.”

Mùi mỉm cười nghĩ đến câu mọi người vẫn bình phẩm về nhà ông Năm Bụng. Nàng đưa mắt nhìn ông ta đứng đờ và thương hại. Nhìn nét mặt thẳng thắn của ông, Mùi lại nghĩ đến bà Hai Vinh mặt mày trơ trẽn và đáng ghét, đến bà chủ Nhật Trình đã lừa nàng, đến sáu cô con gái của bà cũng quỷ quyết như mẹ và đến mặt xù xì, phụng phịu của ông Ninh Ký bì thế nào được với nét mặt sáng sủa, lịch sự của Nghĩa. Nàng bảo ông Năm Bụng:

– Ông để đấy tôi lấy cả năm chai. U già ơi, đem hũ rượu ra đây.

Ông Năm Bụng ngạc nhiên vui mừng nhưng không tỏ ra nét mặt và cho tay vào bụng rút ba chai kia ra. Ông Lang

Hàn cũng ngạc nhiên và mỉm cười. Thấy con gái mình đương chê nhiều rượu, vừa nghe ông Năm Bụng nói đến việc trả tiền học cho Nghĩa đã vội vàng mua cả năm chai, ông chợt nghĩ ra một điều và tươi hẳn nét mặt. Ông vui sướng vì thấy con gái mình đã mười chín tuổi mà quanh vùng không thấy một ai xứng đáng; cử chỉ vô tình của Mùi đã làm ông chợt nghĩ đến Nghĩa. Ông Năm Bụng tuy nghèo nhưng thuộc về nhà gia thế, ông không biết rõ nhưng tin chắc như vậy mà Nghĩa lại học giỏi, thế nào cũng đỗ cao và làm nên. Ông nhẹ hẳn người:

– Thế mà sao mình không nghĩ ra.

Rồi ông cất tiếng vui vẻ thân mật bảo ông Năm Bụng:

– Ông Năm ở đây uống với tôi vài chén cho vui. Sáng ngày cháu Mùi có

mua được con cá béo lắm.

Ông Năm Bụng nhanh nhẹn dứt cả năm chai không vào bụng, vội nói:

– Ông cho tôi đi; tôi còn đi nhiều nơi lắm, vì sáng mai tôi phải đi Hà Nội kịp trả tiền học cho cháu.

– Không tôi không để ông đi đâu.

Rồi ông Lang rối rít gọi Mùi bảo làm cơm:

– Mùi đi rán con cá đi, đừng để u già rán.

Ông quay lại phía ông Năm Bụng:

– Sợ ông thiệt, tôi mua thêm ông năm chai nữa để giúp cháu.

Lần này thì lại đến lượt Mùi ngạc nhiên. Ông Bụng cũng ngạc nhiên,

nhưng còn lưỡng lự. Ông Lang Hàn chợt nghĩ đến chỗ tự nhiên vô cớ mời ông Năm Bụng uống rượu, khác hẳn mọi lần, ông vội nói:

– Tôi muốn hỏi về cách thức cậu Nghĩa học ở trường Bưởi thế nào, để sau tôi cũng lo cho cháu Triết lên theo học.

Ông Lang đã tình cờ nói đúng vào chỗ yếu của ông Năm; hễ ai nói chuyện hỏi han về sự học của con ông thì ông thích lắm, ngồi nghe bao lâu cũng không chán và chỉ những lúc đó thì trên nét mặt lấm lì – lấm lì gần như đau khổ – của ông người ta mới thoáng thấy một vẻ tươi cười rất nhẹ ở khoé mắt. Ông Năm Bụng không nói gì, từ từ rút năm cái chai không ở bụng ra, đặt xuống chân cột. Mùi biết là ông đã nhận lời vội cất tiếng gọi u già đương đi cất hũ rượu vào trong buồng:

– U già đem hũ rượu ra đây.

U già ngơ ngác rồi lấm bắm: vừa đem rượu cất đi xong lại thấy gọi đem rượu ra, u tưởng là Mùi trả lại ông Năm Bụng không mua nữa.

– U điếc à? Đem mau ra hai ông nhắm sông trước rồi làm cá để tôi rán.

Nàng cũng chạy ngay xuống bếp làm cơm và quên cả việc ra vườn xới rau như ý định lúc còn ở ngoài cửa hàng. Lần này Mùi cho nhiều dầu rán cho cá vàng ròn và ngon rồi nàng đi lấy ít tương Cừ Đà đã mua ở Hà Nội về, thái mấy miếng ớt thật mỏng cho vào. Ông Lang thích uống rượu với cá rán chấm tương, nhưng con cá phải thật tươi, rán phải chín vàng, thịt

trắng và thơm, còn vây và vẩy ăn phải vừa ròn không mềm mà cũng không cháy vụn quá. Chỉ có Mùi là rán được như ý muốn của ông. Rán xong con thứ nhất, chính tay Mùi bung lên, hơi ở con cá còn bốc nghi ngút và trong những vẩy con cá cong queo còn nghe lách tách tiếng dầu nổ.

– Mời ông mời thầy xơi cho nóng.

Ông Lang nhắc chén rượu mời ông Năm Bụng:

– Mời ông dùng. Rượu của ông phải có cá của tôi.

Mùi đưa mắt nhìn ông Lang, ngẫm nghĩ không biết cha mình có sự vui vẻ đột nhiên gì. Mỗi khi ông Năm Bụng

đến, ông Lang chỉ nói vài câu lấy lệ, và có khi chẳng nói câu nào; lần này cha nàng lại mời ông ở lại uống rượu, nói chuyện luôn miệng và nhất là mua thêm năm chai; cha nàng chỉ hay nói khi nào trong lòng vui vẻ đặc biệt. Mùi đưa mắt nhìn ông Năm Bụng làm như nhìn ông ta thì có thể tìm thấy duyên do sự vui vẻ của cha mình. Ông Năm Bụng cho miếng cá vào miệng, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ gật đầu:

– Cá của ông phải có rượu của tôi!

Ông mở nút hũ, rót rượu vào chén ông Lang:

– Mời ông xơi một chén nữa.

Mùi nhìn ông không ngăn nổi mỉm cười: ông nói đến rượu và mời ông Lang uống rượu tự nhiên như rượu trong hũ vẫn còn là rượu của ông. Mùi quay xuống bếp để rán con cá thứ hai.

4. VIÊN ĐỘC DƯỢC³

NHẤT LINH

Hai người lại lên xe, đến một chỗ vòng tự nhiên Thanh cho xe chạy thật mau xuyết đâm xuống một cái khe núi. Ngọc kêu lên:

– Ý chị định xuống vực thăm đi tìm hư vô hay sao?

Thanh quặt tay lái vừa kịp. Nàng

³ Độc dược (cyamuse de potassium) là thuốc mà Nhất Linh đã dùng để tự tử.

đăng trí và sung sướng vì nàng vừa nghĩ ra duyên cớ vì sao nàng lại vui vẻ mê man. Nét mặt sợ hãi và tái hẳn lại của Ngọc khi nàng ngả người bỏ tay ra không phải chỉ vì Ngọc đã hoàn toàn tin ở mình: không, chính vì Ngọc yêu nàng. Bên tai nàng vang lên những tiếng “Ngọc yêu Thanh, Ngọc yêu Thanh, chắc chắn yêu Thanh”, người nàng lúc đó như tê dại, quả tim đập mạnh và nàng thầm gọi Ngọc, tuy Ngọc ngồi ngay bên cạnh: “Ngọc của Thanh, em yêu anh từ lâu”.

Thanh hỏi Ngọc:

– Bông hoa trà lúc này có lấy lại được không?

– Chị vất đi bây giờ lại muốn lấy lại. Lát nữa qua chùa tạt vào xin một bông khác.

– Không, tôi muốn lấy lại bông hoa ấy cơ. Để kỷ niệm lúc có cảm tưởng thân biến vào hư vô.

Lúc xuống chỗ xe quặt vào con đường chân núi; Thanh nói:

– Để tôi cho xe đi đường này kiếm cho được bông hoa đó; đến Đại Quán Lâu chắc vừa đúng giờ ăn trưa.

Tới chân núi Tây Sơn, may vì bông hoa trà mi rơi giữa đám cỏ xanh nên Thanh trông thấy ngay, nài cho xe quay lại, lúc đến Đại Quán Lâu, Thanh đưa Ngọc qua một cổng tò vò, vào một cái phòng ăn mặt trước không có cửa và trông ngay ra hồ. Một bụi trúc lớn mọc ở bờ nước; căn nhà kiến trúc theo lối cổ nên Thanh tưởng như cùng Ngọc sống lại lại đời xưa vào một quán cơm đời Tống hoặc đời Đường.

Sau khi gọi các món ăn, người hầu sang hiệu cơm chính bên cạnh, Thanh nói khẽ với Ngọc:

– Bây giờ anh làm lễ tuyên thệ vào đảng cho tôi đi. Tôi đã nghĩ kỹ và rất vui lòng được anh cho vào chỉ bộ của anh để làm việc.

Ngọc nói:

– Lúc về nhà chị hãy tuyên thệ. Tôi giới thiệu và anh Tường công nhận như thế trọng thể hơn... Bây giờ không phải đồng chí hờ chi bộ ma nữa.

Thanh lại lấy bông hoa trà áp vào má, nhìn Ngọc:

– Thế là từ lúc này, tôi bắt đầu bị cái guồng máy lôi cuốn nhưng tôi không cần, dù cho nó nghiền nát cũng vui lòng.

Lúc người hầu bàn đem các thức ăn sang, Thanh chỉ ngồi nhìn Ngọc ăn. Nàng gấp vài miếng lấy lệ, nhìn ra ngắm những lá trúc gió thổi tạt về một phía và hoa nắng lặn tẩn trên mặt hồ gợn sóng.

Thanh biết trước là khi nhắm mắt hai tay buông xuôi, cái hình ảnh cuối cùng trong đời nàng là hình ảnh hoa nắng lẫn lộn với lá trúc rung động và hình ảnh Ngọc ăn bát phở chua trộn rất nhiều tương ớt.

Ăn xong Ngọc mới hỏi nàng:

– Thế nào chị không ăn à?

Thanh hôn vào lòng bông hoa:

– Lúc này tôi ăn hoa cũng đủ no rồi.

Nàng giật mình bảo Ngọc:

– Ấy chết, ở nhà ai nấu cơm cho anh Dũng ăn?

– Chị không lo, sáng nay đi tôi đã báo trước cho anh Dũng biết, Nhà sẵn có dưa ngon của chị, anh ấy chỉ việc thổi nồi cơm. lát nữa về biết tin chị đã nhận lời, anh ấy chắc mừng lắm.

– Thế còn anh?

Ngọc mỉm cười đáp:

– Tôi vẫn thích chị là đồng chí hờ trong chi bộ ma có hai người thôi.

– Nếu vậy anh đừng bảo cho anh Tường biết là tôi nhận lời. Tôi sẽ tìm cách từ chối khéo anh ấy.

Ngọc suy nghĩ rồi ngập ngừng nói:

– Nhưng..

Thanh ngắt lời:

– Không nhưng gì cả. Tôi chỉ cố sao cơm cho dẻo canh cho ngọt để hai anh ăn. Còn tôi, tôi chưa muốn làm việc gì cả. Tối hôm nay tôi lại đến đây; trăng hơi muộn nhưng tôi sẽ thuê thuyền để ngắm trăng, đêm lạnh tôi càng thích. Tôi muốn đi dạo Ngũ Hồ như Tây Thi mà không cần anh chàng Phạm Lãi.

Ngọc giơ tay giặt lấy bông hoa của Thanh bỏ vào túi mình:

– Tôi giữ hộ chị bông hoa. Tối hôm nay tôi sẽ là Phạm Lãi. Tôi sợ chị lại muốn nhảy xuống đáy hồ để tìm hư vô hoặc chị đi vào thiên thai mất để chế chất cyanure de potassium rồi đầu độc cho cả nhân loại biến vào hư vô, cho nhân loại khỏi giết hại lẫn nhau.

Ngọc cười. Thanh cùng cười theo rồi nói:

– Tôi ấy à? Tôi chẳng cần vào Thiên thai mới chế được cyanure. Ngay chiều hôm nay tôi sẽ đến một hiệu thuốc tây mua một ít nói là về để giết chuột. Anh chắc đã biết ở đất Tàu này mua chất độc gì cũng không cần đơn của y sĩ. Nếu cần tôi sẽ nói tôi tốt nghiệp trường thuốc Hà Nội, họ sẽ tin ngay nhất là tôi biết về thuốc thật, tôi lại biết cả tiếng Pháp, tiếng Anh. Vả lại người tôi hồng hào thể này, mặt lại tươi như hoa, họ không thể nghi cho tôi muốn tự tử mà thật ra tội gì tôi muốn tự tử.

Nàng tiếp theo nhìn Ngọc về mặt tinh nghịch:

– Nhưng tôi không giết chuột đâu.

Người đầu tiên trong nhân loại tôi sẽ giết... là anh.

Bồng nàng bỏ chạy ra cổng Đại Quan Lâu. Lúc trở về nàng đưa Ngọc một điều thuốc lá thơm:

– Mời anh xơi thuốc. Chắc anh hẳn rõ trước khi lên máy chém hay ngồi vào ghế điện, phạm nhân được người ta ân cần săn sóc cho ăn một bữa cơm ngon như bữa cơm lúc này và được hút một điều xì-gà hay thuốc lá thơm. Để chậm lại, lỡ có chết vì Việt Minh hoặc vì Pháp anh đừng có hòng hút thuốc lá thơm. Kìa mời anh xơi.

Ngọc lấy bông hoa trà trong túi ra nhin Thanh một lúc rồi nói:

– Người tây phương lạ thực họ chỉ nghĩ cho ăn uống, hút thuốc lá; tôi thì tôi

cho rằng để phạm nhân ngắm một thứ gì rất đẹp trước khi chết như vậy nhân đạo hơn. Ý kiến chị thế nào?

– Tôi cũng nghĩ như anh.

Thanh sửa lại tóc, miệng nở một nụ cười, hai mắt long lanh sing nhìn Ngọc. Ngọc giả bông hoa còn tươi nguyên lên nhìn hoa rồi lại nhìn vào hai mắt Thanh; chàng yên lặng ngắm những làn sóng lăn tăn gợn sóng ngoài mặt hồ, phía sau người Thanh, rồi mỉm cười nói trống không:

– Rất tiếc lúc này chị không có sẵn cyanure de potassium.

Thanh nói:

– Thôi để đêm nay đi chơi thuyền đợi lúc giăng lên. Tôi lại sẽ ngâm thơ, cảnh đẹp không đủ, cần cho phạm nhân

nghe âm nhạc hay tiếng ngâm thơ thật hay. Tôi sẽ cố đem hết tâm hồn ngâm thơ cho anh nghe trước khi...

Nàng khẽ ngâm:

Đêm trăng, thoảng...

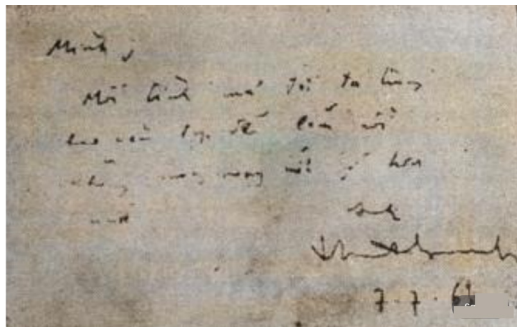
Nhưng nàng ngừng lại ngay:

– Thôi, để tối hay hơn, lúc giăng lên.

Nhất Linh

NHỮNG DI CHỨC CỦA NHẤT LINH

Di chúc gửi cho vợ:



« Mình,

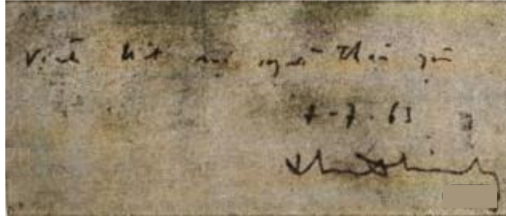
Mỗi tình của đôi ta trong bao năm
đẹp dễ lắm rồi không mong ước gì
hơn nữa ».

Anh

Nhất Linh

7-7-63

Di chúc gửi cho bạn bè:



« Vĩnh biệt mọi người thân yêu

7-7.63

Nhất Linh »

5. Ý HƯỚNG CẢI TẠO XÃ HỘI CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Người ta thường khi sự bật khỏi mạnh mẽ và đồng loạt của các quốc gia Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La tinh trong phong trào giải phóng giành độc lập như một đặc điểm đáng chú ý có tính cách xoay chuyển lịch sử thế giới và quyết định tới vận mệnh nhân loại. Trong những ảnh hưởng tới thế cuộc cho thay đổi lớn lao đó, điều đáng kể nhất hiện được chú ý là những công cuộc cải tạo xã hội đương hình thành trong khuôn khổ toàn diện nhằm thay đổi nền móng theo những hình thức cách mạng xã hội. Người ta cũng quy những thất bại liên tiếp của các chính khách Á, Phi. Châu Mỹ la tinh sau những năm cầm quyền chính bằng bao lực độc tài quân phiệt để thường bị chấm dứt bằng những cuộc đảo chính đẫm máu và đột ngột là do sự sao lãng hay lầm lạc trong những cải đổi xã hội chậm tiến để thoát khỏi nghèo đói, bệnh tật, dốt nát và hành chính thối nát cho đa số quần chúng

Nhưng dấu sao qua tất cả những phong trào giải phóng dân tộc trên các lục địa da màu, người thấy được rõ rệt một hướng đi lịch sử bao gồm hai giai đoạn tiếp liền và thường được coi như phải cùng thực hiện do những người thật sự sống trong lòng dân chúng, được nuôi lớn bằng ý chí thù hận tha hóa con người của những chủ nghĩa thực dân, đế quốc dù là đế quốc, thực dân dưới bất cứ hình thức nào.

– Giai đoạn đầu là giải phóng dân tộc khỏi đô hộ ngoại bang bằng vũ trang khởi nghĩa nhằm đánh đuổi những đoàn quân viễn chinh xâm lược để nắm ngay lấy chủ quyền độc lập về chính trị, quân sự

– Giai đoạn tiếp ngay sau là giai đoạn giải thực trên phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục nhằm trước hết quét sạch tàn tích thực dân được coi như ăn sâu trong guồng máy nhà nước, cơ cấu xã hội bởi những phần tử trưởng giả thành thị làm tay sai, công chức cho bộ máy cai trị bằng mật vụ, mật thám, công an, cảnh sát để sau đó, trên một tẩy uế toàn diện bộ mặt sinh hoạt xã hội và một chống đối thường trực những biến tướng của chủ nghĩa thực dân, những cơ sở đầu tiên về kinh tế, xã hội, những sản phẩm tinh thần mới mẻ của văn hóa, nghệ thuật được dựng lên, phổ biến như một nền móng căn bản cho con đường kỹ nghệ hóa, kỹ thuật hóa và khoa học hóa tránh cho dân chúng mức sống quá thấp so với các nước tiên tiến và từ đó, nhịp phát triển và tiến bộ đưa đất nước vốn giàu tài nguyên, nhân lực vào sự nghiệp xây dựng – “văn minh mới”, “nhân bản mới” như các nhà chính trị, kinh tế, văn hóa các nước thuộc khối thứ ba thường ao ước và đang hết sức thực hiện bằng tất cả khả năng và nhiệt tình cách mạng.

Hướng đi lịch sử hai giai đoạn bạo động và xây dựng đó hiện đã là những sự thực lịch sử và đối với các nước còn ở giai đoạn đầu hay còn bối rối trong khi bắt đầu giai đoạn thứ hai, sự lựa chọn phải được coi như không còn đặt ra nghĩa là, với những người đã thực sự nhận lấy con đường trách nhiệm bó buộc phải làm, ý nghĩa của sự lựa chọn chỉ còn gồm trong những chọn lựa phương tiện và cách thức thực hiện để cho hợp với hoàn cảnh thực của quốc gia và sức hoạt động hữu hiệu của phong trào, chứ không còn là những dẫn dắt, do dự trước những hướng đi, lối bước, đường hướng và mục tiêu hoạt động.

Chính trong những nhận định khởi đầu như thế, chúng tôi đề cập tới ở đây nhân ngày kỷ niệm Nhất Linh uống độc dược phản đối bạo quyền, công cuộc cải tạo xã hội của văn đoàn Tự Lực do người tới nay đã khuất đúng hai năm thành lập và lãnh đạo vào đầu Xuân 1933. Nói cho đúng, đây là công cuộc cải tạo xã hội có tính cách định kỳ, đã chấm dứt sau một khoảng thời gian và những ảnh hưởng còn lại không là động lực

chính để tái diễn công cuộc dưới khuôn khổ một phong trào khác; đây chỉ là một SỰ NGHIỆP cải tạo xã hội bằng báo chí, văn chương nghệ thuật và công tác xã hội (hội Ánh Sáng) trong thời kỳ tiền chiến, khi đất nước còn ở trong vòng nô lệ thực dân Pháp nghĩa là lúc giai đoạn bạo động khởi nghĩa còn chưa thực hiện được hay nói rõ hơn, vừa mới bó buộc thực hiện để nhận lấy thất bại chua cay nhưng bào hùng của những chiếc đầu rơi một buổi sáng trời Yên Bái âm u đưa 13 người liệt sĩ “không thành công” nhưng chắc chắn “thành nhân” vào lòng lịch sử. Dựa trên những nhận định vừa kể, chúng tôi không trình bày toàn bộ sự nghiệp cải tạo xã hội đó để đi tới phác họa lại sự nghiệp báo chí, văn học và công tác xã hội để đi tới những thẩm định có tính cách quyết đoán mà chỉ dùng những chính văn phác họa lại sự nghiệp báo chí, văn học

và công tác xã hội của văn đoàn để xác nhận ước muốn cải tạo xã hội chính là mục tiêu quan yếu nhất cho hoạt động của văn đoàn và từ đó, nêu lên ở đây một vài vấn đề có tính cách đề nghị một lối nhìn khác hơn những lối nhận định thuần văn học nghệ thuật về vai trò của Văn đoàn Tự Lực trong tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại – khoảng lịch sử mà những hoạt động về mọi phương diện gắn liền với nhau như thể những sinh hoạt chính trị kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục quân sự luôn luôn là những khởi đầu cho nhau, những hậu quả của nhau hay ít ra đều có những ảnh hưởng hỗ tương đến nhau.

Thường thường như tên gọi, người ta nói tới Tự Lực văn đoàn như một kết hợp những người chung một khuynh hướng văn chương, một chủ trương

nghệ thuật, một phương thức và lễ lối sáng tác như ngũ nguyên của từ ngữ “văn đoàn” và cách hiểu thông thường do chính những sinh hoạt thường xuyên hiện nay của những nhóm văn, những bút nhóm, những văn đoàn. Với Tự Lực văn đoàn, cách hiểu như thế chỉ đưa tới một phán đoán phiến diện về văn đoàn, nghĩa là khuôn khổ hoạt động của văn đoàn vào những hoạt động văn học nghệ thuật thuần túy, nhằm lấy văn chương nghệ thuật làm cứu cánh và như thế, sẽ cho là thành công nếu đạt được trình độ nghệ thuật bậc cao, có nhiều hy vọng vĩnh cửu hóa giá trị của nghệ phẩm hơn phổ thông hóa và quảng đại hóa công trình văn chương để nhằm những mục đích xã hội, chính trị. Nói rõ hơn, thu hẹp phạm vi hoạt động của Tự Lực văn đoàn vào lĩnh vực văn thuần túy là bỏ quên ở Nhất Linh chẳng hạn vai trò một

ông giám đốc tuần báo, một nhà hoạt họa châm biếm, một người điều khiển một nhà xuất bản lớn và trên hết, một người lãnh đạo một phong trào cải cách – rõ rệt hơn, người khởi xướng hội Ánh Sáng và chỉ huy phong trào tiểu thuyết luận đề. Và trên bình diện tổng quát về văn đoàn, sự thu hẹp phạm vi nhận định như thế chính đã đi sai lạc rất xa tôn chỉ của của văn đoàn đã được ghi rõ thành mười điều:

1. Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài, nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi: mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước.

2. Soạn hay dịch những sách có tư tưởng xã hội chủ ý làm cho người và xã hội ngày một hơn lên.

3. Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân, và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.

4. Dùng một lối văn giản dị, dễ hiểu, ít chữ Nho, một lối văn thật có tính cách An Nam.

5. Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có trí phấn đấu vì tin ở sự tiến bộ.

6. Ca tụng những nét hay vẻ đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân, không có tính cách trượng giả quý phái.

7. Trọng tự do cá nhân.

8. Làm cho người ta biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.

9 Đem phương pháp khoa học Thái tây áp dụng vào văn chương An Nam.

10. Theo một việc trong chín điều này cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác⁴.

Ba điều 4, 5 và 9 xác định phương thức các nhà văn Tự Lực dùng để phổ biến tư tưởng cải cách xã hội, thích hợp với ngôn ngữ “TRƯỚC VUI THÍCH, SAU ÍCH LỢI” được Nhất Linh coi như tiêu đề tóm tắt chủ trương của văn đoàn. Nhìn kỹ vào hoạt động của văn đoàn, ta thấy chủ trương đề ra được theo sát: tuần báo PHONG HÓA với thể tài trào phúng đã dùng tranh vẽ (Đông Sơn, Lemur), thơ Dòng Nước Ngược (Tú Mỡ, Bán Than ...), truyện cười, mục những hạt đậu dạn (Nhát dao cạo), văn vui (Nhị

⁴ Tuần báo Phong Hóa số 87 ngày 2.3.1934. Chúng tôi cho in dạn những hàng chỉ cần nhấn mạnh.

Linh, Khái Hưng), cuốn sổ tay (Tô Tử), mục từ nhỏ đến lớn, mục bàn ngang (Tú Ly), Mục từ cao đến thấp, ... tuần báo NGÀY NAY với thể tài phóng sự (Trọng Lang, Tam Lang, Nguyên Hồng, Hoàng Đạo...), truyện dịch (Vũ Ngọc Phan, Huyền Hà, Vũ Minh Thiều, Thạch Lam ..), kịch (Khái Hưng, Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, ...), tin văn ... văn (Lê Ta), Tin thơ (Thế Lữ). Trước vành móng ngựa (Hoàng Đạo), ... cùng với loại tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh, Khái Hưng đã thực hiện trong hơn 10 năm dòng ước muốn dùng lối vui tươi, hấp dẫn, dễ phổ thông trong quần chúng để quảng bá sâu rộng những tư tưởng bài phong, đã thực, vạch trần những xấu xa đồi bại của chế độ cũ, chế độ thực dân mà nếp sống đại gia đình, guồng máy quan lại, hủ tục mê tín dị đoan, cũng tinh thần Khổng học lỗi thời là những yếu điểm được các

nhà văn trong văn đoàn và cộng tác với văn đoàn nhằm vào.

Điều 10 lại xác nhận một cách rõ ràng hơn chủ trương của nhóm thanh niên trí thức chỉ muốn dùng văn chương nghệ thuật để thực hiện chủ đích cải tạo xã hội. Nói rõ hoa, họ sẵn sàng coi là cùng đi theo tôn chỉ của văn đoàn những người – có thể là nhà văn, có thể chỉ là người có thiện chí – “theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cổ động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân, hoặc chỉ trọng ‘tự do cá nhân’ hoặc chỉ cố gắng làm cho người khác biết rằng đạo Khổng không hợp thời nữa.”

Một xác nhận rõ rệt hơn cả là trước khi văn đoàn được thành lập vào đầu Xuân 1933 và bản tôn chỉ cùng tuyên ngôn của văn đoàn đã được coi như

thành công đáng kể nghĩa là đã gây một tiếng vang trong làng báo và đặt một cơ sở hoạt động thường xuyên và vững chắc cho văn đoàn. Sở dĩ những hoạt động báo chí được thành công như thế, một phần chính do ý chí quyết tâm hoạt động của những người thành lập văn đoàn. Một Nhất Linh mang nặng từ thuở thanh niên “giấc mộng Từ Lâm⁵”, say mê với nghề báo, thản nhiên từ chối tham gia nội các mới của Bảo Đại và Phạm Quỳnh đã được Khải Hưng vẽ lại qua nhân vật Phúc trong những ngày vui:

“Phúc là một vị giáo sư khoa học có giá trị tại trường trung học. Chàng đã tòng học bốn năm ở bên Pháp và đã đậu cử nhân khoa học. về nước, chẳng được bổ ngay giáo sư và lương tháng kể cũng

5 Giác mộng Từ Lâm, truyện ngắn trong tập Người quay tơ. Đời Nay xuất bản 1962, trang 23-43. Ngày sáng tác được ghi cuối truyện: 23-10-1926.

đã cao, có lẽ đến gần ba trăm bạc.

Nhưng trong thời kỳ học tập bên Pháp cũng như ngày nay trong thời kỳ dạy học, chàng chỉ chuyên nghiên cứu có một thứ báo chí. Chàng nói với hết thầy các bạn bè và những chỗ quen biết rằng nghề gõ đầu trẻ, chàng chỉ theo bạn, nghề chính của chàng là nghề viết báo, mở báo kia⁶.

Làm báo để làm gì mà chàng Phúc mang đậm nét vóc dáng Nhất Linh lại sửa soạn kỹ càng và say mê đến thế? Trong mấy trang sau, Khải Hưng viết tiếp, qua lời nhân vật Tiên – một người bạn Phúc đang hấp hối hứa để tiền lại cho bạn làm báo:

“Tôi muốn nghề báo phải là một nghề tự do để có thể bênh vực được

⁶ Khải Hưng, Những ngày vui, Phương Giang xuất bản 1958, trang 150.

những người yếu hèn khổ sở. Chứ viết báo để làm quảng cáo cho một hãng ô-tô, hay để nêu lên những bài viễn vông thì viết báo làm gì! Tôi đập, tôi đã sống qua những ngày khốn quẫn ở bên những người khốn khó. Tôi chưa về Trung Hoa nên chưa biết dân quê Trung Hoa khổ sở đến bực nào... Tôi không phải là người nước nào nữa, vì trong hơn ba mươi năm, tôi yên trí là người Việt Nam. Bỗng dưng người ta bảo cho tôi biết rằng tôi là người Trung Hoa. Nhưng dầu sao tôi cũng là một người... một người đã từng sống cái đời nghèo đói, khổ sở, bên cạnh những người nghèo đói, khổ sở⁷”.

Bên cạnh một chí hướng làm việc như thế, người ta được thấy những công sự viên xứng đáng, hoặc là ban bè, hoặc là anh em: Khái Hưng, người có bằng

7 Những ngày vui, trang 164.

Tú tài Pháp và với hoàn cảnh gia đình, dễ dàng bước vào con đường hoạn lộ mà vẫn chọn sống với đời tự do, phóng khoáng thuận lợi cho một vị trí quan sát thích hợp cũng như Hoàng Đạo, tuy xuất thân luật khoa, nhưng không như các bạn cùng khóa chạy vào cuộc đời quan trường lại những thối nát mà sau này, bằng ngòi bút sâu cay, ông mạnh dạn và thẳng thắn đã kích. Hoàng Đạo vẫn tiếp tục làm tham tá Lục sự tại Tòa Án, một vị trí quan sát thuận tiện đã cung cấp cho ông tài liệu dồi dào để viết phóng sự “Trước vành móng ngựa”, và cũng với chức vụ này, ông giữ được ngay thẳng trước những mua chuộc của chính phủ Pháp⁸ để “được” liên tục “ngồi ghế lục sự

8 Trong khi ở ngạch Tư pháp, đã có lần chính phủ Pháp cải là ông sang ngạch quan lại và bỏ nhiệm trí huyện nhưng ông nhất thiết từ chối...” (Sơ lược Tiểu sử tác đất Hoàng Đạo, trong bản in mười điều tâm niệm, cơ sở xuất bản Tự Do, trang X)

khắp tất cả các Tòa Tây Án”, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, tuy vì sinh kế phải khoác áo thầy Phán trong sở Tài chính, nhưng ngay từ buổi đầu – những ngày đầu gập gờ và sống trong không khí luyện tập văn chương với Nguyễn Tường Tam — đã tỏ ra ngạo nghễ mỉa mai cuộc đời, cả cuộc đời chính mình (Bài Phú thầy Phán làm theo lối Tụng trào) bởi luôn luôn:

Tính vui trò chuyện cười như phá,

*Lòng thẳng căm hờn nói toạc ngay*⁹

Những người cộng tác đến dần dần sau này cũng lại là những người có văn tài, thi tài.. lại vừa cùng chủ trương trào phúng, chế riễu, đả kích cái cũ và hô hào, cổ xúy cái mới bằng chính ngòi bút viết báo, vẽ tranh, làm phóng sự, phổ nhạc:

9 Tụng thuật. Dòng nước ngược tập 1, Tú Mỡ, Phương Giang xuất bản 1952, trang 13. Bài phú thầy Phán cũng in lại trong tập này, trang 19–23.

Thế Lữ, Thạch Lam, Nguyễn Gia Trí, Cát Tường, Xuân Diệu, Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài, Vi Huyền Đắc, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ, Trọng Lang, Tam Lang, Nguyễn Hồng, Đỗ Đức Thu, Trần Tiêu, Huyền Hà, Nguyễn Xuân Khoát...

Nhưng điều đáng kể nhất vẫn là những người đứng chung trong văn đoàn, viết chung tờ Phong Hóa – Ngày Nay, có sách xuất bản do cơ sở Đời Nay đều cùng nhằm một mục tiêu chung: cải tạo xã hội. Mục tiêu chung đó được những người theo đuổi xác định một cách rõ rệt hiển nhiên nhất là thực hiện bằng chính công việc làm, nhưng bên cạnh những công trình thực hiện được, mục tiêu vẫn được nhắc đi nhắc lại. Trong số kỷ niệm ba năm, Phong Hóa đã “nói về sự thành lập báo Phong Hóa” qua sự xác định vai trò của báo chí thời đại:

“Những báo của buổi đời mới không thể là những tờ báo khảo cổ hay sống dựa vào tài liệu cũ được nữa. Những tờ báo mới phải căn cứ vào hiện trạng, phải sẵn sóc đến dư luận, đến thời sự, phải là những bức tranh hoạt động của xã hội trước mắt. Nhà viết báo không thể cắm đầu lục lợi trong kho sách cũ, hoặc bó gối trong phòng viết những bài luận về triết lý vừa khô khan, vừa khó hiểu, nhà viết báo bây giờ phải làm thế nào cho ai ai cũng hiểu được mình và viết về những vấn đề có liên can đến một số đông người. Nghĩa là phải làm theo những người viết báo bên Âu Mỹ¹⁰.

Và chừng như còn nhớ lại trường hợp Nguyễn Văn Vĩnh với Đông Dương

10 Người ta không hiểu Nhất Linh đã nghĩ gì về đoạn này khi chủ trương Văn Hóa Ngày Nay trong những năm 1958–1959, nhất là bài báo này lại được ông chọn đăng làm tư liệu trên Văn Hóa Ngày Nay tập 5 đặc biệt Trung Thu 1958, trang 174–175.

tạp chí (1913) và Phạm Quỳnh với Nam Phong tạp chí (1917), các người chủ trương Phong Hóa viết tiếp:

“Báo Phong Hóa về mặt trong còn có một sự mới khác hẳn các báo trong nước xưa nay. Lệ thường thì tờ báo hoặc là của riêng một hội, một đảng (ở nước ta ít khi thấy), hoặc là của riêng một người. Người bỏ tiền ra bao giờ cũng nhận lấy chức giám đốc dẫu rằng không có một cái tài nhỏ mọn gì về nghề làm báo. Ông giám đốc chủ nhân đó bỏ tiền ra thuê một ông chủ bút và ít nhiều ông trợ bút. Các nhà văn sĩ vì thế nên luôn luôn xung đột với những nhà tư bản có quyền sai khiến mình mà không có đủ tài để mình phục. Tờ báo ít khi có tôn chỉ chuyên nhất, vì tòa soạn thay đổi luôn mà ông giám đốc thì không đủ tài trí bắt họ theo mình.

Báo Phong Hóa – khác hẳn – không phải là của riêng một người nào.

Báo Phong Hóa của chung hết thảy những người viết báo Phong Hóa, không có ông chủ, người làm công, không có những cuộc xung đột giữa các nhà văn sĩ, các nhà tư bản. Những người giúp việc báo Phong Hóa là những nhà văn độc lập, mà tờ báo Phong Hóa vì thế là một tờ báo độc lập, không phải theo mệnh lệnh của một đảng nào hay một nhà tư bản nào.

Mỗi người mỗi tháng chỉ cần một số tiền đủ sống, còn tiền lãi, nếu có, sẽ là của chung và sẽ dùng vào những công cuộc chung rồi phải làm sau này.

Với lối minh xác rạch ròi, rành rẽ của người chiến sĩ “BÊN ĐƯỜNG DỪNG

BUỐC”. Tú Ly (tức Hoàng Đạo) còn cho ta biết rõ hơn:

“Nhắc lại đêm hôm ấy – cái đêm mà sáng hôm sau số đầu Phong Hóa đổi mở ra đời – tôi sinh ra một tư tưởng so sánh: cái đêm trường tối tăm kia là cái đời cũ, chật chẽ, phiền nhiễu, vụn vặt, nhỏ nhen. Sống trong cái hoàn cảnh ử rũ ấy, ta phải mạnh mẽ chống cự lại, để đợi vùng đông, đợi cái đời mới, phong quang rạng rỡ.

Đã biết chân lý đâu, lẽ tự nhiên là phải quả quyết bùng bột mà theo. Vì lẽ ấy. CHÚNG TÔI MẠNH BẠO, HĂNG HÁI ĐEM VĂN CHƯƠNG PHỤNG SỰ LÝ TƯỞNG CẢI CÁCH phá hủy những hủ tục đồi phong, xây đắp một cuộc đời hợp với lẽ phải – bỏ thành kiến, trí phục tùng. lấy lương ti mà xét đoán mọi sự...

Cái tinh thần vị tha bao giờ cũng soi lối cho chúng tôi đi.

Tuy sẵn có chương trình phân minh, có phương pháp hẳn hoi mà Phong Hóa lúc ra đời không có lấy một bài phi lộ. Là vì chúng tôi e nói không làm được. Chúng tôi sợ chương trình của chúng tôi cũng đến như chương trình của các ông nghị, có cũng như không vậy”.

Tuy nói thế, nhưng khi giở lại những số PHONG HÓA 8 trang lớn khổ nhật trình, người ta vẫn như được đọc ngay từ số đầu đổi mới (Phong Hóa kể từ số 12 ra ngày 22 Septembre 1932) bài phi lộ có nội dung như Hoàng Đạo vừa nhắc trên qua những mục thời sự (Những việc cần biết trong tuần lễ này) những mục vui cười, văn vui, tranh vui và nhất là bài “Biết dân quê” đăng ở Phong Hóa số 14 và bài “Sâu thăm nhiều rồi” đăng

ở Phong hóa số 15, liên tiếp ký hai bút hiệu: Nguyễn Đông Sơn và Việt Sinh.

Sau khi nhấn mạnh đến sự cách biệt trầm trọng giữa bọn học thức và dân quê, Nguyễn Đông Sơn – rất có thể là Nhất Linh — đã viết:

“Dân quê là số nhiều, nếu không có người thấu được nguyện vọng, rõ được tính tình họ, lẫn với họ để dìu dắt bảo ban thì mọi việc cải cách chỉ có bề ngoài, cuộc cải lương hướng chính đã làm ta mở mắt¹¹.

Với bài “Sầu thảm nhiều rồi”, Việt Sinh cho ta biết rõ lý do của chủ trương dùng trào phúng, vui cười của Phong Hóa và cả nguyên do của một loạt những bài, những tranh đả kích, lên án những lãnh mạn sướt mướt của thể hệ văn học

11 Phong Hóa số 14 trang 1 ngày 22-9-1932.

trước với những Tản Đà, Tương Phố, Đông Hồ, Song An Hoàng Ngọc Phách, Tù Trầm Á (tác giả Tuyết Hồng Lệ Sử) và cả Nguyễn Tường Tam với Nho phong¹².

“Xưa nay gặp sự gì uất ức, oan uổng gây lên bởi cái bất bình, gặp sự gì đau khổ, ta chỉ ứa lệ mà sót thương. Luân thường đảo ngược. phong hóa suy đồi, những truyện thương tâm, tai nghe mắt thấy, đối phó lại ta chỉ thở dài...

Khóc than như thế, nào có ích lợi gì đâu? Chẳng qua lệ lại đắm lòng, tự mình làm yếu mình đi, muôn việc ở đời có đâu vì mấy giọt lệ thương tâm mà xoay đổi được?

12 Trong tranh vui vẽ đám ma những tác phẩm sụt mướt lệ tình, trang 1 báo Phong Hóa số 15 ngày 29.9.1932, người ta thấy có bên những bức trướng đề tên Giọt lệ thu, Khối tình con, Khối tình lớn, Linh Phương Ký... một bức trướng ghi rõ hai chữ NHO PHONG.

*Văn minh Đông Á trời thu sạch,
Này lúc luân thường đảo ngược ru?*

Vui đi thôi: chứ còn mang cái sầu
thảm trong tâm can cái buồn vển vờ,
không bờ, không bến, mơ màng trong
cõi mộng đâu đâu.

Khóc than là chịu thua!

Sao không lên tiếng cười ròn rã, phá
tung cái lễ lối xưa, cho xã hội ta thêm
được cái tinh thần hoạt động, mạnh
bạo¹³!

Tất cả chủ trương cải tạo xã hội mới
mẻ đó, mới mẻ về mục tiêu phải nhắm,
lại mới mẻ về phương thức dùng để thực
hiện cùng đích, được báo trước một cách
gọn gàng, đầy đủ trong quảng cáo trên
Phong Hóa số 13 thứ năm ngày 8 Sept.
1932, trang 1:

13 Phong Hóa trang 1 số 15 ngày 29.9.1932.

“Một cuộc hoán cải lớn lao trong báo
Phong Hóa!

Một sự lạ trong làng báo!

Một cái mới!

Đến ngày thứ năm 22 Sept. 1932

Báo Phong Hóa sẽ ra số mới

8 hay 12 trang (khổ nhật trình) Mỗi số
0đ07

Bàn một cách vui vẻ về các vấn đề

Cần thiết: xã hội, chính trị, kinh tế.

Nói rõ về hiện tượng trong nước.

Có 15 tranh vẽ nhiều chuyện vui và

Cần Thiết...

Hoạt Động....

Vui vẻ

Mãi mãi...

Ai cần xem báo! Ai thích đọc báo!

Nên đọc Phong Hóa!”

Chủ trương dùng lợi khí báo chí, văn chương nghệ thuật để phụng sự cho chủ đích cải tạo xã hội¹⁴ như vừa xác định với những dẫn chứng chính văn trên được Tự Lực văn đoàn theo đuổi càng ngày càng nhiệt thành, càng ngày càng hàng say như có thể nói theo một vài nhận định đã có, càng ngày càng trở nên quá khích, cực đoan. 166 số báo Phong Hóa từ 22- .1932 đến 20-3-1935 (ngày

14 Xin hiểu bốn chữ cải tạo xã hội theo nghĩa rộng, bao hàm ý muốn cải đổi nếp sinh hoạt cũ để tạo dựng một khung cảnh sinh hoạt mới cho xã hội và như thế, sự cải tạo này không những đụng chạm đến phong tục, tập quán, khung cảnh gia đình làng mạc, ... mà còn liên hệ tới cả chính trị, ý thức hệ, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Mỗi liên hệ này nói rộng trong phạm vi thế nào chính một phần lớn xác định khuôn khổ của công cuộc cải tạo và do thế, xác định giá trị ảnh hưởng và tác dụng đối với xã hội của công cuộc cải tạo.

bị đóng cửa vì một bài phóng sự không tiền khoáng hậu của Hoàng Đạo về Hoàng Trọng Phu) là 163 số báo làm gai mắt những quan lại làm tay sai cho Pháp, làm bực mình những tên công sứ, chánh án, thanh tra Thực dân, làm khổ sở, lo sợ cho những bậc làm chủ đại gia đình như bà Án, bà Phán, ông Tuấn..., làm cau có, tức giận cho những nhân vật thời đại bị đem chính tên tuổi ra chế riếu, chỉ trích nhưng cũng đồng thời làm say sưa, tin tưởng cho cả một thế hệ thanh niên tân học đang lên. Chính nhằm vào tầng lớp thanh niên đã nồng nhiệt hưởng ứng này, ngày 30-1-1935, một tờ báo thứ hai của văn đoàn ra mắt – tuần báo Ngày Nay với Nguyễn Tường Cẩm làm giám đốc và Thạch Lam làm chủ bút – với một bài phi lộ nhấn mạnh một lần nữa chủ trương cải tạo thay đổi xã hội của văn đoàn:

“Ngày Nay là tờ báo hiến cho các bạn ngày nay. Mục đích Ngày Nay là làm cho các bạn biết rõ lối sinh hoạt của dân ta trong buổi bấy giờ, về mọi phương diện, cả hình thức lẫn tinh thần.

.
.

Lớp người cứ dồn nhau như lớp sóng, mà thời đại nào có nhiệm vụ của thời đại ấy. Người xưa, đời xưa, nhiệm vụ xưa không còn nữa, nay chỉ còn chúng ta là chúng ta, người bây giờ đương đầu với cuộc đời hiện tại.

Có việc làm, ta cần phải làm, có lời nói, ta cần phải nói.

Phong Hóa ra đời, chú trọng về trào phúng và văn chương được các bạn hoan nghênh, đã xô báo giới đi một bước tiến

khá dài, và đã từng phá tan bót những hủ kiến nó làm mờ mịt khối óc người ta. Ta phải biết nhận việc đời bằng con mắt sáng suốt, rồi vui vẻ mà phấn đấu.

Ngày Nay là tờ báo thứ hai của Tự Lực văn đoàn, cũng cố đạt được mục đích ấy, song theo phương pháp khác. Chúng tôi sẽ đưa các bạn đi từ rừng đến bể, từ thành thị đến thôn quê, xem các trạng thái hiện có của xã hội. Hiện trạng đó, các bạn cần và muốn biết hơn hết. Chúng tôi sẽ đi nhận xét lấy sự thực, nói lại để các bạn hay và sẽ chụp nhiều ảnh, in xen vào bài để cho bài ấy được rõ rệt hơn. Như thế các bạn chỉ đọc qua cũng như đã đi đến nơi.

Ngày Nay chẳng phải là cơ quan tiến thủ giật lùi, mà cũng tự liệu sức mình, không dám nhận là tờ báo của tương lai. Ngày Nay chỉ mong và chỉ muốn được

là theo nghĩa đầy đủ – tờ báo của Ngày Nay”.

Chính với chủ trương rõ rệt như thế nên khi hoàn cảnh thời cuộc cho phép – mặt trận bình dân Pháp nắm được chính quyền với thủ tướng Léon Blum – Hoàng Đạo đã dùng cây viết sắc sảo đại diện toàn thể nhóm “NGÀY NAY KHAI CHIẾN HẾT THẢY VỚI CÁC BÁO Ở ĐÔNG PHÁP¹⁵” “từ báo chữ Pháp, qua báo quốc ngữ, cho chí báo chữ Tàu, chữ Lào hay chữ Mên”, về vấn đề tự do ngôn luận, bởi:

“Ánh sáng là tự do ngôn luận, là cái “quyền thứ tư” trong một nước. Ánh sáng sẽ giúp ta, cho chúng tôi, cho các

15 Trong số hơn 70 tờ báo Hoàng Đạo kể rõ tên, ta nên chú ý tới những tờ được coi như cơ sở in bài viết thường xuyên của nhóm nhà văn thường tự coi như đối lập với Tự Lực văn đoàn: Annam Nouveau, Trung Bắc Tân Văn, Tiểu thuyết Thứ Bảy, Ích Hữu, Hà Nội báo, Tràng An, Tiếng Dân, ...

ông mưu việc cải cách xã hội, đưa dân chúng tới cõi biết, tới nền văn minh”

Vì quan niệm như thế nên Hoàng Đạo không e dè, không tiếc lời mà lên án gắt gao:

“VẬY mà các ông không tìm đến ánh sáng, lại cố tình đem những truyện vô vị ra bàn tán. Các ông hết cãi vã nhau về lập hiến với trực trị, lại cãi nhau về rốn ông Lục với bụng ông An, mũi ông Long và miệng ông Chiêu. Các ông cãi nhau về những thuyết lý mơ màng, quên không thấy sự thực. Thực sự là: dân chúng hầu hết là dân quê. Giải quyết những vấn đề liên lạc đến dân quê (các ông đã thừa biết những vấn đề gì), là để ý đến dân chúng. Vậy mà không biết vì lẽ gì, đương lúc đợi phái bộ điều tra Pháp, các ông im lìm đả động tới sự tự làm không đã động tới, đả động tới dân quê và đả động tới sự tự

do ngôn luận là một phương pháp màu nhiệm để dìu dắt dân quê. Như thế là các ông đã không làm đủ nhiệm vụ của các ông, các ông để dân quê sống vất vơ vất vưởng, thì các ông thực cũng đang sống vất vơ vất vưởng dưới cái chế độ nửa đời nửa đoạn hiện giờ¹⁶”

Nhân danh những người dân quê sống đau khổ, lầm than dưới chế độ thuộc địa, Hoàng Đạo đi từ những đã kích gắt gao tới một thẳng thắn nêu ra câu hỏi:

1) Chế độ báo chí hiện thời có phải là chế độ mỹ mãn, chế độ lý tưởng không?

2) Tự do ngôn luận có lợi như thế nào? Kể ra.

3) Tại làm sao các ông không dả động đến vấn đề này?

¹⁶ Ngày Nay số 31 ngày 25 Octobre 1936, trong 367.

Các ông cho là vấn đề không quan trọng hay là các ông thích sống trong sự tối tăm, trong tình cách bức bách eo hẹp? Hay là vì một lẽ khác?

Mấy câu hỏi đó xin các ông mau mau trả lời cho biết, bằng không, tức là các ông chịu thua, tức là các ông vui lòng nhận đã phạm vào những tội đối độc giả và mong cho dân chúng không ra tới ánh sáng, tức là các ông đáng để cho báo các ông bị đóng cửa kín mít như bưng.

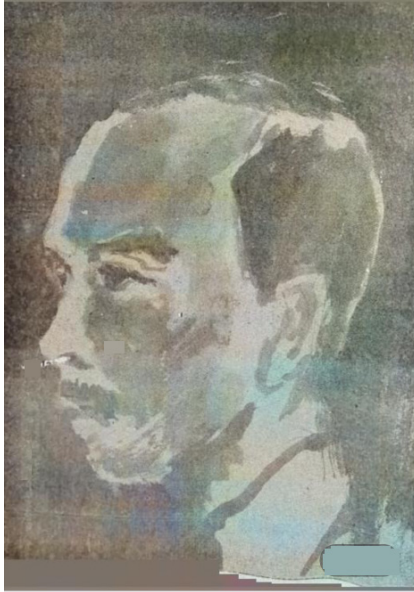
Đặt câu hỏi để thấy ngay rằng câu trả lời thế nào cũng phải là câu trả lời đi theo chủ đích của mình nên trong bài “NGÀY NAY trả lời NGÀY NAY¹⁷” Hoàng Đạo lại một lần nữa xác định sự thiết yếu của cải cách xã hội bằng tự do ngôn luận, tự do báo chí:

¹⁷ Ngày Nay số 40 ngày 27 Décembre 1936, trang 58.

“Trừ những người không thành thực không kể, ai ai cũng công nhận rằng muốn cải cách xã hội bằng báo chí dưới chế độ hiện thời, thì chỉ có thể cải cách sơ sài mà thôi. Còn muốn cho những làng chìm đắm trong những vùng xa xôi, hẻo lánh, được tiếp xúc với tư tưởng, văn hóa mới, thì cần phải đợi ngôn luận tự do.

(còn nữa)

Trần Triệu Luật



Nhất Linh qua nét vẽ của Đăng Giao
04.7.1963.

6. MỘT VÀI THẮC MẮC VỀ NHẤT LINH

NHẤT LINH hiện ra trong trí tưởng tượng của tôi như một nhân vật thần thoại mang nhiều khuôn mặt trong suốt thời gian thơ ấu. Tôi cũng không hiểu óc non nớt của tôi thời đó đã lý luận thế nào mà sau khi trải qua nhiều giả tưởng về Nhất Linh lại đã có lúc dễ dàng tin ngay anh chàng Dũng trong “Đôi Bạn” chính là hiện thân của Nhất Linh. Ý nghĩ này tôi đã giữ mãi cho

đến khi tôi tình cờ được gặp ông già Nhất Linh trước ngày ông chết vài năm. Đó cũng là một điều đặc biệt về con người Nhất Linh, dù đã chết ông vẫn không già trong ý nghĩ của tôi và chính con người trẻ đó qua hình ảnh Dũng đam mê hoạt động có một mối tình đẹp như mộng với cô Loan, Nhất Linh đã gây được nhiều thiện cảm đối với tôi và lớp người trẻ tuổi.

Lớn lên tôi càng đọc nhiều văn của Nhất Linh tôi càng thắc mắc nhiều về ông. Tôi đã từng suy nghĩ đặt nhiều câu hỏi về những trường hợp khác nhau trong đời sống Nhất Linh làm báo, viết văn, lãnh chính trị, lên Đà Lạt tu tiên, chống lại nhà Ngô, viết cuốn tiểu thuyết Giòng sông Thanh Thủy, rồi tự tử. Nhưng bao giờ tôi cũng có một ý nghĩ lãng mạn về Nhất Linh như đã nghĩ về nhân vật

Dũng - Đôi Bạn. Bằng suy luận tôi hiểu Nhất Linh là con người bị giằng co giữa hai bản ngã đối chọi tình cảm và lý trí giữa hai ảnh hưởng Đông phương và Tây phương trong thế dung hòa và dị biệt. Chính những điểm này đã làm cho tâm hồn ông có những thay đổi bất thường cũng như đã có một cái nhìn đặc biệt về xã hội Việt Nam.

Nhất Linh lúc là con người rất tình cảm, lúc thì rất lý trí, lúc thì tồn cổ, lúc thì cấp tiến, lúc thì hoạt động văn hóa, lúc thì làm chính trị. Những hoạt động này tuy khác nhau nhưng đều nhằm thể hiện trung thực tâm hồn muốn đổi mới hướng về tiến bộ và đẹp (chân thiện mỹ) của ông nên khi hoạt động văn hóa tác phẩm của ông đã dành nhiều cho dự tính đó và khi làm chính trị ông cũng chỉ nhằm một mục đích như khi hoạt động

văn hóa. Đối với ông văn hóa và chính trị, phương tiện và mục đích chỉ là một, cái nọ hỗ trợ cho cái kia. Phải chăng vì thế chúng ta đã khó xác định được giá trị của Nhất Linh nếu không nắm được mối liên lạc mật thiết giữa những con người khác nhau của ông và với một cái nhìn đơn giản về ông. Có lẽ đấy cũng là nguyên nhân đã gây ra nhiều bất đồng cho những ngòi bút khi viết về Nhất Linh. Nhiều người đã bênh vực cho những thất bại của ông về chính trị là Nhất Linh chỉ làm cách mạng, nhiều người cho trước sau Nhất Linh chỉ là một nghệ sĩ, nhiều người lại cho ông là một nhà cách mạng và không làm chính trị. Thật ra Nhất Linh nhà văn, Nhất Linh nghệ sĩ, Nhất Linh cách mạng, Nhất Linh chính trị chỉ là một, những con người có tính cách khác nhau đó chỉ là những biểu lộ của từng thời kỳ nhưng đã giống nhau trong

cố gắng nhằm thể hiện một Nhất Linh toàn thể.

Hiểu như thế ta thấy có thể chia Nhất Linh thành nhiều con người nhưng chỉ có một tên gọi — trường hợp của ông giống trường hợp của Nguyễn Công Trứ — là một kẻ sĩ thức thời. Với ông cũng như Nguyễn Công Trứ văn hóa là con đường đi vào chính trị (đem quách cả sở tồn làm sở dụng) và chính trị là phục vụ cho dân cho nước hay ngược lại làm chính trị là để thực hiện những hiểu biết do văn hóa đem lại, phương tiện và mục đích gắn liền với nhau không thể chia cắt được. Con đường ông đi rõ ràng là con đường của biết bao kẻ sĩ Việt Nam đã đi đó là con đường của Vương Đạo, con đường này sẽ đem lại cho bất cứ kẻ sĩ nào sự thành công khi trong xã hội ấy con người lánh xa là thuyết tôn trọng lễ

phải luân lý đạo đức như thời xa xưa của những chế độ chính trị theo Nho giáo hoặc trong một xã hội đã tiến bộ của một quốc gia thái bình. Nhưng thời kỳ Nhất Linh sinh ra lại không là thời kỳ hoàng kim thời đại cũng không là thời kỳ quốc gia thái bình nên con đường Nhất Linh đi đẹp nhưng ông đã không thành công dù ông là một kẻ sĩ thức thời đã biết rằng ngoài Trung Quốc còn có Tây phương, cũng còn bởi vì ông đã thiếu một phương tiện hữu hiệu để thực hiện mục đích đã có, nhất là thời kỳ Nhất Linh Việt Nam dưới những ảnh hưởng chi phối của thực dân, của nhiều đảng phái quốc gia, đáng nói là sự có mặt của đảng cộng sản phương tiện và mục đích phải quan niệm theo kiểu Bá đạo. Nhưng chính sự thất bại của Nhất Linh đã nói lên tâm hồn kẻ sĩ của ông, thứ người không thể đem thành công hay thất bại để xét giá trị. Vì

dù thế nào kẻ sĩ Nhất Linh cũng như các kẻ sĩ khác của xã hội Việt Nam còn có một sức mạnh tinh thần bất diệt đó là cái chết (dũng của người quân tử) để bày tỏ cái tiết tháo.

Chính vì tin ở cái khí giới này các kẻ sĩ Việt Nam đã tạo ra những trang sử oai hùng cho dân tộc, những chịu đựng đến phi thường tạo danh vang cho cá nhân. Nhưng cũng chính những kẻ sĩ này đã đồng thời đưa Việt Nam vào con đường tăm tối như thời nhà Nguyễn. Ngày nay Việt Nam chậm tiến kém hẳn nước Nhật ai chịu trách nhiệm nếu không phải là những kẻ sĩ?

Trường hợp Nhất Linh khá đặt biệt vì xã hội Nhất Linh không phải là xã hội Nho giáo, xã hội đó đã bị người Pháp cai trị. Trong một nước bị trị làm chính trị yêu nước có nghĩa là làm cách mạng và

cả những kẻ yêu nước hầu như đương nhiên mang trong tâm hồn ý thức cách mạng để có dịp nó sẽ biến thành hành động. Khi những người đương thời Nhất Linh làm cách mạng (Nguyễn Thái Học, ...) Nhất Linh còn đang dò dẫm trên con đường văn hóa và ông vào chính trị bằng con đường đi ngang. Chính những địa vị chính trị của ông đã làm cho con người ông trở nên khó tìm hiểu cho những nhà phê bình văn học nhưng lại dễ dàng cho lịch sử xác định rõ rệt về vai trò của ông.

Khi về già sau những thất bại về chính trị, ảnh hưởng Đông phương đã áp đảo ảnh hưởng Tây phương, Nhất Linh đã trở về với tinh thần cố hữu Đông phương muốn siêu thoát. Ý hướng này được thể hiện qua hành động ngưng làm chính trị, lên Đà Lạt hái lan tu tiên. Việc Nhất Linh xuống núi chống lại nhà

Ngô chỉ là một hành động như thể chiều theo quyết định của lý trí nhưng vẫn tiêu cực khác gì Nguyễn Công Trứ khi về già thích hầu non ca hát vẫn dâng sớ xin đi đánh giặc (người quân tử thấy việc nghĩa không bao giờ từ).

Là một kẻ sĩ lại muốn siêu thoát Nhất Linh đã chán chường cho những cái bản của người đời trong đó có cả cái bản của chính trị. Khác với Nguyễn Công Trứ là một nhà thơ, Nhất Linh là một nhà văn nên tâm hồn phức tạp hơn, bị xâu xé giữa những ảnh hưởng của hai nền văn hóa, giữa những đòi hỏi của đạo (xuất thế) và đời (nhập thế). Tuy thế bao giờ Nhất Linh cũng chọn thái độ của người quân tử: làm điều phải, thủ tiết, ... v.v...)

Quyết định tự tử cũng là do thế.

Gặp lúc phải chết thì chết, gặp lúc

nên chết thì chết, cái chết của ông vừa là phương tiện gây tác động tâm lý ảnh hưởng chính trị, vừa là cứu cánh giải thoát ông. Theo lời kể của người con ông (đọc Văn Học nói số về Nhất Linh) trước khi chết ông vẫn tỏ ra ung dung bình tĩnh, thái độ đó là thái độ chung của những kẻ sĩ như Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản chẳng hạn, coi cái chết như một khí giới tự vệ bảo toàn danh tiết, bảo toàn quyền làm kẻ sĩ.

Sau thời gian du học Nhất Linh nhìn thấy rõ sự chậm tiến của Việt Nam, ông đã dùng phương tiện sẵn có là văn hóa để cải tạo xã hội, bày tỏ thái độ của ông trước thời cuộc trong khi những người đồng thời với ông bước hẳn vào cuộc đời chính trị cách mạng: Hồ Chí Minh, Nguyễn Thái Học. Với mục đích của một nhà ái quốc cấp tiến, một kẻ sĩ thức thời.

(Về phương diện văn hóa và xã hội, về chính trị Nhất Linh vẫn theo quan niệm cổ điển.) Muốn giải phóng con người ra khỏi chế độ tù ngục đại gia đình, ra khỏi tình trạng ngu dốt, ra khỏi tình trạng nô lệ thực dân Pháp, Nhất Linh dù hành động tiêu cực thế nào việc làm của ông cũng không thể không có màu sắc chính trị và mang tính chất cách mạng. Chính uy tín về văn hóa của ông đó đã khơi giậy cái ý thức cách mạng cho người dân, đã dẫn ông tới nhiều thay đổi bất ngờ đến phi thường về cuộc đời ông, ông đã làm lãnh tụ V.N.Q.D.Đ sau nhà lãnh tụ cách mạng thứ nhất Nguyễn Thái Học. Địa vị lãnh tụ V.N.Q.D.Đ của ông đã chứng tỏ dù muốn dù không Nhất Linh phải làm chính trị vì những hoạt động của V.N.Q.D.Đ là gì nếu không là những hoạt động chính trị nhiều hơn là cách mạng khi chủ quyền đã về tay người Việt Nam, khi nó

đã có một nội quy rõ rệt, cả một cơ cấu tổ chức hẳn hoi và với mục đích tranh đấu trường kỳ.

Như thế có nghĩa Nhất Linh Có làm chính trị nhưng không với một lập trường duy nhất nên ông thường có những thái độ mâu thuẫn. Hoàng Đạo chết ông ngưng làm chính trị, đang tu tiên lại nhảy xuống Đà Lạt làm đảo chánh, thất bại bị xử lại tử. Ông dù làm chính trị cũng vẫn không thoát được, xóa hẳn được bản chất lãng mạn của một nhà văn nhất là những khi con người tình cảm của ông có dịp tốt thắng con người lý trí, nhưng lúc ông chán chường chính trị, mệt mỏi, già nua. Vì thế ở địa vị lãnh tụ nhưng Nhất Linh đã thiếu những đức tính của một lãnh tụ và vai trò chính trị của ông càng làm cho cuộc đời văn chương của ông thêm rắc rối.

Sau khi bị thua trí Việt Minh tôi không hiểu trong đời ông, Nhất Linh đã nghĩ về sự thất bại đó đã đưa tới cái chết của biết bao đồng chí, ông đã nghĩ gì những khi ngưng hoạt động chính trị. Tôi thấy khó hiểu về con người chính trị của ông.

Đọc đời Nguyễn Thái Học khi V.N.Q.D.Đ bị thất bại các đồng chí khuyên Nguyễn Thái Học xuất ngoại để duy trì đảng vì Nguyễn Thái Học là linh hồn của đảng. Nguyễn Thái Học đã trả lời đại ý ông không thể phản bội xương máu của các đồng chí, ông phải ở lại chia xẻ. Tôi nghĩ nếu Nguyễn Thái Học trốn ra ngoại quốc thế cờ V.N sẽ ra sao? Có lẽ Nguyễn Thái Học đã cho rằng còn thực dân thì còn cách mạng không có Nguyễn Thái Học này thì có Nguyễn Thái Học khác, lúc đó ông làm sao có thể hiểu

được bộ mặt thật của Việt Minh và ngờ được đảng ông đã thất bại và Việt Minh đã phản bội dân tộc trong công cuộc kháng Pháp! Dù sao tôi còn hiểu được ông ở chỗ ông ở lại để lăn xả vào các hoạt động tổ chức tại đảng cho tới khi bị bắt. Còn Nhất Linh ở địa vị lãnh đạo khi ra ngoại quốc khi lên núi khi ngưng hoạt động chính trị, nhảy ra làm báo (tục bản tờ Ngày Nay). Nhất là hơn lúc nào V.N.Q.ĐĐ phải tích cực hoạt động, thái độ của ông làm cho tôi khó hiểu?

Khi Nguyễn Thái Học bị bắt ông đã không tự tử, không tự chấm dứt cuộc đời mình, tôi nghĩ có lẽ Nguyễn Thái Học muốn chúng tôi với các đồng chí gương tranh đấu tới cùng của ông với cái chết và trong thâm tâm chắc ông muốn thực dân cắt từng miếng thịt để ông có thể nhìn thấy máu của ông rỏ trên mảnh

đất Việt Nam.

Tôi còn mừng tượng được nụ cười cuối cùng của ông để hiểu ông. Còn Nhất Linh lại tự chấm dứt cuộc đời của ông khi ông là lãnh tụ mang một trách nhiệm liên quan tới lịch sử. Tại sao ông không muốn sống để tiếp tục tranh đấu? Ông chết như thế ông tin rằng ông cứu vãn được V.N gây được cho đảng ông thêm mạnh. Và nếu ông còn sống thì thế cờ V.N ra sao? đảng ông có như bây giờ không? Tôi thấy khó hiểu về con người chính trị của ông?

Trước ngày ông chết ông đã chỉ từ già những người thân và không tỏ bày thái độ nào với các đồng chí của ông, việc có hệ phái Nguyễn Tường Tam gây một vài bất đồng là một chứng tỏ, tôi lại thấy khó hiểu về con người chính trị của ông?

Tôi cắt nghĩa những khó hiểu đó và Nhất Linh là Nhất Linh trước sau vẫn là một kẻ sĩ, ông vừa làm chính trị vừa làm văn hóa và với một ý hướng muốn làm mới làm đẹp ông là một người có tư tưởng cách mạng. Địa vị về chính trị của ông chỉ là do những đưa đẩy của uy tín đạo đức và văn chương của ông vì thế cuộc đời chính trị của Nhất Linh là một trường hợp có tính cách đặc biệt đặc thù. Tôi tin cuộc đời ấy đã làm đẹp cho cuộc đời văn chương của ông và đã ám ảnh ông, những cái chết của các đồng chí, cuộc thua trí với V.M, tình trạng hiện tại của xã hội V.N. Bị lôi cuốn vào guồng máy chính trị và mang bản chất nghệ sĩ Nhất Linh đã liên tiếp bị thất bại, ông đã chỉ thành công trên phương diện văn chương và ý định tự tử với một toan tính. Nhưng dù ở trường hợp nào Nhất Linh cũng biểu tỏ được tấm lòng của một kẻ

sĩ, đức của một kẻ sĩ quân tử nên hành động của ông thành hay bại đều mang một ý nghĩa tốt đẹp. Có lẽ vì thế có người đã quên đi những thất bại của ông về chính trị kết luận Nhất Linh đã chỉ làm cách mạng. Đó là một nhận xét có tính cách nguy hiểm. Thực sự Nhất Linh có tư tưởng cách mạng và tư tưởng đó được thể hiện qua văn chương và chính trị của ông nhất là văn chương. Hiểu theo nghĩa bây giờ có thể coi Nhất Linh như một nhà văn dẫn thân của thời đại ông (như Malraux).

Chọn lựa cái chết phải chăng Nhất Linh đã chỉ muốn bày tỏ quan niệm nhân sinh của ông đối với những thế hệ sau khi ông viết cuộc câu nhắc nhở “Đời tôi để lịch sử xử”. Lúc đó ông đã nghĩ gì? Có người còn cho rằng Nhất Linh chết còn để gây áp lực với chính quyền về vụ án

11-60. Nếu quả thật như thế thì là một điều đáng buồn thử hỏi những người đó hiện đang có mặt trong chính quyền, một người làm đến Quốc Trưởng, họ đã làm được gì cho quốc gia nếu không nói là đang bơi trong chính trị. Và vì thế lý do này chưa đủ để cắt nghĩa về cái chết của Nhất Linh. Trong hai thái độ một tranh đấu tới cùng để thắng địch cứu quốc hoặc bị thua phải chết để gây tác động tâm lý làm khó dễ chính quyền để tự giải thoát. Nhất Linh đã chọn giải pháp tiêu cực thứ hai. Có thể nói ông đã tìm tới cái chết bằng một dự tính nên trước khi chết ông đã thông thả đi thăm bè bạn và sửa soạn cẩn thận mọi giấy tờ để lại. Cái chết của ông như một cơ hội để giải quyết. Đối với cá nhân Nhất Linh ông đã thành công về cái chết của ông vì nếu sống mà ông không tiếp tục tranh đấu chỉ giữ một thái độ tiêu cực và

ông sẽ chết già, cái chết đó chắc sẽ kém đẹp đi rất nhiều. Ông chết giữa lúc mọi người còn đặt nhiều kỳ vọng về ông nên cái chết của ông đã làm cho mọi người tiếc quý. Ông như một bông hoa bị rụng xuống khi đang còn hương thơm (có thể lấy trường hợp cụ Sửu để giải thích).

Sau khi ông chết tâm lý quần chúng xúc động mãnh liệt, giữa lúc cuộc đấu tranh của Phật giáo đang lên mạnh, yếu tố tâm lý đó được thổi phồng lên như biển sóng, dễ hiểu vì Nhất Linh là người đã đi vào lịch sử bất cần cả những sự thổi phồng đó, càng dễ hiểu hơn mấy tín đồ thường của mấy khối tôn giáo còn được làm rùm beng như thể những anh hùng cứu quốc. Nhưng khi người ta không nuôi được cái yếu tố tâm lý quần chúng đó sống lâu lòng người lắng xuống và người ta dễ nhận thấy rõ tầm quan trọng

của những sự việc đã xảy ra.

Năm nay là đã hai năm Nhất Linh từ giã cõi đời. Người ta đã làm lễ truy điệu ông, ghi ơn ông bằng cách này cách nọ, những con đường mang tên ông, những trường học đòi mang tên ông và ngay đảng ông cũng có một hệ phái Nguyễn Trường Tam! Người ta cũng đã bôi bác ông nhiều, lợi dụng ông nhiều đến nỗi mang nhau cả lên mặt báo mà cãi nhau, anh lợi dụng Nhất Linh hay tôi lợi dụng Nhất Linh (Hiếu Chân và Nguyễn Tường Bá), tranh giành xa gần với ông để kiếm địa vị. Kẻ viết bài này cũng làm cái công việc bôi bác đó sau những bôi bác người ta đã gán cho ông. Có lẽ biết rồi việc sẽ xảy ra như thế nên trước khi chết Nhất Linh đã không quên để lại câu:

“ĐỜI TÔI ĐỂ LỊCH SỬ XỬ”

Ông già Nhất Linh khi viết câu này đây mới chính là hình ảnh can đảm kiên hùng nhất, giây phút thành thật nhất. Ông đã nhận trách nhiệm của ông trước lịch sử vì vai trò của ông có liên quan tới chính trị, tới những biến chuyển của V.N từ trước 1945 trở đi. Và lịch sử sẽ luận công cũng như tội của ông.

Trong khi chờ đợi ông còn bị người ta phán xét nhiều, còn bị lợi dụng nhiều, mong rằng những sự lợi dụng uy tín của ông là để vì dân vì nước như ông đã muốn “ông là người của lịch sử”.

Với tôi kẻ không làm lịch sử Nhất Linh đến với tôi như một mển kính, một khích lệ, một nuối tiếc chua xót.

Tháng bảy sáu lăm

NGUYỄN ĐÔNG NGẠC.



Nhất Linh thổi tiêu trên một ngọn đồi ở
Đà Lạt 1957.



Văn phòng làm việc của Nhất Linh, và
cũng căn phòng này Nhất Linh đã từ giã
cõi đời. Ảnh chụp ngày 07.7.1963.

tưởng niệm NHẤT LINH không gì
bằng

NÊN TÌM ĐỌC:

tập báo cuối cùng

do NHẤT LINH chủ trương

VĂN HÓA NGÀY NAY

Toàn bộ gồm 11 quyển, gần 1.500 trang, tập trung rất nhiều truyện ngắn, truyện dài, khảo luận, thi văn của những nhà văn danh tiếng Nhất Linh, Đỗ Đức Thu, Duy Lam, Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng, Vũ Hoàng Chương, Bình Nguyên Lộc, Khái Hưng, Linh Bảo, Bảo Sơn,

Nguyễn Thành Vinh, Nhật Tiến, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Đỗ Tồn, Tương Phố, Bùi Khánh Đản.

Còn ít tập đóng bìa cứng, mạ chữ vàng giá 28 đồng.

và những tác phẩm giá trị của NHẤT LINH

- Người quay tơ (1926) 28 đồng
- Anh phải sống (1932-1935) 40 đồng
- Gánh hàng hoa (1934) 55 đồng
- Đời mưa gió (1934) 56 đồng
- Nắng thu (1934) 40 đồng
- Đoạn tuyệt (1934-1935) 65 đồng
- Đi tây (1935) 32 đồng
- Lạnh lùng (1935-1936) 40 đồng

- Hai buổi chiều vàng (1937) 40 đồng
- Thế rồi một buổi chiều (1937) 40 đồng
- Đôi bạn (1936-1937) 60 đồng
- Bướm trắng (1938-1939) 55 đồng
- Viết và đọc tiểu thuyết (1961) 35 đồng
- Mối tình chân (1950) 55 đồng
- Giòng sông Thanh Thủy 70-50-60 đồng
(1960-1961) 3 quyển
- Thương chồng (1961) 47 đồng

Nhà sách KHAI TRÍ 62, đại lộ Lê Lợi, Sài Gòn, phát hành.



Cha CRAS trong một giờ dạy triết
tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn.

7. TƯỞNG NIỆM

DO MINH VONG (A. CRAS)

1909–1962

ĐỒ MINH VỌNG tên chính là ALEXIS MICHEL CRAS, nhưng vì được bề trên dòng Đa Minh cử sang Việt Nam truyền giáo, nên cha nhận một tên Việt. Vì cha nhận thấy mảnh đất Việt tuy bé nhỏ nhưng đáng yêu, tâm hồn người Việt cởi mở và dễ thông cảm. Cũng vì những lý do trên mà Cha Đố Minh Vọng đã nhận nước Việt là quê hương thứ hai của Cha.

Cha Đỗ Minh Vọng sinh ngày 16-4-1909 tại Brest (Pháp), gia nhập dòng Đa Minh hạt Lyon năm 1925 đến năm 1932 ngày 22-7 được thụ phong Linh mục.

Thụ phong Linh mục được một năm. Cha được Bề trên cử sang Việt Nam truyền giáo và nhà Dòng đặt tại nhà La-cordaire (Quần ngựa) Hà Nội năm 1933-1936. Sau ba năm ở Việt nam, Cha được Bề trên Dòng gọi về Pháp để làm Tuyên úy sinh viên tại Clerment Perrant (Pháp) (1936-1938)

Năm 1938 Tòa Khâm sứ Tòa Thánh được thiết lập tại Huế, Cha được cử sang Việt Nam lần thứ hai với nhiệm vụ thư ký Tòa khâm sứ Tòa thánh tại Huế, vì Cha đã hiểu rõ Việt Nam.

Tháng 11-1938 Cha được cử về Hà Nội để giữ những nhiệm vụ sau:

7. Tưởng niệm Đố Minh Vọng ¶ 169

- Giáo sư Louis Pasteur 1938–1944.
- Sáng lập Câu lạc Bộ Phục Hưng tại Hà Nội năm 1941.
- Bề trên tiên khởi tu viện Đa Minh Hà Nội tháng 4.1941–1947.
- Cha sở nhà thờ Đa Minh Hà Nội 1-4–1953.

Năm 1954, đất Việt bị thực cộng chia đôi, Cha cùng nhà dòng và sinh viên câu lạc bộ Phục Hưng di cư vào Saigon.

Tới Miền Nam, Cha nghĩ ngay đến việc tái thành lập câu lạc bộ Phục Hưng cho sinh viên di cư tạm trú ăn học.

Bước đầu vào Saigon, Cha phải ngụ tạm Đất Thánh Cầu kho tháng 8-1954 đến tháng 10-1955. Đến tháng 10-1955, Câu lạc bộ Phục Hưng được thành lập

trên một khu đất tại đường Nguyễn Thông Sài Gòn với những ngôi nhà đơn sơ nhưng cũng đủ tiện nghi cho sinh viên tạm trú, có phòng hội, phòng đọc sách, phòng khách, nhà nguyện, phòng ăn và phòng ngủ cho 100 sinh viên.

Đặc biệt Câu lạc bộ Phục Hưng do Cha Vọng thành lập không phân biệt tôn giáo, địa phương chỉ cần là sinh viên là có thể tới ở được.

Thực hiện được Câu lạc bộ Phục Hưng trên là do công lao Cha đi vận động những cơ quan công tư nhân đóng góp tài chính, vật liệu để Cha hoàn thành.

Năm 1954–1961, Cha được Bề trên dòng Đa Minh cử Cha làm Bề trên phụ tỉnh tại Việt Nam.

Năm 1956 Cha được Bộ Quốc gia

giáo dục Việt Nam mời Cha dạy môn triết tại các Đại học Văn khoa Sài Gòn, Huế và Đại học Sư phạm Sài Gòn.

Năm 1958, Cha dạy thêm triết học tại Đại học Đà Lạt.

Ngoài giờ dạy học, Cha còn đi diễn thuyết tại nhiều nơi cho sinh viên với những đề tài xã hội, văn hóa. Cha tuy là người ngoại quốc nhưng tiếng Việt Cha rất am tường.

Ngoài tiếng Pháp, Y pha nho, Cha Vọng còn giỏi chữ Hán và Cha nghiên cứu học thuyết Khổng Tử, Nho giáo, Đại học, Trung Dung.

Cha Vọng cũng đã viết nhiều bài trên các báo Pháp, Việt, và nhất là những loạt bài Cha viết về Việt Nam. Cha cũng đã nhiều lần lên tiếng bênh vực người Việt

và đòi Pháp trao trả nền độc lập thực sự cho Việt Nam khi người Việt Nam muốn. Cha Vọng cũng đã giao thiệp với đủ mọi tầng lớp trí thức, lao động, nghèo, giàu, nên Cha rất hiểu rõ về xã hội Việt Nam.

Hôm nay nhân dịp ngày giỗ Cha (7-7-1962 – 7-7-1965) chúng tôi viết ít hàng về Cha, và cũng gửi đến bạn đọc những dòng chữ mà Cha đã để lại.

Phương Khanh

8. NGÀY MAI¹⁸ ĐÃ THÀNH HÔM NAY

Nguyễn Văn Trung

Cha Đỗ Minh Vọng đã qua đời.

Bao nhiêu năm ở Việt Nam đã tạo biết bao nhiêu quen thuộc thương mến. Tôi có cảm tưởng rằng ngay cả những người chỉ biết tiếng Cha, mà không quen, không mến, có lẽ cũng không thể ghét

¹⁸ Dịch nghĩa tên của cha theo La-ngữ. CRAS = Ngày mai hy vọng.

Cha được. Một tính đáng quý nhất ở nơi Cha là không bao giờ Cha lấy “thê” đạo đức, sự thông minh hay uy tín của tuổi tác, chức vụ để bắt buộc, chinh phục.

Cha là người kín đáo, tế nhị tôn trọng ý kiến, quyền tự do quyết định lựa chọn của người khác khi giao thiệp.

Trong một dịp nói chuyện về “người già người trẻ” ở Đại học hè Đà Lạt 1960, Cha kể câu chuyện một thanh niên đến hỏi ý kiến Cha về việc có nên lập gia đình đang lúc còn học hành hay không, Cha trả lời không nên vội vàng, và đã căn cứ vào nhiều lẽ để chứng minh với thanh niên đó nên thông thả thì hơn. Nhưng rồi mấy hôm sau, Cha được tin “Cậu sắp làm lễ cưới”. Cha kết luận:

– Lẽ tất nhiên, tôi không lấy thế làm ăn hận. Kỳ thực tôi đã đoán trước rằng:

Sở dĩ người ấy hỏi cho biết ý kiến, không phải họ định nhường lại cho ta quyền quyết định đâu, nhưng nhân được nghe ta phô diễn tư tưởng của ta, người thỉnh giáo lại có dịp để tự hiểu, tự ý thức với lập trường riêng. Rút cục, ngày cử hành hôn lễ, tôi thân hành đến chủ sự để chúc phúc lành cho cậu thanh niên đã không theo ý tôi.

Tôn trọng người khác, đó cũng là tinh thần của Câu Lạc Bộ Phục Hưng mà Cha là người sáng lập. Có lẽ không một người thanh niên nào gán Cha mà lại e ngại sợ “bị khuyên đi đạo” tuy sứ mệnh, chức vụ của Cha là nói, khuyên, giảng dạy.

Cha không bắt ép, chinh phục, nhưng luôn luôn sẵn sàng khi người ta cần đến. Đại học thiếu người dạy mời Cha; Cha nhận. Nhưng không một chức

vụ nào ràng buộc được Cha như thế chỉ có thể làm giáo sư, làm Cha giáo hay nhà trí thức. Lúc khác một bà mẹ, con chiêm bốn đạo đến gõ cửa, Cha cũng có đấy, tiếp đón y hệt như một Cha xứ của họ.

Cha không phải là người của một giới nào nhất định, nhưng là của mọi người, không phân biệt tầng lớp hay tôn giáo.

Có thể nói Cha là một trong những linh mục quen biết rất nhiều trí thức không công giáo, không phải vì những lý do địa vị, quyền lợi, chính trị nhưng vì những giá trị tinh thần qua những gặp gỡ nhân loại.

Cha là người thiên về đối thoại, tiếp xúc, nói chuyện trong vòng hai ba người và không có “khiếu” làm giáo sư, với nghĩa trình bày bài giảng trong một hệ

thống chặt chẽ theo lối độc thoại. Chính vì thế mà có một số sinh viên của Cha cảm thấy khó khăn trong việc lãnh hội. Chỉ một thiếu số biết bắt lấy những ý tưởng ném ra một cách lộn xộn mới hiểu được chiều sâu những suy tư sống thực của Cha khi Cha bình giảng Heidegger hay Đại học, Trung Dung.

Đó là lối diễn tả của những hiền nhân xưa gặp đâu nói đấy như chính Cha đã tự giới thiệu trong bài nói chuyện kể trên:

– Tôi là kẻ hỏi vợ vắn, hỏi lời thôi, theo lối trẻ con nghịch ngợm, theo lối người lớn lẩn thẩn, có khi làm cho thánh giả khó chịu như lúc người ta bị ruồi trâu đốt.

Cha thiên về tiếp xúc nên ít viết. Nếu chỉ có thể biết sự thực vì quen thuộc – quen biết – thì viết đôi khi thật là vô ích,

vì nói với những người không quen thuộc thường hay gây hiểu nhầm đổ kỵ, nhất là về tư tưởng. Có lẽ đó là lý do sự dè dặt kín đáo của cha. Nếu Cha lấy tiếp xúc để giao thiệp với người Việt Nam, thì Cha lại hay viết bằng tiếng Pháp về Việt Nam, không phải cho người Việt Nam, nhưng cho người Pháp hiểu Việt Nam, đặc biệt trong thời chiến tranh Việt – Pháp vừa qua. Tôi còn nhớ nhất bài Cha viết hồi 1945 trong đó Cha đứng về phía người Việt vì đã coi Việt Nam là quê hương thứ hai của mình, để bênh vực những quyền lợi, khát vọng chính đáng của quê hương đó.

Cha cũng là linh mục Pháp độc nhất ký tên chung với hai mươi nhà trí thức Việt Nam như Bùi Tường Chiếu, Trần Trung Dung, Vũ Văn Hiến, Cha Lê Văn Lý v.v... hồi 1951 ở Hà Nội phản kháng

vụ hành quyết những tù binh con tin ở Đà Lạt để trả thù việc một sĩ quan Pháp bị ám sát.

Những hành động trên của Cha chẳng qua chỉ là những biểu lộ của một thái độ thừa sai chân thực: đảm nhiệm hoàn toàn thân phận và số mệnh của con người, đất nước mà mình hiến thân cho.

Cũng trong tinh thần ấy, Cha đã đề công tìm hiểu Nho học và văn học Việt Nam. Tôi nhớ những buổi tôi đàm thoại hai người cùng tìm trong Kiều, ca dao hay Nho giáo những câu nói, danh từ diễn đạt được những ý tưởng thâm trầm của Sartre hay Heidegger như thể những người xưa vẫn còn sống giữa chúng ta, kịp thời, trẻ mới chưa hề già cỗi.

Con người Cha cũng vậy. Tuổi đã cao mà lòng trí vẫn trẻ. Trẻ cả trong đời

sống trí thức và đời sống thiêng liêng. Người có tâm hồn trẻ là người hướng về tương lai, và hy vọng. Cha Vọng, cái chết đã biến cuộc đời của Cha luôn luôn là Ngày Mai thành hôm nay.

Tháng 7-1962

Nguyễn Văn Trung

**9. NGƯỜI ĐÔNG PHƯƠNG
và CHỮ THÀNH
TRONG KHÔNG HỌC**

ALEXIS MICHEL CRAS o.p.

Nguyễn Xuân Hoàng dịch

Kính Thưa Thầy

Bây giờ đã là ngày 7 tháng 7. Con gọi hôm nay là ngày giỗ của Thầy. Tính cho đến nay thì Việt Nam quê hương đau xót đầy căm thù và lửa đạn đã được 20 năm. Ôi 20 năm, 20 tuổi nhục nhằn.

Con biên thư này quả tình không muốn nói đến cái cuộc chiến kỳ lạ và bi đát đó, con chỉ muốn xin Thầy, nhân dịp nhắc đến Thầy, tính thâm trầm kín nhiệm mà gần gũi thân mật để nghĩ đến quê hương và bạn bè, để nhớ đến người đã chết và tự hỏi với người còn sống có chăng một chữ Thành trong chiến tranh ngày nay?

Suốt ba năm theo học cùng Thầy con không thấy Thầy dùng lời dạy của Chúa khuyên răn. Thầy cũng không quá bất đồng ý với những Triết gia chống Chúa nếu con không muốn nói là đôi lúc Thầy còn có vẻ đồng tâm với họ. Và cũng lạ lùng thay, thái độ đó của Thầy khiến kẻ gần gũi Thầy cũng bỗng thấy mình gần gũi với Chúa. Con yêu mến cử chỉ đó và cũng từ đó con kính mến Thầy. Con kính mến không phải vì con được Thầy yêu, bởi con không phải là người học trò xuất sắc nhất,

và con cũng chẳng phải là người “khá” theo nghĩa học đường.

Nhưng những giọt nước mắt lăn trên đôi gò má chớm nhãn của Thầy và mái tóc bọc trắng phau run rẩy, vào một buổi sáng ở cái xứ sương mù kia đã đem con đến gần với Thầy. Giọt nước mắt như một lời nói, một ngôn ngữ và vũ trụ bỗng như mang một ý nghĩa khác đối với con.

Không phải con người đã sáng tạo ra vũ trụ mà thực ra con người đem lời nói, ngôn ngữ để gán cho vũ trụ (đã có sẵn) cái ý nghĩa để con người là con người và vũ trụ là vũ trụ – Thay đổi chữ là thay đổi nghĩa. Không có những chữ đồng nghĩa. Bởi chữ nghĩa cũng như con người không “ai lại có thể thay thế cho ai cả¹⁹”. Tất cả những lời nói của Thầy cho đến này con vẫn còn nhớ.

19 Xem bài “Trong Hồn Bướm Mơ Tiên” trong số này.

Vậy mà khi nhận lời Văn Học dịch bản văn của Thầy dưới đây con đã phạm nhiều lỗi lầm: Những lỗi khó mà tha thứ được vì con hãy còn phân vân giữa những chữ nghĩa. Kiến thức về chữ nghĩa (Việt, Pháp cũng như Hán) của con thì như thầy đã biết đây. Thầy vẫn cười con là ngớ ngẩn.

Tất cả những lỗi lầm khó tha thứ đó cộng với vẻ hấp tấp khi mang bài dịch này lên tạp chí Văn Học, con chỉ muốn kính xin lại Thầy nụ cười ngày xưa phải xuống với lòng tha thứ cho đứa học trò vì quá mến yêu Thầy nên phạm lời Thầy.

Cuối thư con xin mạn phép Thầy cho con được chép lại câu của F. W. Nietzsche mà Thầy đã nhắc lại trong buổi nhập đề (5-9-1961) quyển Trung Dung:

“Féconder le passé en engendrant l’avenir que ce soit pour moi le présent.”

“Hãy bón phân cho quá khứ bằng cách tạo ra tương lai, hãy để nó là hiện tại đối với tôi.”

Quê hương đang hồi lâm nguy con kính xin Thầy dừng bút.

Học trò của Thầy,

Nguyễn Xuân Hoàng

TRÊN thế giới này, người Đông Phương quả thực không được nổi tiếng mấy về lòng chân thành. Mà thực ra có lẽ họ còn mang tiếng là những kẻ dối trá, quỷ quyết, tính toán và ngụy tạo — nói cho cùng họ còn là những kẻ đáng sợ, rốt cục ta không hiểu rằng mình

đang tiếp xúc với hạng người nào đây.

Vấn đề thành tính nơi người Đông Phương vì vậy đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu rộng – sau đó chắc chắn ta sẽ thấy nhận định trên của ta thật ... hơi hợt. Hay ít ra ta cũng dễ nhận thấy rằng những chữ không hoàn toàn có cùng một ý nghĩa nếu đem áp dụng cho những môi trường sinh hoạt khác nhau như Đông và Tây; hoặc, sau cùng và cũng có lẽ là đúng nhất, người ta nhận thấy những chữ, không biến đổi ý nghĩa, có thể ứng dụng vào những thực tại mà bề ngoài tuy có vẻ trái ngược nhau nhưng thật ra lại tương đồng với nhau tự trong căn bản. Vậy thì kẻ mà ngay từ đầu tôi dợm sỉ mạ như một kẻ nói dối, rốt cục lại là người chân thành trong hư ngôn của họ.

Pascal nói: «Chúng ta phải xét đoán thiên nhiên theo như thiên nhiên, chứ

không phải theo như ta». Điều đó cũng đúng cho con người. Chúng ta nên xét đoán người Đông Phương như họ tự xét đoán họ. Người Đông Phương có ứng dụng đức Thành chăng? Câu trả lời cho một vấn nạn như thế đòi hỏi phải được thiết lập tự bên trong, khởi từ nền tâm lý đông phương và những thẩm định giá trị mà chính họ tự lấy làm gốc. Làm như thế ta khám phá ra rằng làm hư ngôn sự thực chỉ là những lời đáp lễ phép ... Thường người Đông phương ít xem lời nói như là biểu tượng của tư tưởng để hiểu người khác, lời nói chẳng qua chỉ là một nghi thức: cho nên việc tìm hiểu tư tưởng thật của một người Đông Phương không cần thiết lắm.

Ngược lại vì quá bận tâm với nghi lễ, họ coi việc giải bày ý kiến với người đối thoại mà họ muốn nâng lên như một kẻ

bề trên là một bốn phận... Trong nhiều xứ trên thế giới có dịp ta sẽ thấy đôi nét về lối bặt tâm này lẫn bước cả nỗi lo âu về sự thật, như trường hợp một người có giáo dục khi cần phải nói thẳng sự thật thì họ lại dùng ngôn ngữ ở một hình thức giảm dịu.

Một yếu tố khác mà ta cần phải quan tâm đến là yếu tố tâm lý. Nhờ vào những phương pháp trắc nghiệm và thống kê mà tâm lý học thực nghiệm hiện nay đã khảo sát được một cách khoa học sự biến thiên về tỉ lệ những người thành thật (nghĩa thông thường của chữ) theo sự biến thiên của những ghi chú tâm lý chủ yếu trong những môi trường khảo sát khác biệt. Người ta biết rằng thành tính – ở đây muốn nói đến chữ thành khách quan, nghĩa là được xác nhận từ bên ngoài – quen thuộc trong những

đoàn thể chịu tính trầm tĩnh và suy tư ngự trị, trong khi tính dễ cảm xúc, tính thiếu tự chủ, tính xung động nhất thời và ngay cả tính nhút nhát cũng vậy, dễ đưa đến hư ngôn. Những xúc động làm chúng ta rung chuyển mãnh liệt có thể khiến ta nghẹn lời ngay khi chúng ta cần phát biểu ý kiến, cũng như thế nổi kinh hoàng, niềm khắc khoải trong một vài trường hợp có thể làm tê liệt những quang năng của một kẻ lo âu khiến họ không thể nào đương đầu nổi với sự hiểm nghèo bằng chính lời nói chân thật của họ.. Cho nên không thể không quan tâm đến những nhận xét trên khi chúng ta²⁰ nghiên cứu trường hợp người Đông phương, nhất là khi chúng ta luận bàn về dân tộc những xứ dưới vùng nhiệt đới.

Mặt khác ta nên khởi đầu biện minh

20 Chỉ người Tây Phương.

hai nguyên lý tương phản kỳ lạ. Bởi nếu có những người Tây phương liệt người Á Đông vào hạng đối trá thì ngược lại cũng không thiếu những người Tây Phương yêu mến giống dân Da Vàng mà sở dĩ họ yêu mến như thế là chính vì lòng thành thật, tính ngay thẳng, vẻ hồn nhiên và nét tươi mát của tâm hồn người Đông phương

Dù sao đi nữa là cũng sẽ luận về chữ thành này.

Trước hết là trường hợp những tâm hồn đơn giản. Với người Tây Phương, đây là một vấn đề lý thú, bởi nền văn minh của họ quá tinh vi, tâm hồn của họ lại phức tạp và sự lạm dụng việc phê bình khiến họ đánh mất vẻ chất phác nguyên thủy của bản tính con người. Ở Á Đông người chất phác có thể có những tiểu xảo, những mẹo vặt, những gian kế

vụng về; nhưng đó chỉ là trò đùa mà một kẻ bàng quan có thể làm cho hệ thống phòng thủ mong manh (là những tiểu xảo kia) ở nơi một người yếu đuối, nhút nhát hay nơi một kẻ khốn cùng sẽ trở nên vô hiệu; bởi khi được đôi chút tin cậy là họ biểu lộ ngay con người thật của họ, họ từ bỏ cả việc «đánh lừa» kẻ đối thoại quá khôn lanh – và ta sẽ thích họ ngay bởi vẻ chất phác, trung thực và tính tự nhiên của họ. Không bị biến tính, họ là chứng nhân của vẻ chất phác nguyên thủy của tạo hóa: những phản ứng thực hồn nhiên của họ, nét ngây thơ, vẻ tươi mát của tâm hồn họ và cả những thái độ của họ chính là sự chân thật của bản chất đó. Tất cả những điều trên mang dấu vết của một đích thực tính (l'authenticité). Sự can đảm của họ trong những giờ phút vô cùng dũng cảm, cũng như lòng tin mãnh liệt mà họ mang đến trong việc

hoàn thiện điều mà họ coi như là một bổn phận, cũng có một ý nghĩa như thế.

Giáo dục (formation) hay thói xấu — mà tại sao lại phủ nhận điều này? — có thể làm biến đổi bản tính nơi một vài người Viễn Đông. Ngoài ra những người vào bậc ưu tú nhất của nền văn minh này, những người điển hình trung thực nhất của một truyền thống văn hóa cũng biểu lộ những đặc tính vô cùng dễ cảm của tính thành. Những nghi thức phải hoàn tất và việc đáp lễ đòi hỏi phải có nơi một người phong nhã chính đó là vẻ hồn nhiên duyên dáng nơi người viễn đông. Vẻ hồn nhiên duyên dáng này bộc lộ trong lúc hăng say chuyện trò, trong vẻ hăm hở chân thật nhất, ít tính toán nhất, cũng như trong những phản ứng khí vị ít giả tạo nhất.

Những người này có thể rất tế nhị, vô cùng thông minh, có giáo dục chứng thực có cùng một tâm hồn khí khái như những người chất phác nhất – trong khi mà ở nhiều nơi khác một nền văn hóa cao dễ đưa con người đến chỗ tách lìa nhau, và giữa những người giáo dục bất đồng này hầu như không thể có sự thông cảm và họ trở nên gần như những kẻ xa lạ. Trong nhân cách của những người Đông Phương tiến bộ nhất người ta không nhận thấy có sự ly khai tính liên tục giữa tư tưởng và đời sống như người ta đã nhận thấy rõ sự ly khai đó nơi nền văn hóa Tây Phương. Người Đông Phương không đặt ra những vấn đề đau đớn như thế, những vấn đề đã bắt nguồn từ sự đổ vỡ sâu xa khiến lăm người Tây Phương đã lạm dụng trí tuệ.

Những người này đã đạt đến sự huy hoàng của chân lý và văn hóa mà vẫn không ngừng là kẻ chí nhân. Văn hóa đã tinh luyện họ mà không hủy diệt vẻ hồn nhiên của bản tính họ. Văn hóa đã triển khai và làm nảy nở con người họ mà không đưa bản tính họ đến chỗ ngược dòng, đúng ra văn hóa đã xuôi theo chiều hướng con người khi nó hoàn thiện công trình đã bắt đầu từ trước mọi nỗ lực đưa tới văn minh.

* * *

Kinh nghiệm đơn sơ của những người theo tinh thần Khổng Học có thể làm phát sinh những dự cảm (pressentiments) mà việc biên khảo về triết học Viễn Đông đang xác nhận. Chủ thuyết Khổng giáo phát lộ một triết học về bản tính.

Một khái niệm chủ yếu đưa việc biên khảo đến những kết luận quan trọng nhất: đó là khái niệm về chữ Thành. Không một hệ thống siêu hình hay đạo đức nào mà vấn đề chữ Thành được bàn đến nhiều như thế ... Quần tụ chung quanh chữ Thành không phải chỉ có những nguyên lý chủ yếu về đạo đức, mà còn cả những cái nhìn toàn diện cao sâu về sự vật của một nhãn quan siêu hình.

Đối với người Đông Phương hấp thụ tinh thần Khổng học thì một cuộc khảo cứu về chữ Thành đương nhiên có thể chọn văn tự như là trọng tâm biểu thị ý tưởng về tính thành. Thật vậy theo dõi từng chận trong những bản văn cổ của Khổng giáo, phương cách mở rộng để đưa đến chỗ gán cho khái niệm thành tính một giá trị siêu hình, chúng ta vẫn trung thành với chữ Thành tiên khởi

(theo Hán Việt) hay TCH' ENG (theo tiếng Trung Hoa) mặc dù ý nghĩa rất khác nhau nhưng giữa những ý nghĩa đó vẫn có một mối liên hệ của sự chuyển hóa nhất định.

Khảo về chữ nghĩa thì tiếng Trung Hoa hơn mọi thứ tiếng nào khác là tiếng sáng sủa nhất của triết học. Mà chữ Thành đối với những người theo Khổng giáo lại là chữ đáng kính hơn cả, vì nó biểu thị và khơi dẫn một quan niệm sống, đồng thời khơi dẫn và biểu thị một vài bốn phận rõ ràng trong một vài trường hợp nhất định nào đó.

Vậy thì phải thiết lập một phổ hệ (généalogie) những ý nghĩa khác nhau của chữ Thành khởi từ ý nghĩa trực tiếp hiện có trong luận lý thông thường.

THÀNH TÍNH VÀ HƯ NGÔN

Mặc dù cử chỉ có trước lời nói và kết hợp ta với đồng loại trước cả lời nói, nhưng chính lời nói mới biểu lộ được phần nội tâm của ta một cách đặc biệt người. Montaigne nói: “Chúng ta chỉ có thể là người và chỉ có thể liên hệ với nhau bởi lời nói mà thôi” (Essais 1-9). Chính nhờ lời nói mà ta mới thực sự bước vào và duy trì những trao đổi xã hội. Do đó việc khảo cứu chữ Thành qua chương Thành Tính, hay nếu ta muốn, khảo về chữ Thành qua chương Trung Thực, là một việc làm thích đáng.

Ví dụ như ở đây chữ thành được thông dụng trong ngôn ngữ Hán Việt; thường thường nó được ghép với những cho khác để diễn tả ý tưởng của sự đúng mực và ngay thẳng. Nó còn dùng để nhấn mạnh sự đúng mực chính xác của lời nói

hoặc để minh xác tính thành của những tình cảnh bộc lộ bên ngoài.

Mục đích tiên khởi của chữ nghĩa là để chỉ thị đức tính của ngôn ngữ; điều đó dễ thấy khi ta quan sát thành phần cấu tạo vô cùng đơn giản của chữ đó. Dù vậy ở đây ta không cần phải bận tâm đến việc nghiên cứu nguyên ngữ, một việc làm vô cùng tế nhị và đầy dẫy khó khăn. Người ta cũng không quên tiếng Trung Hoa dành cho lời nói hơn là để mà viết. Vậy thì sự chỉ thị việc phát âm là việc mà chúng ta nên coi như quan trọng nhất trong tiếng Trung Hoa. Yếu tố âm thanh THÀNH cho chúng ta ngay sự chỉ thị đó. Hệ số của bộ (clé) NGÔN có nghĩa là lời nói. Điều đó chứng tỏ rằng chữ Thành được xếp vào loại những ý niệm quan trọng đứng đầu trong ngôn ngữ.

Chúng ta có nên đào sâu thêm vào vấn

đề nữa chẳng. Nếu ta cứ để cho việc giải thích chữ Trung Hoa quyển rữ như một mê ngữ (rébus) ta sẽ nhận thấy rằng yếu tố âm thanh Thành chỉ thị ý hướng hoàn tất ý tưởng tiến hóa theo chiều hướng hoàn thiện. Cho nên chữ mà ta dịch ra là THÀNH theo nguyên ngữ có nghĩa là lời nói chân thật, hay đúng hơn có nghĩa là việc hoàn thiện được thực hiện trong một lĩnh vực nào đó, như lãnh vực ngôn ngữ chẳng hạn. Ý tưởng muốn hoàn tất này chính là ý tưởng quan trọng trước tiên trong chữ Hán; từ đó đưa đến một lối chơi chữ trong Trung Dung chương thứ XXV; ta sẽ bắt gặp nạn ngữ:

Thành giả, tự thành dã²¹

mà chữ thành nằm gia chữ hoàn thành, chữ sau này cung cấp âm tố (phonémé)

21 Thành là tự làm cho mình thành mình (cf TDDC Phan Khoang tr. 96)

cho chữ thành. Ta có thể dịch:

« Thành, hay hoàn thành trong ngôn ngữ (chân lý của lời nói). và trong hành động (chân lý của bản tính hướng dẫn đời sống), đó là điều đưa con người đến chỗ tự thực hiện việc hoàn thiện của riêng mình.

Chữ thành trong bản văn này dùng theo một nghĩa rộng, nhưng vẫn ám tàng tự nghĩa tiên khởi. Bởi chữ thành trước hết là điều hành việc sử dụng ngôn ngữ, sau đó chữ thành mới đưa đến chỗ xác định những tính khí chung, những trạng thái phổ quát của tâm hồn, và sau hết dẫn đến sự này nở toàn diện – cũng như trật tự những thực tại đều có phản diện và biểu tượng của nó, hay đúng hơn có lưỡng hiệu trong trật tự của những biểu tượng và danh xưng trong triết học Khổng giáo.

Tuy nhiên chúng ta phải nhận rằng trong những bản văn cổ của triết học khổng giáo muốn nói về chữ Thành theo nghĩa thành thật phải nhờ đến nhiều chữ khác. Đặc biệt nhất là chữ TÍN (theo nguyên ngữ có nghĩa là lời nói của con người). Chữ này thường đi cùng với chữ TRUNG — TRUNG có nghĩa là trung thực, trung thành với con đường mà trái tim đã chỉ dọn cho con người.

Cho nên người quân tử, nghĩa là người thành chính (homme d'honneur) là lũ có một tâm hồn vương hầu và chính vì vậy mà tuy chưa mở lời đã tin là thật. (Trung Dung XXXIII-3)²²

Vậy khi nghiên cứu kỹ càng những đoạn văn trên, ta phải nhận rằng những

22 «Cổ quận tử bất động nhi kính, bất ngôn nhi tín». Cho nên người quân tử chưa cử động mà vẫn kính cẩn chưa nói mà vẫn tin thật. Chú giải của Phan Khoang trong TDDG trang 131.

sách cổ không hề nhấn mạnh đến chữ thành trong lời nói, nó cũng không quá bận tâm đến việc ghi khắc vào tâm khảm các môn đệ sự tôn trọng chân lý. Hè rằng một nền giáo huấn như thế bao hàm trong một học thuyết đã khiến cho sự nguy tạo thất bại bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng bề ngoài của con người rất cuộc thế nào rồi cũng phản bội với nội tâm của mình²³. Mặt khác người ta cũng không hề thấy trong những sách Khổng học việc lên án xảo ngôn.

Điều đó quả là kỳ dị. Hơn nữa có lắm bản văn ngược lại còn bênh vực, nếu không phải là bênh vực những xảo ngôn bề ngoài thì ít ra cũng đề bênh vực những lời đối đáp chối bỏ sự thật...

Trong Luận Ngữ (XVII-19) có một giai thoại như sau: Nhũ-Bi, người nước

²³ Cf Trung Dung từ chương XXI đến chương XXXIII.

Lỗ muốn vào yết kiến Đúc Khổng Tử. Ngài từ đi, lấy cố bệnh. Khi người vâng lệnh vừa ra khỏi cửa, Ngài liền lấy cây đàn sắt vừa đờn vừa ca, khiến người Nhữ Bi nghe biết²⁴.

Dường như Đúc Khổng Tử còn chấp nhận và ca ngợi câu trả lời bâng quơ của một người không chút bận tâm đến việc biểu dương giá trị mình. Đó là chuyện một vị anh hùng bị bất lợi về chiến vận. Ông ta là người từ trận chiến trở về sau cùng, bởi ông ta còn mãi chiến đấu với kẻ thù để đoạn hậu cho binh lính mình rút lui. Được hỏi về nguyên nhân của sự chậm trễ này ông khiêm tốn đáp: «không phải là tôi có can đảm ở lại chiến đấu sau cùng đâu, thật ra là vì con ngựa của

24 Ông Đoàn Trung Còn ghi thêm rằng. Ấy là cách Ngài làm cho kẻ có lỗi tự tỉnh ngộ người Nhữ-Bi theo đức Khổng mà học lễ, nhưng phạm tội, nên Ngài chẳng cho gặp mặt ngài. (Luận Ngữ – Đoàn Trung Còn trong 279).

tôi nó không chịu chạy đó thôi²⁵» (Luận Ngữ VI-13). Cũng như các nhà đạo đức biết là phải, Đức Khổng Tử cho rằng có những trường hợp bắt buộc phải nói sự thật, cũng như có những trường hợp không nên nói sự thật, điều sau này không những cần thiết mà còn được coi như một đức tính nữa.

Nhưng về chương này, đối với Đức Khổng Tử, thật ra chỉ cần tin cậy vào lượng trí và lòng chính trực của ý định cũng đủ rồi. Với Ngài vấn đề không có gì là khó khăn. Ngài không đặt ra trường hợp nan giải khiến cho lắm nhà đạo đức bối rối từ khi họ chủ trương rằng bản chất nói dối là xấu và như thế phải triệt để cấm nói dối.

25 Đức Khổng Tử khen rằng: «Mạnh Chi Phán chẳng khoe mình. Lúc binh thua mà chạy, thì ông ở lại sau. Khi vào cửa thành, ông giơ roi quật ngựa, vừa nói rằng: “chẳng phải ta dạn dĩ gì mà ở lại sau, tại con ngựa ta chẳng lướt tới mà thôi». (Đoàn Trung Còn Luận Ngữ tr. 91).

Vậy phải chăng điều khiến Khổng Tử bất bình trong lời nói dối không phải là sự bất đồng giữa chân thật và lời nói mà chính là ở ý định ác độc; nói cách khác, đối với Ngài, chữ Thành cũng như thái độ phổ quát hướng lòng chúng ta đến điều thiện đáng kể hơn là chữ Thành được thiết lập như một phương trình giữa ngôn ngữ và tư tưởng; Ngài coi lời nói dối như là một vi phạm của nguyên lý điều hòa bảo đảm sự hòa điệu giữa mọi vật hơn là một xúc phạm đến giá trị của trí năng. Đành rằng Thánh Thomas đặt tính chân thực vào giữa những đức đó đưa đến việc áp dụng công bằng; nhưng chính vì Ngài xem người dối thoại như một kẻ có bốn phận phải tôn trọng chân lý và cũng bởi vì chân lý phải được thành lập nơi tinh thần con người do sự hợp tác chân thành của mọi người và do một việc làm tập thể.

Vậy mà chắc chắn là Đức Khổng Tử để tâm đến một điều khác hơn là thăm dò tinh thần con người bằng chân tính. Điều phải quan tâm đó chính là một đời sống hòa điệu. Và đó cũng chính là điều làm bận trí Ngài trước tiên. Việc bảo đảm cho nhân loại được hưởng thụ chân lý không nằm trong những viễn tượng Ngài như một mục đích của đời sống xã hội hay như công việc của một nền văn minh từ nó đang kỳ vọng. Điều quan hệ là sống với bản tính chân thật của mình. Chính chân lý đó mới là điều mà Khổng tử quan tâm. Hư ngôn sẽ bị coi như một lầm lỗi trong trường hợp nó làm tổn hại đến sự tiến bộ của đức độ hoặc giả nó ngăn trở con người đạt đến những đức

độ đó. Thái độ của người Đông Phương giúp cho những ai hàng ngày tiếp xúc với họ một xác chứng thực nghiệm về cái giả thuyết khinh xuất ở đây. Rõ ràng là người Đông Phương ứng dụng việc bồi dưỡng về chân thực hoàn toàn của con tim hơn là quan sát một cách hời hợt mỗi tương hợp chặt chẽ giữa lời nói và chân lý. Nếu thấy cần, đôi khi một người bạn thiết có thể tự cho phép nói quanh mà không sợ bạn buồn lòng nhưng những người Tây Phương khó tánh, nghiêm nhặt hay có thể quá hẹp hòi, theo như chương này, chắc sẽ không chấp nhận việc đó. Điều quan hệ chính là tính Thành của những tình cảm sâu xa và của những nguyên động lực không được đề cập đến.

Vấn đề đây không phải là vấn đề luân lý nà chỉ là vấn đề chỉ đạo tâm tính con người²⁶ ...

(còn tiếp)

A. CRAS

Nguyễn Xuân Hoàng

phiên dịch

²⁶ Tất cả những ghi chú trong bài này là của người dịch.

10. CHA CRAS

DƯỚI MẮT VÀI THANH NIÊN VIỆT

«... Tôi uống hết bia, hút hết điều thuốc, chào bà, chào bác rồi tìm tới Thi và bắt đầu sống một thời kỳ lẩn trốn như một con chuột thuộc thành phố. Có lần quá mệt mỏi vì lối sống này, tôi tới nhờ Cha CRAS một thầy dạy và cũng là người thứ hai sau Nhất Linh tôi kính mến trong đời giúp cho vượt biên giới. Nhưng khi tới sát biên giới, tôi lại trở về. Có lẽ tôi bị ám ảnh bởi sự kiện Nhất Linh sau khi rời bỏ chính trị năm 1950, có qua Paris ở

với con cả một thời gian, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi.»

THẾ UYÊN

(VĂN số 14 ngày 7-7-1964)

«... Bước chân vào Đại học, tôi đã nhiều lần, sau giờ giảng chốt, cùng một vài sinh viên đã ngồi nán lại trong giảng đường vắng đây tiếng xe hơi chạy ngoài lộ, để hỏi những Cha Bửu Dưỡng, Cha CRAS, những điều về cuộc đời đang diễn tiến ngoài bức tường cũng như hỏi về triết lý của Thiên Chúa giáo, của Platon, Socrate. Có một lần, tâm hồn đầy chán nản và nghi ngờ không những khả năng mà ngay chính cả thiện chí của mình, tôi tìm đến Cha CRAS, hỏi ý kiến về tương lai. Vị Linh mục già sau khi nói nhiều với tôi trong ánh sáng tranh tối

tranh sáng, đã mời tôi sang nhà thờ nhỏ trong cư xá. Tôi bước qua ngưỡng cửa giáo đường không cúi đầu không quì gối vì tôi không tìm thấy Chúa. Nhưng sau khi khoanh tay đứng nhìn những người áo trắng quì gối trước bàn thờ, sau khi ngắm một ngọn nến lung linh trên vách, tôi đã tìm được một phần nào quân bằng trong tâm hồn, và một phần nào tin tưởng ở cuộc đời.

Bởi vì thế, khi khối Công giáo xuống đường, biểu tình, bạo động, tôi phần uất và thất vọng. Những bậc thầy như Cha Gaultier, Bửu Dưỡng, Cras đã chỉ bảo tôi nhiều về giáo lý đạo Thiên Chúa, đủ để cho tôi thấy rằng không những những người đang xuống đường hò reo uất hận kia, không những không theo giáo lý, mà ngay cả mười điều giới tăng cũng không tôn trọng. Tôi tự hỏi: Họ, những

người xuống đường kia, là ai. Tôi đi tìm kiếm ngoài đường phố, trong sách vở. Tôi tìm hoài ngược cả dòng lịch sử để rồi sau cùng thấy rằng ở Việt Nam chỉ có một giáo hội Thiên Chúa giáo, một giáo hội có một lịch sử gắn bó với các lớp người. Thành thực nói, trong khi đi tìm, tôi chỉ mong gặp Thiên Chúa đích thực, gặp những người Thiên Chúa giáo đích thật để tìm lại niềm tin tưởng cũ, niềm tin tưởng tôi đã tìm thấy khi đứng trong giáo đường có ngọn nến lung linh trên vách.

Tôi buồn rầu nhớ lại một buổi sáng, tôi và Thi, hai đứa dậy thật sớm đến nhà thờ Đức Bà dự lễ cầu hôn cho Cha Cras từ trần bên Pháp. Trong không gian mờ nhạt của một ngày mới bắt đầu, tôi chỉ thấy một niềm thương tiếc tuy mạnh mẽ nhưng mơ hồ. Bây giờ nghĩ lại, tôi mới

hiểu là hôm ấy, tôi không những đã tiễn đưa một người thầy vào cõi chết, mà còn tiễn đưa một người Thiên Chúa giáo đích thực tôi được biết vào huyền sử. Sau này, khi nhìn thiên hạ nhân danh chúa Jêsus để bạo động, tôi nhớ lại người đã khuất ấy và tuy buồn, nhưng đôi khi tôi cũng thấy một niềm an ủi nhỏ là nếu người đó còn sống, không hiểu người sẽ nói gì với chúng tôi về những biến động như những vòng gai quấn thêm vào Đức Kitô.»

THẾ UYÊN

(VĂN HỌC số 37, ngày 1-5-1965)

«Tôi viết gì về Cha, giờ đây, khi Chúa bỗng gọi Cha về khiến cho giao tình Cha với tôi có chi gần như là bội bạc, không thủy không chung, bởi tình linh đứt quãng.

Đời sinh viên tôi hai đoạn, cách nhau hơn hai mươi năm, đoạn nào cũng ghi đậm dấu Cha, Cha biết đấy!

Hai mươi năm trước tôi làm quen lần đầu tiên với tâm tình thanh lịch của Cha, cạnh một đĩa rau muống tây nghiêng, khi Cha nhận cho tôi tá túc nhà Cha ở Hà Nội. Rồi tôi biết Cha thêm nhiều nữa, qua thái độ ôn hòa nhưng cương nghị của Cha, trong những lần xung đột sôi bỏng với tôi sau đó, ở Cercle Renaissance, trên các vấn đề tổ chức đời sống tập thể của sinh viên câu lạc bộ.

Cha thật là tế nhị, trong địa vị một linh mục người Pháp, hoạt động giữa đám thanh niên Việt, trong thời Nhật thuộc.

Tôi vẫn ghi mạnh trong tâm khảm tôi hình ảnh một chiếc áo chùng thâm gò lưng trên chiếc xe đạp khố, qua các nẻo đường Hà thành tràn khói lửa tối hôm 9-3-1945, khi Cha đơn thân đi làm công việc cứu thương, và nếu cần, cứu rỗi.

Hai mươi năm sau, tại Saigon này, trong các câu chuyện về đời sống về con người, Cha bỏ tôi lại đằng sau xa quá. Muốn gần Cha hơn, tôi phải quay về Đại học. Suốt ba năm qua, các bài Cha giảng, không mấy lợi cho việc đi thi, có lẽ đã không làm cho các bạn hai mươi của tôi thưởng thức lắm. Nhưng riêng với tôi, nó chứa nhiều âm hưởng sâu xa, vì triết

lý của Cha như lọc ra từ cuộc đời tôi sống.

Hai mươi năm đi lại, chưa có một lần. Cha nói cùng tôi về Chúa của Cha. Nhưng nếu có ngày nào tôi lần về nẻo ấy, chính đời Cha sống, khiêm cung, trung thành và cởi mở, sẽ nhất định là đường tôi đi.

Tháng Tư mới đây, tôi vừa được Cha khẩu vấn. Tôi đâu ngờ, giữa chúng ta, đây là cuộc đàm thoại sau cùng.

Nay nghĩ lại, tôi chột giật mình. Cha đã tỏ ra hài lòng về tôi trong dịp ấy. Nhưng nếu tôi đã chệnh mảng để không theo kịp tình Cha, có lẽ tôi phải suốt đời ân hận.

Đêm nay, trở gối, tôi không muốn mà nước mắt vẫn tuôn trào, hệt như đêm

nào, hai mươi năm trước đây, lúc Thầy tôi mất, đúng nào cái tuổi Cha mất bây giờ.

HỒ SĨ KHUÊ

(SỐNG ĐẠO số 4, ngày 15-7-1962).

«Thành giả, thiên chi đạo dã, thành chi giả, nhân chi đạo dã...». Tôi vẫn còn nhớ nguyên cái cảm giác bị kích động một cách vừa nghiêm trang, cảm mến, vừa buồn cười khó chịu, khi nghe những lời nho cổ ấy bằng giọng «ông Tây nói tiếng Ta» của Người, trong những giờ giảng về Triết học Đông phương ở Đại học Văn khoa Saigon.

Chúng tôi cực khổ trong những giờ này lắm. Cours lấy không được. Chẳng phải vì ngôn ngữ — vừa bằng tiếng Việt,

tiếng Pháp và chữ Hán. Ngôn ngữ, xác chữ không mấy quan trọng ở đây. Mà cực khổ chính vì khó bắt kịp được ý Thầy. Bài giảng của Người chỉ là những nhận định – dựa trên bản văn nguyên tắc – những nhận định có vẻ rời rạc, không có sự nối kết thông hệ của một «bài học nhà trường». Song mỗi nhận định là một dẫn dụ (suggestion), là một cửa ngõ mở ra một khoảng vườn hoang vu. Và kẻ học ở đây luôn luôn có dịp phải thấy mình ngỡ ngác, bấn khoản. Luôn luôn thấy mình «đang đi trên đường» — và nhỏ bé, nghèo nàn, hành trang chẳng có gì ngoài vồn vẹn một chữ «Thành» chằm chút trong lòng. (– Cha ưa giảng về chữ Thành này của Trung Dung lắm!)

Người ta bảo: «Cha Cras không phải là một giáo sư triết học, mà là triết gia». Tôi cũng đã cũng nghĩ như vậy khi còn

phải vất vả theo cour của Người. Song đến bây giờ, mọi sự đã qua rồi, và trong tâm trạng xúc động rộng lớn trước tin người qua đời, chúng tôi mới hiểu thấm thía rằng: Trên cả địa vị một người tư tưởng, Cha còn là một người Thầy» – một người thầy với tất cả ý nghĩa cội rễ, chính thực nhất, là đấng dạy làm người.

ĐỖ ANH TÀI

Sinh viên Văn khoa Saigon

«Cha ơi! Cha không biết đâu! Nhưng «bọn» thanh niên chúng con kính yêu cha lắm; vì Cha thật quảng đại.

Nhiều bạn con kể chuyện: có lần họ đã đóng kịch, lừa dối Cha điều này điều nọ và họ đã thành công; vì Cha rất tin cẩn và rất sẵn sàng giúp đỡ họ. Nhưng cuối

cùng họ đã thua cuộc, vì: «Tao không
nỡ lừa dối ông nữa nữa mây ạ, ông thật thà,
nhân từ quá!».

Nhiều đảng thánh mong chết để
được về cùng Chúa. Nhưng chẳng bao
giờ con thấy Cha tỏ ý mong ước điều
đó cả, chỉ thấy Cha vui vẻ, yêu đời, say
mê làm việc suốt ngày. «Dấn thân làm
việc cho đời». Phải chăng đó là lối sống
của một triết gia ngưỡng mộ Khổng Tử
và am hiểu các triết gia hiện sinh chân
chính?

TRƯỜNG ĐÌNH TẤN
Sinh viên Sư phạm Triết Đalat

11. HỌC THUYẾT KHỔNG TỬ với CHA ALEXIS CRAS

Người Việt Nam nếu không chịu để cho các lý thuyết mới lạ quyền rũ và trái lại muốn đưa ra một quan niệm về trời đất và về đời người theo đúng đường lối của truyền thống tinh thần Việt Nam hơn, thì càng ngày càng phải học hỏi về thuyết Khổng Tử.

Chúng ta phải đứng ra chỉ cho mọi người thấy rằng học thuyết Khổng Tử có thể có ích như là một thứ Cựu ước trong Thánh kinh: nó sẽ được hào bị và

thành sống động, khi Chúa Giêsu mặc
khảo con đường cứu rỗi.

Theo thiên ý, cái hay của học thuyết
Khổng Tử là bàn tới các vấn đề luân lý,
theo một khuôn khổ hoàn toàn thích
hợp với tính tình người. Viễn đông.

Hơn nữa, thiết tưởng nếu thần học
và luân lý Công giáo chúng ta dùng được
kiểu nói của nhà Nho thì hay tuyệt. Chứ
không nên chế tạo lung tung ra một
kiểu nói chỉ dành riêng cho «nhà thầy».
(1948)

ĐỖ MINH VỌNG O.P.

GS TRẦN VĂN TOÀN dịch

NGUYỄN CÔNG TRỨ

với ĐỖ MINH VỌNG

« Sau khi đã được thọ gân tám mươi tuổi, thỉnh thoảng xem ý cụ không thêm muốn để tâm vào việc đời nữa. Cụ cho rằng mình đã sạch nợ tang bồng.

Đàng khác, mỗi khi đưa mắt nhìn về quá khứ, cụ cảm thấy rằng:

Chuyện cũ trải qua đà chán mắt.

và trong lúc đó, cụ chỉ mang cho được giải trí bằng cách hành lạc.

Nhưng lúc khác, phải chăng cụ đã giật mình và trấn tĩnh lại, mà tái nhập vào thực thể của thời gian toàn diện, lo cho tương lai nước nhà.

Cương quyết giữ trung thành với dòng dõi (quá khứ) thành ra cụ đứng

vững để đối phó với tình thế (hiện tại).

Năm Tự Đức nguyên niên 1858 khi nghe quân Pháp bắn phá cửa Đà Nẵng, cụ khẳng khái và hăm hờ dâng sớ xin vua ra cầm binh chống giũ.

Ông Péguy đề nghị tiếng Pháp nên phân biệt:

Les vietilards (Lão già, lão ông) et le vieux (các cụ). Thiết nghĩ rằng Nguyễn Công Trứ nên liệt vào hàng thứ hai...

Là vì trong tuổi già người ta bảo toàn được những giá trị tinh thần mà công luận cho rằng đó là đặc tính của tuổi trẻ. Cũng như không thiếu gì những người già cả vẫn có nhân đức của thanh niên. Vậy có khi người trẻ tuổi có khi khải ông già. Như thế mới gọi là: Thiếu niên lão thành, ngang vai với những bậc lão

thành, lịch duyệt»,

ĐỖ MINH VỌNG

(Trích «Quyền lợi và địa vị của người
cao niên xưa và nay trong xã hội» - Đại
học hè Đà Lạt 1960)

TỔ QUỐC VIỆT NAM
QUÊ HƯƠNG THỨ HAI
Của CHA ALEXIS CRAS

....Chúng ta phải hiểu và tôn trọng
ở nơi người khác những tình cảnh mà
Gioan đã mời gọi ta gìn giữ trong tâm
hồn. Chúng ta phải biết công nhận ở nơi
người Việt nguyện vọng muốn làm chủ

đất nước mình cũng như nguyện vọng của chúng ta.

CHRISTIANUS (A. CRAS)

(Trích trong báo Indochine N^o 37 ngày 15-5-19..)

HƯỚNG ĐẠO SINH

với CHA ALEXIS CRAS

...Tráng sinh là «con nước Pháp».

Nhưng hướng đạo ở ngoài nước Pháp có phải là một tổ chức có những địa vị của nước Pháp không?

... Nếu một trường hợp như của Việt Nam, một dân tộc có lịch sử truyền thống; cá tính riêng, và không chấp nhận sự đồng hóa thì sao?

... Hướng đạo là Pháp cho một tráng sinh Pháp, nhưng là Việt cho một tráng sinh Việt.

Phong trào hướng đạo sẽ bị hoen ố nếu, vì những mục đích chính trị, người ta xóa bỏ những đòi hỏi của một lý tưởng có tính cách phổ biến.

A. CRAS

(Trích trong báo La Route - 1948)

KIM VÂN KIỀU của NGUYỄN DU
Với CHA ĐỖ MINH VỌNG

«... Nhiều bậc già cả niên cao hãy còn đang trách nhiệm trong gia đình hoặc trong chính sự.

K.675

Cõi xuân tuổi hạc càng cao

Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.

Nói riêng về thân phụ sinh ra cô Kiều, trong chỗ bạn bè với nhau, ta cũng có thể đồng ý với ông Lê Văn Hòe mà phê bình các phản ứng của cụ.

Xưa kia, khi còn tráng kiện, cụ ví như cây gánh vác nhiều cành, đã đành; nhưng đến lúc gặp phải nỗi khó khăn, không còn thấy cụ gánh vác gì cả. Một mình cô Kiều cố công cứu vớt gia đình

trong giờ hiếm nghèo, và những lý lẽ của cô trình bày cùng cha đã chóng làm cho cụ ứng theo thôi, cứ để một mình con hy sinh...

Phải lòng ông cũng êm tai

Người chỉ biết khóc thôi, khóc xuống.

Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngắn ngang

Dẫu vậy chỉ vì công nghiệp tích trữ từ trước, đa số người già cũng đáng được đám hậu sinh đặc biệt tôn trọng – Và bỏ buộc hơn cả.

K.604

Làm con trước phải đến ơn sinh thành.

Hơn nữa, ví như có một người già nào đó công ít, tội nhiều không có tri thức, suốt đời đã làm xằng nhưng, chỉ vì người ta già nua tuổi tác, nên người ta

cũng đáng được lớp hậu sinh tôn trọng phần nào.

ĐỖ MINH VỌNG

(Trích «Quyền lợi và địa vị của người cao niên xưa và nay trong xã hội». Đại học hè Đà Lạt 1960)

PHƯƠNG KHANH ghi

12. NGÀY MAI ĐÃ LẶN TÌNH THƯƠNG CÒN MÃI

CHA Alexis CRAS là Đỗ Minh Vọng đã tạ thế tại Lyon ngày 7-7-1962 trong khi về Pháp bầu bề trên cả của Dòng.

Hung tin đến bất ngờ gây xúc động không nhỏ tại Việt Nam, một tổ quốc thứ hai của cha, nơi đã thấm nhiều mồ hôi nước mắt của vị linh mục đã phục vụ suốt 29 năm trường. Nhiều lễ cầu hồn

được tổ chức, nhiều giới để tang và khóc Cha. Báo chí loan tin, nhiều người đã nói lên niềm thương tiếc Cha như một thân nhân của riêng giới mình vậy.

Với anh chị em trí thức Công giáo cũng như không Công giáo, Cha là người đã sống đầy đủ ý nghĩa «trí thức», kín đáo và tôn trọng tha nhân. Tôn trọng tha nhân không phải vì chính trị, quyền lợi hay địa vị, nhưng vì đã thực sự hòa mình vào dân tộc Cha phụng sự.

Với những nhà ái quốc luôn mong ngày tươi sáng trở về trên đất nước, Cha là đồng chí của họ, hành động vì tôn trọng điều công chính và niềm khát vọng chính đáng của dân tộc mất tự do (Sống Đạo số ra ngày 15-7-1962).

Với học sinh và sinh viên, Cha là bậc thầy gương mẫu, bậc «Sư» xứng đáng dạy

làm người cho môn đệ. Với lớp người «cũ» mực thước, trọng thánh hiền, Cha là học giả biết luận cổ suy kim, luôn lấy chữ «Thành» làm tiêu chuẩn.

Với lớp người trẻ trung Cha là bạn nghĩa thiết, thông cảm và hiểu họ vì đã bảo toàn được những giá trị tinh thần, mà công luận cho rằng đó là đặc tính của tuổi trẻ. Nói gọn là tuy đã cao niên, nhưng Cha còn giữ được «Thanh niên tính» vì thế lớp người trẻ chín chắn hay tạm gọi theo danh từ của Cha là các «Thiếu niên lão thành» rất quý mến và thích gần Cha, một bậc lão thành.

Với các hội đoàn được cha nhận giúp (nhất là hai praesi–địa đạo binh Đức Mẹ thiếu niên và Regina Mundi) Cha là linh hồn sống động hằng để tâm nâng đỡ thiện chí hội viên.

Với tất cả mọi người không phân biệt tuổi tác hay giai cấp, đã một lần tiếp xúc với Cha, đều nhớ mãi cách tiếp xúc kính cẩn, đơn sơ nhưng đầy ưu ái và tận tâm săn sóc như một cha xứ với giáo hữu sở tại.

Cha là người của mọi giới, nhưng lại chẳng thuộc riêng giới nào hết, vì vượt trên tất cả, Cha là «Tình thương bao la». Viết về Cha, bao giấy cho vừa, bao mực cho đủ, vì ai gói gọn được lý tưởng siêu việt trong mười dòng chữ, đem hữu hạn đóng khung được tình thương bát ngát vô biên!

Đầu 1954, Cha Cras được bề trên cử lập thêm chi nhánh dòng Đa Minh tại Nam Việt. Từ Pháp về Sài Gòn tìm cơ sở lập dòng, Cha đã vất vả bao tháng ròng rã trong một hoàn cảnh hết sức thiếu thốn khó nghèo. Tiếp theo đó, tình thế đổi

thay vì hiệp định Genève, với làn sóng di cư ào ạt càng khiến nhiệm vụ bề-trên phụ-tĩnh của Cha bấy giờ muôn phần khó khăn. Để có chỗ trú chân cho một cha Pháp (B. Pineau) và một cha Việt hồi hương phụng sự (cha Nguyễn Huy Lịch), Cha Cras đã phải xin tạm trú tại nhà thờ đất thánh Cầu Kho hơn một năm trường. Gọi văn vẻ là nhà thờ, nhưng trên thực tế đó làm một thánh đường nhỏ xíu, hoang phế mọc lên giữa những mồ mả, mà xưa kia dùng để dâng lễ cầu hồn, mỗi năm một lần cho người quá cố. Nhà văn Bình Nguyên Lộc, trong tác phẩm «Ba con cáo», đã tả được phần nào cái ghê rợn của nghĩa địa Cầu Kho, với nếp sinh hoạt của hoang thú, và những người đã bị xã hội gạt bỏ bên lề, tạm trú trên các mồ mả có mái che, mỗi khi màn đêm bao trùm vạn vật. Nhưng phải sống trong căn nhà thờ hoang phế rêu phong đó, qua những

giờ gió thét mưa gào, nước hắt tới giữa nhà và tú bể lấy lội, hoặc những ngày nắng hè gay gắt, hơi nóng bốc lên tanh hôi, ám mùi tử khí... mới thấy được sức chịu đựng của các Cha dòng Đa Minh trong bước đầu xây dựng cơ sở ở miền Nam. Sự hiện diện của các Cha Đa Minh đã khiến họ Cầu Kho thêm hoạt động, vui vẻ và ấm cúng một thời.

Nhà tuy chật hẹp tối tăm, nhưng lòng Cha Bể trên thật rộng rãi hy sinh. Có lần Cha rước về một bệnh nhân lở loét hôi hám, pha thuốc tím chùi rửa. Mỗi đợt nước dội xuống, dòi bọ lúc nhúc bò ra, khiến một người chứng kiến cảnh này bị ám ảnh, rùng mình, nhiều năm sau còn giữ mãi ấn tượng ghê rợn hãi hùng. Lần khác, một bệnh nhân mắc bệnh tiêu chảy kinh niên quá ư bản thủ, xú uế nồng nặc khiến họ hàng kinh tởm ruồng rẫy bỏ

roi. Tiếng khóc đau đớn của bệnh nhân vang từ ngôi mộ đến tai Cha, người bình tĩnh chạy tới, bồng lên tay an ủi, săn sóc và đưa về tới gia đình, kêu gọi đến tình máu mủ ruột thịt để bệnh nhân được nghỉ giấc ngàn thu dưới mái nhà thân thích. Ngày bệnh nhân qua đời, không một ai dám gần vì kinh tởm, thì chính Cha lại đích thân tới lo liệu thay quần áo... như giúp cho người thân thích của mình vậy.

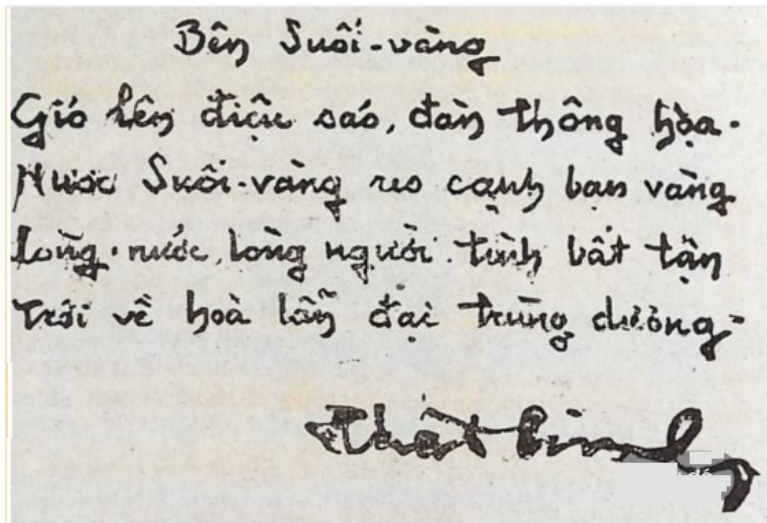
Ba năm sau, tại «Phục Hưng» một câu lạc bộ do Cha sáng lập, trong buổi diễn thuyết về «Hồn bướm mơ tiên», để trả lời những câu hỏi của sinh viên về nhân vị, Cha đã kể rằng trong trận thế chiến vừa qua, tại Âu Châu người ta lo tản cư các thùng dụng cụ và bệnh nhân. Mọi thứ gửi đi đều được dán hoặc đeo một số; ở trường hợp này, con người đã

bị giản lược xuống hàng dụng cụ. Dụng cụ là vật vô tri, con người là một nhân vị, toàn diện, biết cảm nghĩ, vui, buồn, giận, ghét... nên cần và phải được tôn trọng. Những lời đơn sơ này, nghe qua có vẻ lý thuyết xa vời, nhưng đã gây xúc động không ít, vì lời Cha đã cụ thể hóa bằng việc làm diễn ra ba năm trước đó.

Ngày nay, Cha đã an giấc ngàn thu, bánh men đã thực sự tan biến, nhưng chắc sẽ làm dậy bột. Khoảng đời của cha, những ngày đầu tiên khổ hạnh nơi đất thánh Cầu Kho, tới lúc xiết tay rời Việt Nam về Pháp, cũng đủ khiến tôi phải suy nghĩ nhiều. Trong những bài viết về Cha, một tác giả không Công giáo đã nhìn nhận rằng: «Hai mươi năm đi lại, chưa có một lần Cha nói cùng tôi về Chúa của Cha. Nhưng nếu có ngày nào tôi lần về nẻo ấy, chính đời Cha sống khiêm cung,

trung thành và cõi mở sẽ nhất định là
đường tôi đi.» (Hồ Sĩ Khuê số này.)

THYM THYM



13. Nhớ Nhất Linh

Người đi theo bóng thiên thu

Bỏ đây năm tháng sa mù nhân gian

Nhớ thương chim khóc trên ngàn

Nước ngơ đất ngẩn trời mang mang
sâu

HUẾ 65
TRẦN DZA LỮ

14. VÒNG HOA TƯỞNG NIỆM

nhân cái chết của văn hào
NHẤT LINH ngày 7.7.1963

hai khúc cây treo hình chữ thập
và những chiếc đinh bạo lực
đóng sâu vào thịt xương
máu tràn lênh lánh
một thân hình gục xuống đ
ã mấy ngàn năm một mỗi thánh trăm
nhưng người không chết không chết

dù người đã lạnh lòng vĩnh biệt
và tự mình chấm dứt
cuộc hành trình gian lao
vì những điều không được nói
vì những điều không được làm
nhưng vết chân in vào thời gian
như khắc sâu vào đá
mãi mãi không mờ phai
đã một lần hiện hữu
và sẽ còn hiện hữu
như bóng người trong sương mù
trong những buổi chiều vàng
hiu hắt nắng thu mơ
trên giòng sông thanh thủy

người đã yêu đời yêu quê hương

yêu tự do công lý

bằng tất cả mối tình chân

người đã từng thiết tha

anh phải sống

nhưng cuối cùng phải đành đoạn tuyệt

con bướm trắng đã bay vào hư vô

tuy không thể tuôn dài ngoài khóe mắt

nhưng dòng lệ ghen ngào

vẫn âm thầm chảy ngược

vào trong hồn cao cả mẹ quê hương

người không chết không chết

với những từ ngữ đơn sơ
ướp hương thơm chân thành
của những tâm hồn ngưỡng mộ
xin kết thành vòng hoa tưởng niệm
qua thời gian không gian
kính cẩn quàng lên năm mộ văn nhân

Đinh Hoàng Sa

15. Viếng NHẤT LINH

Nghe tin đột ngột, dạ xôn xao,
Oán trách trời xanh độc thế nào?
Một chết cũng đành thân chiến sĩ
Ngàn năm lưu mãi tiếng văn hào.
Người qua tiên cảnh lòng thư thái,
Kẻ ở dương gian lệ rạt rào.
Hồn có linh thiêng phù nước tổ.
Khởi cơn nô lệ, thoát binh đao.

Gió mưa sùi sụt cảnh buồn thương,
Trời cũng chung chia nỗi đoạn trường. X
Xót kẻ tài hoa mà bạc mệnh,
Hận người quốc sĩ gặp tai ương.
Bụi trong, nước đục, đời ngang trái,
Khôn được, khờ thua, chuyện thế thường.
Phù thế, vương hầu coi bóng thoáng,
Ngàn năm còn lại áng văn chương,

Cuộc thế trăm năm có thể thôi,
Một chiều rũ áo lánh xa đời.
Văn chương, sự nghiệp còn lưu luyến,
Quốc biến, dân nguy luống ngậm ngùi.
Một mảnh lòng son khôn dễ nhạt,

Ngàn năm hận cũ biết bao người.

Rừng lan Đà Lạt giờ sơ sác,

Hoa thiếu mùi hương, bởi vắng người.

L. C. N.

17. NỖI BUỒN THÁNG BẢY

Trên vầng trán này
Một mặt trời lem luốc
Mỗi buổi sáng mọc lên
Âm thầm và lặng lẽ

Trên vầng trán này
Một bình minh tối đen
Tôi đi vào xa vắng
Đường sáng như mắt em

Bây giờ là tháng bảy
Mỗi buổi sáng trời âm
Bàn tay chùng nghe lạnh
Buồn chẳng muốn nói năng

Tuổi thơ đã bay qua
Bên điện đài hoang phế
Còn chi nữa đâu em
Vầng trán đó mặt trời sắp tắt.

Phạm Đăng Thiêm

17. LM. ĐỖ MINH VỌNG
với HỒN BUỐM MƠ TIÊN
của KHÁI HÙNG

Dưới đây là bài diễn thuyết của L.M. Đỗ Minh Vọng đã nói chuyện với các sinh viên trên các Đại học toàn quốc.

Ở đây chúng tôi chỉ ghi lại những đoạn chính của L.M. Đỗ Minh Vọng đã trình bày.

Vậy mong bạn đọc thông cảm nếu có sự thiếu sót trong bài này.

VĂN HỌC

Nói riêng về cuốn “Hồn bướm mơ tiên”, tôi nhận thấy có một quá trình biện chứng luận hàm chứa trong tiểu thuyết đó... Đã từ lâu tôi vẫn tin rằng biện chứng luận là phương pháp tất nhiên phải theo mới tiến vào được trong huyền nhiệm chứa đựng thực tại.

Vậy dùng biện chứng luận mà tìm hiểu sự thật hẳn là qua hai bậc chính đề và phản đề mà leo lên tới hợp đề.

Giai đoạn thứ nhất là chính đề: tôi nhận xét những sự kiện có thực như thế như thế. Cái có là chính đề.

Nhưng có khi những yếu tố khác hẳn trong thực tế buộc tôi cần phải tự phủ nhận phủ quyết gây ra phản đề.

Phản đề tiến tới cái “không” lập lại điều hòa với cái “có”, trong tổng hợp để xếp đặt tuần hoàn.

Xin nhấn mạnh hai điểm này:

Thứ nhất: cứ lệ thường không phải những giai đoạn nói trên để kế tiếp nhau theo thứ tự trước sau. Có cuộc xung đột, phản đề đối phó với chính đề, là tại sự dị đồng tự nhiên giữa những yếu tố mâu thuẫn trong thực tế.

Điều thứ hai trọng đại lắm: tổng hợp không phải là hỗn hợp Nhiều thứ rượu có thể hòa trộn với nhau thành “cocktail”. Còn muốn dung hòa những cái gì xung khắc với nhau có khi phải tìm đến lập trường cao hơn trước đã mới được.

Như trong truyện “Hồn bướm mơ tiên” ta thấy xảy ra hai nhân vật đóng vai chính:

Cậu Ngọc điều tra cẩn thận xong rồi mới biết chắc chắn chú tiểu Lan chẳng qua là gái.

Còn cô Lan đứng trên lập trường này từ khi mình đã dự phòng xuất gia tu hành, mình không còn kể là con gái nữa.

Mãi đến khi cả hai suy luận dưới ánh sáng siêu nhiên một học thuyết phù hợp với chân lý toàn diện hơn đó là học thuyết nhân vị – thì cả hai mới làm hòa với nhau, đồng tâm đồng ý, đồng chí với nhau.

Học thuyết đó để bổ khuyết vào chỗ thiếu trong lập trường của cậu Ngọc; phải: chú tiểu thật là con gái, nhưng nói như vậy cũng là ám chỉ đến phẩm giá của kẻ tự do tự kỷ mà làm thân con gái.

Học thuyết đó cũng để bổ khuyết vào chỗ thiếu trong lập trường của cô Lan; phải: chú tiểu thật là kẻ tự tạo thành mình tùy theo dư phòng. Nhưng nói như vậy cũng là nhìn thẳng vào thực tế: theo đuổi lý tưởng đã đành, thế mà kẻ tự do tự kỷ sống với sự kiện cụ thể: con người là tinh thần hóa thân. Tự do ở tại vị trí, trong một địa vị nhất định là xuất phát điểm cho cuộc tiến lên con đường lý tưởng.

Chỉ vì đã uốn mình đi tới trình độ ý thức toàn vẹn như vậy nên sau cùng cả hai người đồng ý với nhau, cả đồng tâm nữa bởi vì họ đã học tập cho biết yêu nhau, sao cho tôn trọng nhau...

Xin nhắc đến những điều cốt yếu trong truyện “Hồn bướm mơ tiên”:

Đến hè, một cậu sinh viên trường

Canh nông Hà Nội lên đường ra đi tìm về đến chỗ mát mẻ tịch mịch để nghỉ. Cậu ta tên Ngọc và lên tỉnh Bắc Ninh, xin lưu trú mấy hôm ở trong Chùa nơi vùng thôn quê. Sư Cự đứng đầu ở đấy, chính là bác ruột cậu Ngọc, vì thế mới tiện mọi đàng. Ai ngờ rằng cuộc đi nghỉ như vậy đã ban dịp cho Ngọc làm quen với một chú tiểu cũng đang tu đạo tại chùa đó, và Ngọc vừa có cảm tình với chú Lan kia vừa cảm thấy có một cái bí mật nơi thân chú Lan, nhất định cần phải khám phá ra cho được.

Vậy nếu đem nghiên cứu về thái độ cậu Ngọc đối với Lan ngay từ lúc mới gặp nhau về sau, ta phải công nhận một điều rất rõ ràng: trong lúc cố gắng để giải quyết mấy vấn đề rắc rối về một người bạn, cậu Ngọc xử trí đúng theo một nhà khoa học khi chịu khó tìm hiểu vạn vật.

Chắc chắn ông Khái Hưng đã không đời nào có ý tham chiếu đến chương trình triết lý lớp tú tài phần thứ hai về môn luận lý. Nhưng hễ đọc giả đọc lại cẩn thận tiểu thuyết “Hồn bướm mơ tiên” những trang đầu, hẳn sẽ công nhận rằng lập trường của các bác học đương lúc quan sát theo lối khách quan và cậu Ngọc đem áp dụng phương pháp khoa học chứng nghiệm để lần bước tới sự biết chắc chắn Lan là ai.

Những giai đoạn trong phương pháp thực nghiệm: một là quan sát, hai là đặt giả thuyết, ba là chứng nghiệm.

Quan sát cũng có ba giai đoạn này: một là thấy, hai là nhìn, ba là quan sát theo ý nghĩa khoa học của danh từ đó.

Vậy xin hãy cầm cuốn tiểu thuyết mà lần giở.

Tác giả thuật lại cuộc gặp gỡ trước tiên của cậu Ngọc với chú Lan “Bồng ở vườn sắn bên đò, một chú tiểu quần nâu áo nâu, chân đi đôi dép quai ngang sơ sài, đầu đội cái thúng đầy sắn, đương lần từng bước leo xuống con đường hẻm” (tr. 9)

Tác giả miêu tả như vậy. Nhưng chính đây là đối tượng đã xuất hiện trước mắt cậu Ngọc. Không phải tự cậu Ngọc đã dự định gặp chú tiểu đầu. « Thấy » là không chú ý, là thoáng qua, còn là tri giác nghĩa là tiếp nhận sự vật bên ngoài,

Các nhà triết học cắt nghĩa để ta biết hai việc nhìn và thấy khác nhau là làm sao (xin mời xem sách của Giáo Sư Nguyễn Văn Trung về luận lý).

Nhìn vẫn còn là tri giác, nhưng nhìn là bao hàm đã có sự chú ý.

Trước câu Ngọc thành linh trông thấy chú tiểu, nhưng rồi sau cậu có ý tứ mà nhìn.

“Ngọc liếc mắt nhìn chú tiểu, thì thấy chú tiểu vừa đi, miệng vừa lẩm râm cầu nguyện, nét mặt có vẻ mặc tưởng trầm tư...” (tr.15)

“Cây đèn dầu tây, hình búp măng, chiếu ánh lên mặt chú, trông càng xinh lắm. Ngọc ngắm chú... lại tưởng đến bức tranh người con gái... của nhà họa sĩ Uta-marō” (tr. 18)

Rồi đến giai đoạn thứ ba là quan sát. Quan sát đòi hỏi một thái độ khác thái độ tri giác. Vì mới gặp thấy hiện tượng dị thường không hiểu, nên nhà bác học bắt đầu đặt nhiều câu hỏi như “tôi muốn biết, sắt có khi dẫn ra, có chắc không? và có dẫn thật thì dẫn như thế nào? Cho

nên cần phải quan sát cẩn thận cho có quy củ và quan sát nhiều, quan sát đủ mọi phương diện.

Ngọc đi bên cạnh chủ tiểu, liếc mắt nhìn trộm nghĩ thầm: Quái lạ! Sao ở vùng quê – đúng là tự hỏi đây – lại có người đẹp trai đến thế: nước da trắng mát, tiếng nói dịu dàng trong trẻo như tiếng con gái.” (tr. 10).

Quan sát không phải chỉ nguyên là mở con mắt ra mà xem xét, nhưng còn là xoay xử đủ cách để mà biết hết... Anh Ngọc hỏi han điều tra theo lối công an đi thám thính.

Nào là căn vặn đến điều:

“Chú ở tu chùa này từ bao lâu?” (tr, 10) (hỏi lý lịch)

Chú tu ở vùng này thú nhỉ. Chú biết chữ nho? (tr.11) (hỏi về học lực)

«À quên, tôi chưa hỏi tên chủ là gì!»
(tr. 15)

Nào là nhờ vào người khác cho biết thêm:

«Quê quán chú ấy ở đâu?» (tr. 24).

Nhà bác học đã quan sát kỹ càng một hiện tượng tách riêng, đã biết chắc sự kiện là như thế, lẽ tất nhiên nhà bác học còn tự vấn về căn nguyên vì có gì mà có khi sắt dẫn ra như vậy. Do đó thấy phát sinh giả thuyết trong trí tuệ nhà bác học.

Đúng như truyện anh Ngọc: anh kia thấy chú tiểu có vẻ khác thường, tự nhiên lòng trí Ngọc đặt ra giả thuyết...

«Từ hôm nói truyện với chú tiểu ở trên gác chuông, mỗi hoài nghi của Ngọc càng tiến, luôn luôn nghĩ lúc nào cũng nhắc tới câu hỏi: “Gái hay Trai? Phải tìm ra sự bí mật này!» (tr.32).

Vậy đã nghĩ ra giả thuyết, chưa dám dự tin là đúng với sự thật, chỉ có chứng nghiệm mới có thể giải quyết vấn đề, “phải chẳng sắt có dẫn ra như vậy, là tự nhiệt độ tăng lên? Hãy thí nghiệm mà xem.»

Như vậy. sự nghĩ ra giả thuyết, việc quan sát đưa đến giai đoạn thứ ba trong phương pháp khoa học là chứng nghiệm. Cố nhiên thực nghiệm có nhiều cách thức tùy theo vật đối tượng là như thế nào. Như anh Ngọc chẳng hạn cũng phải khôn khéo dùng vụng về trong những cố gắng để đáp lại câu hỏi: gái hay trai?

“Ngọc ngờ Lan là gái, nên bịa đặt ra chuyện chiêm bao để dò la ý tứ.» (trang 30).

Phải chăng y như cuộc thí nghiệm đấy sao! Ngọc nói dối với Lan rằng: đương lúc ngủ, Ngọc mộng thấy một cô thiếu nữ, nhưng rồi sau Ngọc lại nhận thấy cô ấy nét mặt tương mạo giống hệt như chú tiểu vậy. Vì có gì mà Ngọc bịa đặt những truyện không có? – Thừa rằng, không ngoài mục đích, để xem cách phản ứng của chú tiểu. Ngọc tự nghĩ rằng: nếu chú tiểu là trai, nghe thuật lại câu truyện chiêm bao vô lý như vậy, chắc chú phải buồn cười. Nhưng kỳ thực thì trái lại, chủ tỏ ý khó chịu, lộ vẻ then thùng ngượng nghịu... Tại sao vậy?

Còn nhiều dấu hiệu khác xem ý cũng hoàn toàn tương hợp với giả thuyết; về phương diện tâm lý học có lẽ nhiều cử

chỉ, có lẽ cách ăn nói, đi đứng của chú tiểu Lan đã chứa một ý nghĩa làm cho mỗi nghi cậu Ngọc càng mạnh chắc hơn.

Ngọc thấy – chú ấy... hôm nào cũng ngủ trong buồng kho, cài then kỹ lưỡng lắm... Một tia ngờ nẩy trong trí Ngọc: Làm gì mà cẩn thận quá thế? Thôi chắc hẳn là con gái rồi!» (tr. 35)

Ngọc không những dòm dò xem cách hành vi của chú tiểu tương hợp với giả định. Ngọc còn hồi tưởng đến chính mình mà kết luận rằng: Ngọc có cảm tình với chú tiểu như thế này, chắc cũng là vì lý do gì. Lại quay về người khác để đối chiếu với chú Lan, khác nào như nhà bác học kia, khi đem so sánh sức nặng của không khí dưới chân núi và trên đỉnh núi. Hãy đọc xem tiểu thuyết:

«Ngọc ngắm chú Mộc từ chân đến

đầu, mồm mỉm cười, chú Mộc ngược mắt thấy chàng cười, chẳng hiểu chi, cũng cười, có biết đâu rằng Ngọc đang so sánh với chú Lan, một người thì quê mùa cục kịch, một người thì trắng trẻo xinh xắn! (tr.34)

Còn nhiều kế hoạch nữa do cậu Ngọc bày ra thử xem chú tiểu có đáp lại tình yêu của Ngọc không hay có đáp lại tình yêu của con gái trong xóm sao. Kể ra bao nhiêu ngón như vậy cốt để chứng nghiệm thôi.

Và với tinh thần khoa học «đáng khen» đó, Ngọc bao giờ cũng tự xét mình cẩn thận, Ngọc có óc tự phê bình, chẳng nhờ ra tự dối mình. Chẳng nhờ sai lầm vì đã vội vàng hấp tấp – như nhà bác học kia, vì bị ám ảnh với giả thuyết, nên chỉ để ý đến những sự kiện thích hợp với nó, và sao nhãng những sự kiện khác.

Thỉnh thoảng Ngọc tự trách mình rằng:

«Có lẽ trí ta tiêm nhiễm tiểu thuyết quá, nghĩ quẩn mất rồi!» (trang 34)

Đã có ý thức rõ rệt về chính mình và có tài khéo để phòng sao cho tránh được sự ảo tượng. Ngọc cũng dự đoán rằng: nếu Lan thật là gái, cô cũng phải dùng thiên phương bách kế như mình để phá những mưu mẹo của Ngọc, để làm khó cho Ngọc đương lúc chứng nghiệm...

Có một lần Ngọc cố tình nói mấy câu chủ trương rằng “đạo Phật có ý khinh bỉ cánh phụ nữ». Tự nhiên Ngọc tiên kiến rằng: chính mình là con gái thì chú tiêu giả kia phải bênh vực phái đàn bà. Nhưng không, ngày hôm ấy chú tiêu đồng ý! Lạ thật! Phải chăng Ngọc đã đặt ra giả thuyết không đúng với sự thật hay

sao? Nhưng rồi sau Ngọc suy luận thêm và chữa mình rằng.

«Ta cũng ngốc tệ! Phải, nếu hấn là gái thị hấn càng cần phải làm thế, để giấu ta chú! (tr. 32) Thực ra sinh viên đại học kia đã được huấn luyện chu đáo về phương pháp khoa học hầu nhận định được sự có thật trong chế độ thiên nhiên.

Sau khi đã thu lượm được những triệu chứng, những dấu thích hợp với giả thuyết, cuộc điều tra đưa Ngọc tới những kết quả chắc chắn...

Ôn lại các việc xảy ra, những sự mắt trông tai nghe, từ lời nói, dáng điệu, nước da cho tới những ý tứ giữ gìn khép nép, Ngọc không còn thế nào cho rằng chú tiểu xinh xắn kia là trai được nữa.» (tr. 61)

Thế nhưng Ngọc cũng sai, Ngọc chưa tìm hiểu được cái linh hồn thực của chú tiểu. Ngọc có ngờ đâu ngoài cô Lan của khoa học, còn một cô Lan nữa mà khoa học hay việc quan sát theo lối khách quan, không tài nào để tìm hiểu được.

Ngọc chưa hiểu được cô Lan, là vì Ngọc cũng chưa yêu cô Lan một cách cao thượng.

«Gặp chú Lan chàng đã đem lòng quyến luyến ngay” (tr. 22) Nhưng bao lâu Ngọc chỉ đưa con mắt một quan sát viên mà dò la, lòng Ngọc còn chứa tình yêu ích kỷ bấy lâu. Cái nhìn và cái yêu bao giờ cũng tương đối với nhau. Nhìn cho biết đối tượng, tức là nhìn theo lối ông chủ với nô lệ. Tri thức khoa học đưa ta đến chỗ chiếm cứ thế giới, chiếm cứ vì

đã hiểu, chiếm cứ vì biết cách để sử dụng những tự nhiên lực. Dem lòng trù mẫn vật đối tượng, tức là yêu cho mình (vị kỷ, chứ không vị tha), yêu như ăn cướp, yêu như phá: yêu để chiếm cứ, trái nghịch với yêu để hiến dâng, để phụng sự.

Đương lúc cậu Ngọc thăm dò tìm kiếm một cô Lan, và tưởng mình tìm ra thật, nhưng chính cô Lan hết sức ngăn cản. Rút cục là thấy cậu Ngọc hỏng việc, cuộc điều tra tuy dường như thành công rồi, nhưng kể ra cũng là thất bại. Cô Lan của Ngọc đã tìm thấy, chính cô Lan không nhận. Cô từ chối không chịu tự đồng hóa mình với cô Lan đó, lại khác nào như cô Lan đã toan dạy chứng minh cho Ngọc hay: Ngoài cô Lan đã xuất hiện trước mặt sinh viên trường Canh Nông Hà Nội, còn một cô Lan khác mà Ngọc đã không ngờ, và chính cô Lan thứ hai

đó là cô Lan thật, đương sự nhận là chính mình đó.

Lập trường của Ngọc là lập trường tự nhiên của con người đưa mắt nhìn vào các vật theo lối khách quan. Lập trường của Lan khác hẳn: Lan có ý thức hiển nhiên rõ rệt về chính mình là kẻ tự do, tự hữu để tự tạo thành mình. Lan tự hiểu mình là chủ vị.

«Một mình mình biết một mình mình hay.»

Các vật đối tượng trong ngoại giới, vật nào tính cách ấy, tùy theo chế độ tất nhiên quyết định là như thế như thế. Cái bàn này vốn dĩ là cái bàn thế thôi, cây cối chỉ nguyên là cây cối, nó mọc lên, sinh hoa kết quả là theo bản tính quyết định. Nói rằng cô Lan chẳng qua làm thân con gái, nghĩa là Lan cũng là thực thể tự nội,

vì không phải tự cô chọn lấy thân phận của mình.

Nhưng cô Lan tỏ ra là người có quyền để nói không với tất nhiên luận, có khả năng ly khai trạng thái tự nhiên, phủ quyết không chịu tự đồng hóa mình với tự nội của hiện tượng kẻ khác đã nhận định. Và hủy thể tính đó khiến cô đặt ra phản đề đối lập với chính đề:

Tôi không phải là con gái, cũng không phải là con trai, tôi là tôi, tôi là kẻ tự do, tự quyết, để chính mình tôi tự tạo thành ra mình tôi, tùy theo tôi đã dự phóng. Một mình tôi mới có thể định nghĩa sự hiện hữu của tôi và chọn lấy đường đi của tôi trên đời.

Dĩ nhiên cô Lan không phải là nhà triết học, và Khái Hưng cũng không, cho nên cuộc xung đột xảy ra giữa Lan với

Ngọc không là dịp để hai nhân vật đó phô diễn được những quan niệm rõ ràng như vậy. Nhưng ngoài triết lý trừu tượng khai triển trong những tác phẩm, trong những bài lý luận khô khan của các nhà chuyên môn, còn triết lý sống động có ngụ hoài, có hàm chứa trong những câu truyện thực tế linh động để cho người đọc dễ cảm thông. Vì thừa hiểu điều đó là đúng nên các nhà triết học tồn tại thời đại này thường hay lấy đời sống làm xuất phát điểm trong cuộc lý luận của họ.

Dù thế nào, hễ đọc giả nào vui lòng xem lại cuốn tiểu thuyết «Hồn Bướm Mơ Tiên» cũng sẽ nhận thấy thái độ của Lan hoàn toàn phủ nhận thực tế đối tượng.

Trước hết, cô ta đã cải trang. Cô ăn mặc theo lối những chú tiểu người nam: rõ ràng là y phục cô thích vận có ý nghĩa tựa hộ chữ không. Tôi không chịu nhận

tôi là con gái, tôi không chịu tự giam tù trong cũi có hạn chế của thực thể tự nội, của tình trạng tự nhiên.

Thái độ phản kháng đó, còn biểu dương một cách gián tiếp và một cách trực tiếp là trong những phản ứng tỏ lòng e dè, mắc cỡ, hổ thẹn, ngượng nghịu. Cứ lệ thường phàm thiếu nữ nào thoát nhận thấy có kẻ nhìn đến mình, để ý đến mình, là cô tỏ vẻ khó chịu bẽn lễn và có khi mặt đỏ bừng bừng là khác.

Thoạt bắt gặp Kim Trọng hôm lễ Thanh Minh:

Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa.

Vì sao nép mình, vì sao con gái thẹn thuồng?

Chỉ vì cái nhìn của người khác nhắc cô nhớ lại cô là con gái giữa lúc cô ta

dường như quên không biết mình là con gái nữa, giữa lúc cô ta chỉ biết mình là mình, ý chí tự do đã chứa trong cung thánh của ý thức. Cái nhìn của người qua lại, dạy cô cho biết mình còn thuộc về ngoại giới của khán giả, của quan sát viên. Cái nhìn cũng để báo động: cô ta lâm vào cảnh nguy hiểm: thực thể của cô, một phần chẳng qua là vật đối tượng, vật sở hữu của cô – đã đành – nhưng vật triển lãm ra ngoài, Vật tư hữu mà mất trộm, rất có thể như thế được. Của cô có lẽ sợ có người chực ăn cắp ... Và cái nhìn chòng chòng cũng có khi không khác gì vụ ăn trộm thực sự... Trộm xem, trộm nghe cũng là ăn trộm vậy, tùy người nhìn đến mình có khi không nở tâm xúc phạm đến mình bằng cách ngược đãi. Đàng khác, có khi người nào đưa mắt nhìn xem đã là xúc phạm đến người đứng đối diện. Tại sao thế? Là vì sự phán

đoán đi theo sát với cái nhìn. Con gái nào có ý thức rõ rệt có người đang nhìn đến mình có khi khó chịu vì cô tự nghĩ rằng: Nay họ cho mình chẳng qua là con gái thôi, một con gái như thế như thế... họ có biết đâu tôi chẳng phải như họ đã tưởng đấy! Các nhà tâm lý học thường hay chủ trương rằng tính e lệ để những kẻ yếu đuối hộ thân tự vệ. Nói thế cũng đúng miễn là nói thêm rằng, người có tính nhát gan không lo lắng vì sợ kẻ khác làm hại cho mình mà thôi, nhưng họ còn có ý phản đối lại với sự đoán xét chẳng nhờ thực thể của mình như bị giản lược trong ý kiến người khác hoặc trong dư luận người ta.

Cô Lan đã cải trang để cô nhất tâm nhất ý theo đuổi lý tưởng đang hấp dẫn cô hãy rảo bước trên đường cô đang đi. Hơi một tí, cô lấy làm lo, e rằng cô gặp

phải trở ngại, có kẻ ngăn cản. Thành ra chỉ một lời nói đùa, một cử chỉ cón con của Ngọc cũng là đủ nguyên nhân cho cỏ hoang mang; hơi một tí chú tiểu nao lòng rối trí, chú tiểu không kìm hãm nổi cách phản ứng như vậy và tính e lệ như con gái tự nhiên tiết lộ ra trước mặt quan sát khôn khéo là Ngọc – khiến cậu ta càng ngày càng đắm nghi.

“Thốt gặp người lạ, chú bẽn lễn, hai má bừng đỏ.» (tr 9)

Tác giả tiếp theo viết giả vờ rằng:

“Chắc vì chú tu hành ở vùng quê kệt, không trông thấy người vận tây mấy khi, nên chú sợ hãi chàng?»

Nhưng không phải đâu.

Chú tiểu tò mò nhìn lữ khách, rồi hỏi lại:

– Thưa, ông có phải là ông Ngọc không?

– Vâng, chính phải tôi là Ngọc, nhưng sao chú biết?

Chú tiểu hai má lại đỏ ửng, cúi đầu xuống...»

Vì sao hai má lại đỏ? Vì sao mỗi khi Ngọc hỏi đến những gì hệ đến chính chú tiểu, chú lấy làm ngượng nghịu, muốn đổi sang câu truyện khác. (tr. 10).

Chú lo sợ, e rằng vấn đề về chính mình, ông Ngọc lập luận lại. Thế mà chính mình cô Lan tưởng rằng vấn đề đã giải quyết xong, từ khi mình nhất định chỉ muốn biết mình là kẻ tu hành, mình là quyền tự do để theo dự phóng như ý mình đã muốn. Làm gì phải đem lại truyện cũ về mình là như thế nào? Minh

không phải như thế nào cả từ khi mình đã có ý phủ nhận những cái gì nơi thân mình không phải tự chính mình tác tạo ra...

Ngọc đang trò chuyện với chú tiểu, thấy chú biết nhiều về Ngọc, nên khen.

– Chú biết tường tận lắm, nhỉ.

Chú tiểu cười gượng:

– Ấy, cụ tôi vẫn nói chuyện đến ông luôn.

Vì sao lại cười gượng, vì sao trả lời như có ý chữa mình. Cố nhiên chú tiểu không muốn để anh Ngọc phỏng đoán rằng: chú có cảm tình với Ngọc, không hoàn toàn tự chủ lấy mình, nhưng có khi bị tình cảm lôi cuốn như người khác... Nhiều lúc cách phản ứng của chú tiểu là như thế:

«Ngọc... cười khanh khách, khiến Lan xấu hổ cảm đầu chạy thẳng.» (tr. 63)

«Lan tưởng làm thế để đánh trống lảng, nhưng ngờ đầu càng khiến Ngọc đoán chắc rằng mình là gái. Vì Ngọc nhận ra rằng hễ khi nào câu truyện đến chỗ nguy hiểm, là Lan tìm hết có nọ có kia để xa lánh.» (tr. 51).

Những cố gắng của Ngọc để khám phá ra bí mật của chú tiểu là ai cũng ban dịp để chú ấy giải bày cho tỏ rõ lập trường của chú một cách trực tiếp.

Ngọc tự hỏi hoài rằng:

«Hắn là trai hay là gái?»

Chú tiểu không đến nỗi mà nói trắng rằng:

Tôi không phải là con gái.

Nhưng ý chú tiểu muốn cấm không được phép đặt câu hỏi như vậy, nghĩa là chú tiểu chủ trương rằng nên vượt qua, vượt cao lên trên quan điểm thấp hèn của Ngọc .

Kẻ đã quyết xuất gia tu hành, thì trai cũng vậy mà gái cũng vậy, có khác chi. Vậy bây giờ giá Đức Thích già có dùng phép màu nhiệm bắt tiểu này hóa ra làm gái, cũng không có chi thay đổi kia mà.»
(tr. 2)

Đấy, đủ chứng rằng: cái Có — là chính đề — tự phủ định gây ra phản đề. Vị chú tiểu từ chối không nhận mình là thực thể với tính cách nhất định (giai hay là gái), chú tiểu lại cả quyết rằng Cái TA của con người cốt ở chỗ con người tự do tự quyết để định đoạt hẳn định mệnh của mình. Hỏi: Thế nào là chú Lan? – Ngọc trả lời: Con Gái đây, thế thôi. Còn Lan

rằng: Kẻ tu hành cơ mà, kể tự ý mình mà bước chân trên con đường nghĩa vụ để đáp lại tiếng thiên triệu.

«Tôi coi đàn ông hay đàn bà không khác nhau chút nào nữa, và ví phỏng bây giờ tôi hóa ra làm gái, tôi cũng không biết tôi là trai hay là gái, chỉ nhớ rằng, mình là một người xuất gia tu hành mà thôi.»
(tr.30)

Cô Lan mà chống chọi với những chức móc cậu Ngọc như vậy, ai lại không lấy làm khâm phục. Chính Ngọc càng ngày càng đem lòng tôn trọng người yêu, bởi vì dần dần Ngọc cũng học cho biết rằng: ngoài những điều chân lý thuộc về tri thức khách quan, còn bao nhiêu điều huyền ảo bí nhiệm nữa nhưng thuộc về nội giới, thuộc về chủ thể.

Từ khi con người hưởng thụ ý chí tự

do kèm theo với ý thức rõ rệt hiển nhiên, mà con người tự giải phóng mình ra khỏi chế độ tất nhiên của vũ trụ. Chính quyền phủ nhận đó đã ban dịp cho tinh thần bột phát.

Sở dĩ con người đáng tôn trọng, trước nhất là vì con người mới là loài thụ sinh có độc quyền để nói Không. Nhân vị sẽ xây dựng trên cơ sở đó. Vì không chịu làm nô lệ, thụ động dưới chế độ của tất nhiên luận, vì yêu cầu cho được hưởng vui quyền từ phụ trách cho mình, nên con người được suy tôn làm Nhân vị. Khởi điểm ở chỗ phải biết từ chối chế độ tất nhiên nhưng với điều kiện bất khả khuyết này: biến chứng luận cần phải đi tới chỗ giảng hòa giữa cái Có và cái Không. Đừng nói đến sự dung hòa, chiết trung: Phải tìm đến lập trường mới, hầu tổng hợp được chính đề với phản đề.

Lập trường đó hẳn là thực thể hiện hữu tồn tại.

Ta không phải để sống với một thế giới ảo tưởng, ta cũng không phải để chìm đắm trong vũ trụ vô tri vô giác của tất nhiên luận.

Chân lý toàn diện để hoài bão tất cả những yếu tố trong sự thực. và con người để xây dựng nhân vị theo lối của tinh thần hóa thân, vừa nhập thể vừa nhập thế. Tự do để kết duyên với bản tính, để giao kết với tất nhiên.

Điều nào đã nhận là thật, không lẽ nào ta lại gác bỏ (như chú tiểu kia, chẳng hạn) — miễn là ta không bao giờ lại tự hạn chế tri thức mà đứng trên một lập trường tương đối với thái độ khách quan (Ngọc có lỗi ở chỗ đó, thành ra Ngọc liễu mình phá rối cuộc đời tu hành của Lan).

Thế giới của chủ quan có thật, chứ không phải chỉ nguyên có vật thể đối tượng mà thôi. Nhưng chủ vị không phương nào mà đứng độc lập được, chủ vị phải nương tựa vào khách thể: hai thế giới, chủ với khách, phải bổ khuyết cho nhau, phối hợp với nhau cho có thực thể hiện hữu tồn tại với trạng thái cộng hữu không phân chia được.

Nhân vị được cấu thành là bởi những huyền nhiệm thuộc về chủ vị hợp nhất với những yếu tố khách quan đã mở dịp cho vấn đề con người được lập luận.

Chân lý về mọi người chúng ta tổng quát tất cả những cái gì nơi thân ta, hoặc là tự ta, hoặc không phải là tự ta.

Chính đấy là bài học mà đời và sự tình đã dạy cả cô Lan lẫn cậu Ngọc. Phần

cô ta, sau mấy bữa, có thấy bất đắc dĩ phải thú thật: «Vâng, tôi là gái, tôi biết thế nào cũng chẳng giấu nổi ông, Nhưng còn câu chuyện vì sao tôi phải cải trang, thì tôi chưa thổ lộ tâm can cùng ông được...» (tr. 83)

Đến chỗ ấy ta có thể kết luận rằng: Ngọc đã thắng hay sao? Kể ra không những Ngọc đã giải quyết vấn đề: Trai hay là gái? Ngọc còn ép được Lan phải thú thật và công nhận Lan là gái. Nhưng Lan cũng đã thắng phần nào trong lúc chống trả những mánh khéo của Ngọc, và đến lúc thành công đạt chí, Ngọc cũng đủ hiểu rằng: vấn đề trai hay là gái không cần lắm, không quan hệ đến chân lý toàn diện là mấy. Đã tìm cho ra manh mối, nhưng Ngọc cảm thấy đã tiến lại gần một bí mật khác, sâu xa hơn, huyền

ảo hơn, đáng tôn trọng: Lan có một tâm hồn trong sạch. Lan có một lẽ sống Lan giữ kín:

«Một mình mình biết, một mình mình hay.»

Sự tỉnh rõ ra môn một: Lan cũng thẳng phân nào.

Nhưng sau khi xung đột với Ngọc đã đi tới kết liễu, Lan cải chính lập trường mình cho đúng hơn, cho phù hợp với thực tế hơn.

Phải, mình là mình, tự do, tự quyết, nhưng quyền tự do đó ở tại vị trí: thể xác ở trong hoàn cảnh, nay đây mai đó, mới là trụ sở cần thiết cho quyền tự do có thật, cho cái Ta có nơi. Nhân vị là thế: tinh thần tại chỗ, nay đang ở đây — tinh thần hóa thân.

Lúc này đã đem đối chiếu hai cô Lan, cô Lan của thanh niên bỗng bột đã tìm thấy, và một cô Lan khác, tức cô Lan của lý tưởng. Nay ta có thể chủ trương rằng cả hai cô Lan đã không một người nào có tính cách là thực thể. Chỉ một cô Lan (người thứ ba) có thật và hiện hữu bột phát với tất cả những điều kiện cho đầy đủ, với tất cả những nhu cầu cho thực thể thực tại. Cô Lan đó được hiểu phần nào sau khi biện chứng luận đi tới tổng hợp. Lúc bấy giờ cái Có cái Không mới hiệp định dưới ánh sáng rục rỡ của thực thể hiện hữu tồn tại.

Ngọc đã bắt ép cô Lan phải hồi tưởng đến thực tế ngô hầu lý tưởng phù hợp với thực tế, nhưng Lan cũng đã dần dần nhắc tâm hồn cậu Ngọc lên cao. Nơi lương tâm của Ngọc, cô đã kêu gọi được những chí hướng quảng đại cho thích

nghi với tôn chỉ quân tử. Ngọc đã tiếp chịu giới luật của nội giới, Lan đã học cho biết để ngoại sát nhập vào nội giới. Cả hai có thể hiểu nhau được, có thể gặp nhau trên lập trường chung, lập trường nhân vị.

BIỆN CHỨNG LUẬN CỦA ÁI TÌNH

Ngọc đã nhắc cô Lan nhớ lại cô có thể xác, có bản tính, không phải cô là tinh thần thuần chất, ngoài thực thể vị kỷ, còn thực thể vị tha (xin hiểu chữ vị đây theo nghĩa triết lý, chứ không phải ý nghĩa của luân lý học), Lan sống theo bề trong, nhưng Lan còn sống theo bề ngoài — dù muốn hoặc không muốn, điều đó không thể tránh được. Cô là phần tử trong một thế giới cụ thể — và thế giới thực tại đó có ái tình đóng vai trò trọng

đại, mặc dầu khi trước «chú cho là một sự nhỏ nhen» (tr. 86)

Thành ra nhằm lúc Ngọc như phát giác cho Lan biết Lan là con gái, Ngọc cũng khêu gợi được tình yêu trong lòng đa cảm của cô. Cô Lan phải thú thật có yêu cậu Ngọc. Thế mà không phải cô Lan để phụ đức đâu ... Kết cục là cả hai người Ngọc với Lan đi tới chỗ chấp nhận một mối tình yêu cao thượng khả dĩ dung hòa với chí cương quyết phụng sự lý tưởng.

Kỳ thực ra có biện chứng luận đưa tới chân lý toàn diện, ép ta nhận con người là nhân vị. Nhưng tình yêu có khi cũng biến chuyển và tăng tiến theo quá trình của một biện chứng luận như vậy.

Lúc đầu hết, Ngọc yêu Lan theo lối thanh niên, bông bột, yêu để chiếm cứ, yêu để ăn cướp – yêu để lấy — và tình

yêu đó chẳng qua là tình yêu ích kỷ thôi, nó khiến Ngọc xúc phạm đến quyền lợi của Lan. Vì bị áp bức, cưỡng bách, thành ra Lan không thể giữ được bí mật. Vậy Ngọc đã lấy quyền gì mà nỡ tâm phá hạnh phúc của chú tiểu. Có nhà phê bình tỏ ý bênh câu Ngọc rằng: chàng yêu để mà yêu chứ không dám mong mỗi chi chi . . . Nhưng không chắc cô Lan bao giờ cũng đồng ý: một đôi khi cô khùng khiếp vì tình yêu bạo động tiết lộ ra ngoài tưởng mạo và cách cư xử của Ngọc.

«Lan liếc mắt nhìn nét mặt Ngọc dữ tợn lắm.» (tr. 81)

«Chàng liền như điên cuồng, nắm lấy tay Lan...Không biết sao mình lúc ấy hung tợn đến thế.» (tr. 86)

Nhưng Ngọc cũng là một trang thanh niên có giáo dục, giàu lòng vinh

dự, cho nên cậu cũng biết hối hận. Từ khi đã hiểu được lòng cô Lan, cậu không muốn làm khổ tâm cho cô nữa, cậu tôn trọng quyền tự do của kẻ tu hành, không dám ngăn ngừa cho cô khỏi đáp lại tiếng gọi của lý tưởng, nên Ngọc ép mình mà hứa hẹn.

«Ni cô chả nên nghĩ ngợi. Ni cô nên coi tôi là người bạn thành thực có thể vì Ni cô hy sinh hết mọi sự, cho đến cả hạnh phúc của tôi, cho đến cả tấm ái tình của tôi, tấm ái tình có lẽ tuyệt vọng của tôi.» (trang 48)

Cậu nói như vậy chắc hẳn vì lúc bấy giờ cậu tin chắc. Ái tình với lý tưởng tôn giáo của cô Lan mâu thuẫn với nhau: tôn giáo có thắng, là ái tình phải rút lui. Chỉ vì đã suy luận như vậy nên trong một thời gian cả hai người tưởng bất đắc dĩ là phải vĩnh biệt – phải cố quên. Than ôi!

Quên làm sao được.

“Tôi vẫn cố quên, nhưng nào có quên được.» (trang 97)

«Tôi nhớ, tôi tưởng như mọi sự kia mới xảy ra hôm qua, nào phải chẳng tôi sống trong cảnh mộng.» (tr. 99)

“Trong một thời gian Lan phải sống trong một tình trạng gay go: một bên là tình yêu một bên là tôn giáo lôi đi kéo lại, khiến cho Lan tưởng như không còn có lối thoát.» (Nguyễn duy Diễm).

Mãi đến khi cả hai người, Lan với Ngọc đi đến chỗ dàn xếp được cuộc xung đột giữa ái tình với lý tưởng, bằng cách lý tưởng hóa ái tình – nâng ái tình lên bậc tuyệt cao.

Tình yêu của Ngọc và Lan, nếu vốn dĩ là tình yêu thông thường, thường tình

của người đời, ắt hẳn ái tình như vậy bao giờ cũng mâu thuẫn với lý tưởng của cô Lan. Không phương nào để chiết trung cả hai Nếu cứ muốn dung hòa, có lẽ sợ giải pháp như vậy không thể đứng vững.

“Tin vào sự dung hòa đó chỉ là ảo tưởng”. (Nguyễn duy Diễn) Nhưng trái lại có khi Tổng hợp của biện chứng pháp để thống nhất được mâu thuẫn. Tại sao thế? Vì tác dụng của biện chứng pháp để thiết lập ra một chế độ siêu phàm. Có khi hai bên phản đối lại với nhau, vì cả hai đứng trên những lập trường khác nhau... cho đến khi cả hai vui lòng đứng trên một lập trường cao hơn, thì đối phương lại có thể gặp nhau được.

Từ khi tâm hồn Ngọc dần dần được nâng cao lên và tình yêu của cậu đạt tới trình độ cao thượng hơn, từ khi Ngọc đủ lòng đại độ, đủ nghị lực tinh thần để ép

minh mà trân trọng người yêu... lẽ nào mà ái tình không được bảo tồn. Ái tình cao siêu như vậy cũng là một giá trị bất hủ bất diệt của tinh thần. Ngọc nói rằng:

«Tôi thề với Lan rằng: suốt một đời tôi, sẽ chân thành thờ ở trong tâm trí cái linh hồn dịu dàng của Lan.» (tr. 103)

«Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng.» (tr. 101).

Tình yêu cao thượng, nồng nàn thấm thiết không kém gì tình yêu thông thường, nhưng có tính cách quảng đại hơn. Yêu như thế không phải để ăn cướp nhưng để hiến dâng, để phụng sự. Sở dĩ Lan với Ngọc kết nghĩa theo lối ấy, là hai người đã cùng nhau mà vượt cao đến trình độ sinh hoạt tâm thường mà tiến lên tới trình độ sinh hoạt của nhân vị.

Tình yêu nhân vị khác hẳn ái tình điên cuồng của những kẻ chiều theo bản năng, thoái thượng quyền tự do mà quy thuận chế độ tất nhiên của vũ trụ tự nội. Tình yêu đó để ràng buộc những tâm hồn của hai người tự do không phải làm nô lệ tình mê. Tình yêu đó để gây ra mối tương quan chặt chẽ giữa hai người đã tự suy tôn mình lên bậc chủ (tức là bậc chủ vị). Tình yêu đó cũng có tính cách thanh bình vì hai người đã biết tự trị lấy mình chứ không để tính mê lôi cuốn. Tình yêu đó còn có tính cách thực tế vì cả hai người thấu hiểu tâm can của nhau để sống với thực tế chứ không sống trong giấc mộng của lý tưởng suông hoặc giấc mộng của dục vọng. Tình yêu đó rất mực tương hợp với chân lý toàn diện. Phải, Lan làm thân con gái, nhưng đang ở trong địa vị như vậy, cô sẽ hưởng ứng thiên triệu để xây dựng cuộc tương lai của mình. Ngọc là

một trang thanh niên, nhưng cũng đã tới trình độ đạo đức của bậc quân tử. Tình yêu của hai người không có phần giả dối cả. Ngọc yêu Lan, như thanh niên yêu thiếu nữ, và Lan lấy tư cách là con gái mà đem lòng quyến luyến cậu Ngọc. Tình yêu đó hoàn toàn trong sạch, vì cả hai người đủ chí khí để tự thắng mình, để yêu nhau trong vinh dự, tôn trọng nhau, tự trọng mình.

Lẽ tất nhiên, đạt tới trình độ tình yêu cao siêu như vậy không phải dễ đâu. Nhưng ai bảo đời sống nhân vị là dễ. Công trạng của ông Khái Hưng cốt ở chỗ ông có thuật lại câu chuyện hai người không phải là bậc thánh hiền, khác thường: cả hai cũng yếu đuối như người khác, nhưng cả hai nỗ lực phấn tâm để chinh phục nhân vị.

Tôn chỉ nhân vị không phải như mấy chủ nghĩa khác. Học về nhân vị theo lý thuyết không chắc có lợi bằng học hành trong học hiệu của đời.

Chân lý về con người, về nhân vị, chân lý tuyệt đối, ta không thể dùng một khí cụ tâm thường kém cỏi là ngôn ngữ để có thể truyền giải, thuyết minh. Cũng không thể dùng trí thức để quan niệm nhân vị. Chỉ có thể suy luận về đời sống cụ thể của mình hay của kẻ khác để mà thu lượm những kinh nghiệm đã chứa những điều chân lý.

Kết luận

Một cách ngôn luôn luôn được trưng lên trong lời nói rằng «Người bốn bể đều anh em.»

Có lẽ đại đa số những kẻ trích câu

như vậy hiểu nhầm rằng: tình nghĩa anh em giữa toàn thể phần tử trong nhân loại nó bởi bản tính chung mà phát sinh, nó đi sát theo với bản tính phổ quát. Sở dĩ người bốn bể đều anh em, là vì tất cả cũng đồng loại, giống nhau theo bản thể.

Thực ra kinh nghiệm trăm năm trong cõi người ta không đưa tới những nhận xét lạc quan về tình nghĩa anh em bởi bản thân phổ quát mà ra ... Bản tính đâu có phải là cơ sở để xây dựng hòa bình giữa nhận quần xã hội đâu!...

Nhưng nếu ta tò mò suy bản tâm nguyên mà trưng lên cả bản văn ta thấy Thiên Luận Ngũ chương XII đoạn 5 có chép như sau:

Ông Tư Mã Ngưu lo rầu than rằng: Người ta đều có anh em, chỉ có một mình tôi thì không.

Ông Tử Hạ khuyên rằng:

«Quân tử kinh nhi và thất, dĩ nhân cung nhi hữu lễ.

Tứ hải chi nội huynh đệ dã. Quân tử hoạn hồ huynh đệ dã.»

Nghĩa là hễ người nào cảm thấy mình thân cô thế độc trên đời, không phải tình trạng như vậy chỉ vì cảnh huống mà thôi. Và hễ người nào trái lại nghiệm thấy mình hưởng vui tình nghĩa anh em với mọi người, không phải như thế chỉ vì anh em đã có sẵn đây quây quần chung quanh mình.

Đúng đờn độc hay không, là tự con người cả.

Về phần chính mình hãy tận tâm kiên hằng làm hết việc bổn phận, lúc nào cũng thành kính tự tu. Đối với người thì

giữ khiêm cung và xử hợp lễ. Do đó tự nhiên sẽ thấy người ta trong bốn bề đều là anh em với mình.

Xin mượn câu truyện đó để kết luận bài thuyết trình về nhân vị qua tiểu thuyết «Hồn bướm mơ tiên».

Muốn tìm hiểu nhân vị, không nên giữ tĩnh thái quan điểm như khi hỏi về nhân tính phổ quát, nhưng nên giữ động thái quan điểm hơn. Không cần suy tâm tài liệu mà tham khảo theo lối học vấn — bằng chính mình cần phải tự tu, tự xét lòng mình hầu cải thiện được cách đối đãi kẻ khác.

Đã hay rằng ai làm người trong cõi trần gian này cũng có nhân vị sẵn rồi. Nhưng đã lý hội như vậy (theo nguyên tắc), phỏng có ích lợi gì. Đến giờ thực hành tôn chỉ, ta thấy lý thuyết bất lực,

không mang kết quả gì đáng kể. Truyền bá chủ nghĩa nhân vị không cần thiết bằng gây ra phong trào đời sống mới cho đúng tôn chỉ nhân vị. Vậy một điều kiện cần thiết ta mới hòng trong một phong trào đời sống mới theo tôn chỉ nhân vị được gây lên và mang những kết quả mỹ mãn, mọi người chúng ta phải có ý thức rõ rệt về trách nhiệm của chính mình.

Có người hỏi:

Người đầy tớ giúp việc trong nhà tôi có nhân vị thế nào? Nhân vị tôi không tìm đâu mà ra.

Xin trả lời: Đầy tớ của ông – và cả ông nữa thấy có nhân vị hay không là tùy ý ông là tự ông muốn hay không.

Nếu chỉ cần biết những điều nhân tiên – như khi Ngọc mới làm quen với chú tiểu – ông chỉ có thể đánh giá người

đây tớ ấy tùy theo lợi hại mà hấn đem lại cho ông. Nó nấu cơm ngon hay là cơm khê, khi đi chợ nó ăn bớt ăn gian, hay là giữ phép lương tâm. Như thế mới chỉ là đứng trên lập trường người phán đoán theo lối khách quan. Đây tớ chẳng qua là đây tớ thôi, và ông cũng chỉ là chủ thôi.

Nhân vị thuộc về địa hạt của lòng tin và tình yêu. Phải đem lòng thương người như mình, mới có thể hiểu nhân vị.

Nhưng muốn yêu người khác như mình, trước hết phải hiểu người khác theo lối của mình tự hiểu chính mình: qua hình thức bề ngoài — tùy theo chức vụ, chức nghiệp, thân phận, tài giỏi và tất cả những giá trị có thể đo lường được — phải nhìn nhận phần thiêng liêng và huyền nhiệm: phải tin ở con người không phải chỉ có như thế như ta đã quan sát được.

Phải có lòng yêu người — và yêu người chỉ vì yêu đời — và tận tâm tăng gia phẩm giá nhân sinh,

Hãy tự tu chính mình, đối với người ta giữ lễ đạo cung kính và lấy chữ lễ làm tiêu chuẩn. Lòng tin như vậy, tình yêu như vậy không những để dẫn đường chỉ lối cho ta nhìn nhận được phẩm giá của con người, nhưng chính mình cũng được suy tôn làm nhân vị nhân thế. Với lòng tin và một ít tình yêu có khi qua sự đau khổ – mà ta có thể – sung sướng khám phá một thế giới siêu nhiên có thực. Còn nhiệm vụ của triết gia chỉ có thể này:

Dem lời phương tiên, mở đường hiếu sinh.

ĐỖ MINH VỌNG (R.P. Cras)



18. NHỮNG BỨC THƯ GỬI VỀ HẬU PHƯƠNG CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH

TRONG thời gian gần đây, tôi hay viết về quân đội, về những khía cạnh của khuôn mặt đẫm mồ hôi, bụi và bùn của người lính bộ binh. Nhưng đã

nhiều lần, dù đã nỗ lực khai thác tất cả khả năng của ngòi bút, đã sử dụng tốt cả những kỹ thuật viết văn thông dụng, tôi vẫn thấy bất lực, không thể diễn tả được tính cách sống động, hào hùng và bi thảm của cuộc chiến tranh đang tiếp diễn bên ngoài các cửa ô các đô thị.

Tôi bất lực như thế nên khi tình cờ được đọc một tập thư của một sinh viên tại ngũ gửi về cho vợ ở hậu phương, tôi thấy có lẽ tôi không nên làm gì hơn là mang những dòng chữ của người lính chiến ấy tới người đọc. Tôi mong rằng người đọc đừng nên quan niệm những dòng chữ dưới đây là truyện dài truyện ngắn, hồi ký tự sự, tùy bút tạp bút... bởi vì chúng không phải là tất cả những thứ ấy, bởi vì chúng đích thực ra là con người trong cuộc chiến tranh này.

Thế Uyên trình bày

9 giờ đêm 19 tháng 7, 196...

Đến lúc viết những dòng chữ này, anh đã bắt đầu tham dự cuộc chiến. Chắc em tưởng giờ này anh còn đang ở thị trấn, ngồi trong một quán rượu nào đó uống bia và tán chiêu đái viên. Lần này em đoán sai rồi. Anh tìm đến trung đoàn lúc 11 giờ sáng sau hai lần đổi xe. Tiện có xe GMC của tiểu đoàn về liên lạc, anh theo về tiểu đoàn bộ đóng cách thị trấn 6 km trên quốc lộ đi Ban Mê Thuột. Ba giờ chiều chúa nhật anh tới chợ Bưng thấy thiên hạ đang khuân đồ, có lệnh đi chiến dịch nào đó. Nhưng lệnh hành quân hủy bỏ trước khi anh tới 1 giờ. Cũng may. Nếu không, chắc anh phải xách túi quân trang lang thang đi tìm đơn vị trong một khu rừng kế cận.

Anh mới đến buổi chiều, mệt đừ nên xin ngủ lại đồn một đêm. Tiểu đoàn trưởng vừa OK thì tụi cộng cho mấy trái súng cối vào chợ ngoài đồn. Anh cùng thằng bạn ở PC tiểu đoàn xách súng chạy ra. Lúc đó trời gần tối. Cộng tấn công quấy rối nhưng đêm đó anh được nằm ghế bố và ngủ kỹ vì biết rằng còn lâu mới được ngủ như thế. Ngày mai anh sẽ tạm thời nhận một trung đội — trong khi chờ đợi có chuyến trực thăng chở tới đơn vị bổ nhiệm thực sự của anh đóng cách đây 10 km giữa vùng Việt Cộng. Do đó chắc anh còn ở nơi này độ 10 ngày nữa. Dù sao em cũng phải qua một thời kỳ hết sức khó khăn vì còn lâu, chắc một tháng nữa anh mới được về phép 48 giờ. Và em thì không thể nào tới thăm anh được vì chỉ nơi tiểu đoàn bộ đóng là em có thể tới được dễ dàng. Nhưng anh đâu có được ở lại tiểu đoàn bộ như em đã

biết. Phi cơ vừa tới, đang tìm liên lạc với đồn. Ổn như cái chợ, du kích bắn lên lẻ tẻ nhưng việc đánh nhau chưa phải việc anh lúc này nên vẫn ngồi viết thư cho em. Sao Cộng ở đây lắm thế. Đông bằng quân bên mình.

Tuần tới anh sẽ thử xin cái phép 24 giờ về Sài Gòn cho em biết rõ đơn vị anh phục vụ. Nhưng không chắc là sẽ được. Ở đây không có cái gì là chắc hết. Từ giờ trở đi, khi nào anh về được thì về. Em đừng mong và anh cũng không thể hẹn trước.

Anh rất buồn phải để em lại Sài Gòn trong hoàn cảnh khó khăn. Em cố thu xếp làm sao cho dễ chịu nhất thì làm. Khi nào quá mệt mỏi, em hãy nhớ anh đang phải đương đầu với một vấn đề khó khăn hết sức: Làm sao sống qua được cuộc chiến. Em nói hộ với cụ ông là anh

rất tiếc không lo được cho em và bé Dư như đã hứa. Bởi vì dù sao, anh không phải là người tạo ra chiến tranh này.

* * *

21 tháng 7, 196..

Sáng nay chưa kịp ngó kỹ trung đội, đã phải mở đường. Anh chỉ kịp nhớ tên họ tiểu đội trưởng, nhậ bản đồ, là mang quân đi liền. Cộng ở đây nhiều như cỏ. Chúng bám sát từng bước đi. Có một khoảng đường 10 cs, đơn vị anh phải thanh toán 6 cái ụ. Các xe đi BMT ngày hôm nay phải trở về tất cả. Trung đội anh có 16 người. Nghĩ lại hồi ở quân trường, huấn luyện viên dạy một trung đội có 36 tên mà ngạc nhiên.

Cũng như thường lệ, địch bắn lẻ tẻ không ai buồn giạt mình ở xứ này, đại

đội anh không đêm nào không xuất quân ít nhất một lần. Cứ lâu lâu tịch một đứa, cộng với thuyền chuyển, dần mòn trung đội còn chẳng được bao nhiêu. Đại đội trưởng của anh khá dốt nên anh cũng đỡ vất vả. Dịch xuất hiện độ 10 tên là hẳn nhất định cho dừng quân bố trí rồi cho chắc ăn.

Ngày rất dài vì không bao giờ được ngồi đầu yên lành. Cộng bao quanh như cái lưới. Ngay bây giờ ngồi trong quán cà phê ngay trước đồn, Cộng bất cứ lúc nào cũng có thể tương vào một quả lựu đạn. Bởi thế súng anh bao giờ cũng gác bên. Sư đoàn này mệt mỏi lắm rồi. Lính đánh nhau như máy. Thường thường chỉ còn những hành động tự vệ. Thiên hạ Saigon đâu có biết tới tình trạng này. Đêm qua anh ngủ cùng một tiểu đội gồm cả anh là bảy người. Đóng ngoài đồn nên phải lo

giữ làm sao khỏi bị lựu đạn ném vào đầu trong lúc ngủ. Nằm ngoài hàng hiên tối một nhà dân, anh nghe tiếng máy phát thanh trong nhà vắng ra. Đúng một bản nhạc xưa anh thích và đã có lần được nghe lúc di qua sân trường đại học tối đen vắng lặng cùng em. Anh nằm nghe, nghe hoài cho tới khi hết chương trình phát thanh cũng chưa ngủ. Sau đó về sáng thức giấc hai lần. Đó là đêm yên tĩnh. Tối nay, tới phiên trung đội anh đi kích, chắc không được ngủ như thế.

Càng ngày anh càng bị quan tâm về kết cục của chiến tranh này. Trừ phi có một cách mạng thực sự, còn nếu không, chúng ta sẽ đi dần lại vực thẳm. Không biết mọi sự rồi sẽ ra sao. Ngày, và cả đêm ở đây rất dài. Với những ngày đêm như thế, chóng thấy xa em lâu. Em đừng ngạc nhiên giả thú tuần sau được về, gặp

em, anh ôm em như đã xa nhau từ bao năm tháng. Mà quả thực, với chiến cuộc 24/24 giờ này, một ngày là một tháng xa cách. Những kẻ ở nhà không thể hiểu thế nào là chiến tranh. Nếu có hiểu, chỉ hiểu như một ý niệm trừu tượng. Bạn bè thành phố sẽ ngạc nhiên là dù có nhiều thì giờ với những lúc dừng quân, anh vẫn không thể học tiếp. Không học được không phải vị trí óc kém sáng suốt mà tại vì thấy việc học không có quan trọng gì hết. Còn có gì quan trọng khi năm phút sau, có thể bị đạn bay xuyên đầu. Vấn đề là như thế.

Anh đi, đã em ở nhà trong tình trạng rắc rối, anh rất buồn. Nhưng anh không biết làm sao hơn. Em nên tiếp tục cố gắng, lúc nào chán nản, cố nhớ tới anh ở miền xa, nằm bờ ruộng, xó rừng, thêm đất, ôm súng thay cho ôm em. Anh sẽ

cổ viết thư nhiều cho em, dù đôi lúc anh chẳng muốn làm gì khác hơn là nằm dài đọc truyện. Bây giờ lúc nào trong ngực do anh cũng có một xấp bản đồ, một quyển truyện và một tờ giấy trắng để viết thư. Hôn em nhiều, thật nhiều.

* * *

23 tháng 7, 19 ...

Trước khi đi ngày, anh phải lấy lịch ra coi. Mới xa em có năm ngày, đã tưởng như lâu lắm rồi. Bây giờ anh đã quen với lối sống mới: ngày đi, đêm cũng đi, được lúc nào hay lúc đó, kệ ngày tháng trôi dần tới đâu thì tới. Đêm qua dẫn lính đi tới mười giờ đêm mới đến chỗ đóng quân, cả bọn kéo vào một căn nhà cửa mở. Anh treo võng nằm, sắp thiu thiu, đột nhiên nghe thúc tiếng ụt ịt. Bật đèn pin, thấy hai chú lợn tới cạnh nằm cùng...

Mỗi đêm, anh treo võng một nơi, đúng như câu thơ cổ: Đêm trăng này nghỉ mát phương nào.

Anh đang ngồi viết thư cho em tại một nhà cạnh đường đi cách thị trấn B ba cây số. Kiểm điểm lại tâm hồn, không thấy gì hơn là thờ ơ lãnh đạm. Hồi còn ở quân trường anh trù tính khi ra sư đoàn, sẽ tổ chức, huấn luyện nọ kia cho đơn vị khá. Nhưng đến xứ này, anh không muốn làm gì hơn là để đêm theo nhau qua. Và có muốn làm cái gì, cũng không được đồng ý của thượng cấp. Hơn nữa, lính đã chai lì ra rồi.

Nếu chúng ta thua trận, thua tù đầy mà ra.

* * *

(thiếu trang 100, 101)

kiếm xác không ra vì trời vụt đổ mưa tầm tã, lại có tin địch có thể đánh lớn vào tiểu đoàn nên phải rút lui gấp. Sáng nay trở qua chỗ cũ, thấy một vũng máu lớn. Chắc tên đó chết và được đồng bọn mang xác đi. Tổng cộng ba 3 đêm chạm súng, trung đội anh bắn bị thương và chết ba du kích, kèm vào đó, một thương dân bị lạc đạn gãy chân.

Đại đội anh quá ít quân, lại phải giữ một khoảng quốc lộ quá dài. Kéo lên đầu này, địch đập ụ đầu kia. Đôi khi, như đêm qua, bọn anh thắng, nghĩa tụi nó không chôn nổi một quả mìn hay đập nổi một ụ nào. Mỗi sáng 5 giờ thấy xe lưu thông lên xuống, bọn anh thở phào. Cứ tưởng đi sư đoàn là tác chiến chính qui, đi đâu đi cả đơn vị, ai ngờ cứ 15 tên với nhau lò dò trong đêm đánh du kích với Cộng hoà. Toàn phục kích và phản phục kích. Đôi

khi kiêm cả nghề thổ công binh, dùng mìn phá ụ. Cũng may tới giờ chưa bị đánh lớn. Nhưng theo anh dự đoán, thế nào tụi cộng cũng mang chủ lực quân ra đập bọn anh trong vòng hai tuần tới. Em đợi coi xem anh đoán có đúng không.

Mở lịch ra coi, mới biết hôm nay thứ bảy. Ở đây chẳng ai biết thế nào là ngày nghỉ, thứ bảy hay chủ nhật. Hôn em.

* * *

Chiều 26 tháng 7.

Đêm qua yên tĩnh làm anh ngạc nhiên khi ngủ dậy. Từ hôm nhận trung đội, thường thường sáng nào cũng dậy từ 5 giờ để di chuyển. Đúng là gỏi đất nằm sương, thức khuya dậy sớm. Buổi sáng nay rút về đóng một căn nhà gần đồn, anh căng võng nằm ngái ngủ đợi sáng

và nhất là đợi quán cà phê mở cửa. Khi ánh đèn măng-xông sáng xanh xuất hiện anh tới liền. Một ly cà phê sữa nóng và vài cái bánh tiu ăn vào lúc mặt trời chưa mọc này ngon khác thường. Mặt trời đã lên cao, chưa có lệnh tiểu đoàn, anh đã tưởng có một ngày nhàn. Nhưng 8 giờ, thiết giáp kéo lên và tiểu đoàn cho lệnh lĩnh bốn ngày gạo đi hành quân. Nửa giờ sau lên đường, thật gọn và giản dị. Anh chẳng phải sửa soạn gì cả. Cuốn Exodus anh đã bỏ sẵn trong túi đeo lưng từ chiều qua.

Đến điểm đóng quân đầu, đại đội anh được trao nhiệm vụ dễ chịu, là phối hợp với thiết giáp bảo vệ canh sườn cho bộ chỉ huy chiến đoàn. Một binh sĩ quân dịch mua được của dân một con két màu xanh, cho đậu trên vai. Anh cũng muốn mua cho bé Dư một con như thế nhưng

chẳng biết làm sao gửi về. Hình như anh chưa bao giờ mua quà cho con và trước sau chỉ bế nó đi chơi một lần. Và cũng đã lâu anh chưa mua quà cho em. Anh thường hay mua quà cho mọi người, còn đối với em, hình như anh thấy hai đứa là một nên ít khi nghĩ tới mua cho em. Và lại từ ngày lấy nhau, bọn mình hay xa nhau quá, nên mỗi khi gặp lại, đã có nhiều thứ hấp dẫn vô cùng để mê man rồi, khỏi cần quà gì khác.

Giờ này em đang làm gì? Nếu em đang ngồi nhà với bé Dư thì không sao, nhưng nếu em đang ngồi trưng bày ở Givral, chắc anh không vui chút nào. Từ hôm rời Saigon, đi suốt ngày đêm, lo đánh đập nên anh không thấy thèm đàn bà nhưng đó là một công việc khá thú vị. Em đừng vội kêu thất thanh là anh bê bối. Cảm thấy như thế là truyện bình

thường cho một người đàn ông khỏe mạnh trung bình. Chắc em không chịu nhận ý kiến của anh rồi.

Trời mưa hoài từ trưa. Ngày tháng theo nhau qua.

Sáng 27 tháng 7

Đêm qua rút ra rừng cao su. Tuy trống trải nhưng có thiết giáp ngay sau lưng nên anh yên tâm leo lên võng nằm ôm súng nghe mưa rơi trên poncho, hút thuốc lá. Khuya, mưa tạnh, trăng bắt đầu lên, cỏ ướt nước sáng lấp lánh, anh thấy buồn. Buồn là tại buồn, không thể phân loại được và cũng không thể tìm nguyên do.

Em đã về thăm mẹ chưa? Cho mẹ biết qua loa tin tức về anh và khuyên mẹ

cứ yên tâm. Còn anh, ngập tận cổ trong chiến cuộc, anh chỉ còn thích và chỉ có thể viết thư cho em mà thôi.

Buổi chiều,

Ngủ trưa dậy, trời nóng, ngán ngơ ngồi trên thêm một nhà hút thuốc. Đi vào xứ này, như đi vào vùng địch. Dân chúng do Cộng kiểm soát khá nhiều, những ánh mắt ác cảm hoặc sợ sệt.

Ngồi đây, nghĩ lại hơn một tuần trước, còn dắt tay em lang thang đêm khuya hè phố Saigon, anh thấy là lạ. Bây giờ đối diện thường trực với cái chết, anh khám phá ra một điều: không có thân phận con người, chỉ có thân phận từng người và từng ngày. Anh cũng khám phá ra một điều thú nhì cũ như trái đất; được

trở về với em, nhàn tản uống một ly cà phê không sợ có một nòng súng nào đang theo dõi mình trong bụi, không sợ bị phóng lựu bất tử, là hạnh phúc.

Ngày 30 tháng 7

Trở về Bưng tối qua, sáng nay mới biết em lên thăm anh vào buổi sáng đơn vị anh đi hành quân, Bọn mình thật không may. Em không gặp được anh hôm đó, chắc còn lâu mới lại có dịp vì đại đội anh sắp đi giữ đồn xa, giao thông khó, tiếp tế trực thăng một tháng một lần. Hiện tiểu đoàn đang xin phương tiện, có là đi liền, có thể là ngày mai, có thể là ngày kia. Chậm nhất là nội tuần này thôi.

Anh chàng linh mua được con kết trong khi hành quân có hứa sẽ biểu anh mang về làm quà cho chú Dư khi nào anh được về phép. Nhưng con kết sáng

nay chết rồi vì không chịu được vất vả trong cuộc rút quân cấp tốc ngày hôm qua. Chúng ta đã thua trong cuộc hành quân này.

Thế Uyên

19. LỄ VẬT GIỖ MẸ

hôm nay anh ngồi một mình
hai bàn tay khô không cầm gì hết
và chung quanh
cuộc đời là khí giới của anh
chúng sẽ trao vinh dự
cho từng người
đó không phải là chuyện buồn
Hân ơi Hân, em về đi quét bàn thờ cho
mẹ

không ai chết lúc này

nhất là chúng ta

hôm nay anh ngồi một mình

căn phòng thuê chật hẹp

mụ chủ nhà

ngồi nguyên rủa chúng ta

khốn nạn

tiền giặt tiền cơm tiền điện

bọn chúng bày chong trên hơi thở của
tao

đó không phải là chuyện buồn

Hân ơi, Hân, em hãy về đi thắp hương
cho mẹ

không ai chết lúc này
nhất là chúng ta

hôm nay anh ngồi một mình
con ruồi bay qua lông mày ẩm nước
căn phần của người
thu lượm hôm nay
không tròn cỏ xanh không mờ khói bạc
tình yêu thương
là hầm trú ẩn cá nhân
đó không phải là chuyện buồn
Hân ơi Hân, em hãy về đi chấp tay hầu
mẹ
không ai chết lúc này

nhất là chúng ta

hôm nay anh ngồi một mình

vùng trí khôn suy tưởng

ôi tương lai

bãi nước bọt chân tường

anh vừa nhỏ

Hân ơi Hân có nhớ

rằm tháng tư

hơi thở cuối mẹ chúng mình bỏ lại

sợi giây treo kỷ niệm buồn phiền

chúng ta lần trốn

bằng sự tình cờ nhận nhịp chung quanh

Hân, Hân ơi

Bây giờ em đã lớn
có nhớ gì không?
Hết hè này em vào đại học
Sự thừa thãi bề ngoài
Có bảo vệ chúng ta?

Hôm nay anh ngồi một mình
triệu đèn treo triệu cờ bay trước mặt
Anh thèm nói
Ai được chết lúc này
có phải chúng ta?

Luân Hoán

20. CHUYỆN BẠN BÈ

bây giờ là mùa xuân
lá xanh và trái ngọt
tao thân phận chim rừng
đậu trên cành ca hát
bài ca buồn quê hương
bài ca buồn đất mẹ
mày ở dưới lắng nghe
dáng mày khổ vô cùng
khuôn mặt mù mắt lệ

tóc mày dài vô cùng
tao thương mày đáo để
mày nghĩ gì không mày?
quê hương còn chinh chiến
mày nghĩ gì không mày?
niềm vui này tan biến

nước mắt chảy thành dòng
mồ hôi và máu đỏ
thấm vào tận trong lòng
giữa từng vuông đất đỏ
ươm những mầm cây xanh
ươm những cành trái ngọt
cho quê hương thân yêu

nhớ đêm ngủ với mày
trong toa xe lửa đó
mày đã kể tao nghe
những chuyện buồn của mày
bạn bè thì đi lính
người yêu thì lấy chồng
cơm áo còn thiếu thốn
đời hoài hoài tay không

bây giờ là mùa xuân
tao mày còn buồn khổ...

NGHIÊM VŨ

21. NỖI BUỒN CỦA LÃO GIÀ

Lão già họ sù sụ
đôi mắt đỏ tủy hờn
Buổi sáng lão thức giấc
Nhìn nỗi buồn quê hương.

Sương mù ôm đất mẹ
Lão già ôm xót xa
Thằng con đi chinh chiến
Đã mấy năm xa nhà...

Buổi trưa lão thường nhớ
Hôm nay con ở đâu?
Tiếng chuông vừa vang vọng
Lão cúi mặt nguyện cầu.

Buổi chiều nghe chim hót
Lão già rũ rượi ho
Buổi tối nghe súng đạn
Lão ngậm ngùi quê hương.

Đời lão nhiều mất mát
sâu đau bữa quanh hôn
có nhiều đêm lão khóc
Khi nghĩ đến thằng con
đi chinh chiến chưa về.

Trần Dạ Lữ

22. NGỰA TRẮNG ĐI KHUYA

Dang cả hai tay đón đời trù mển
cúi cả linh hồn tiếp nhận tình em
Thương những câu ca bài hát êm đềm
Mê lịch sử từng đêm vùng khởi nghĩa
Ta sinh ra mây mù dăng tứ phía
Ngựa chiêm bao cõi trần chết mấy lần
Ta mê em bằng mắt với bằng tim
đời con gái em làm ta say tỉnh
Tình yêu em ta có lần toan tính

phân chia em bằng nghĩa sống ân tình,
Cây trụ điện với nhà thờ thánh giá
Tà áo bay với cả gót chân mềm
Mười mấy năm rồi vừa lớn vừa khôn
Si ân ái cả mê người lịch sử

Nhìn mắt em ta mờ lẫn quá khứ
Bao thương đau ta nhắm chảy hai
hàng
Hai mươi năm đời rẽ dọc chia ngang
Ta thức tỉnh toàn chiêm bao lịch sử
Tay anh đây xin xem đường quá khứ
Khúc nào buồn em bỏ bớt cho vui
Mỗi anh đây xin mở hết những nụ cười

Để khuya vắng anh theo đàn ngựa chạy

Vài năm sau thơ tình anh bằng máu

Viết linh hồn của ngựa trắng đi
khuya.

Hồ Thành Đức



23. HAI CHÀNG LÀM VIỆC NƯỚC

Phiêu lưu, Trào lộng tiểu thuyết
của Nguyễn Sỹ Tế

TỰA

Mùa thu năm Giáp Ngọ, dương lịch 1954, sau mười năm bôn ba nơi hải ngoại, động lòng trắc ẩn, ta trở lại quê hương thì vừa đúng lúc Hiệp định Giơ-neo ra

đời phân chia đất nước, hờn sông Gianh lại một phen chảy qua sông Bến Hải.

Con tàu đưa ta về xứ mẹ vừa cập bến Hải Phòng, ta đã phải chứng kiến cái cảnh tan lòng nát ruột; từng đoàn người nam phụ lão ấu lũ lượt đổ về hải cảng, cha gồng mẹ gánh, chị đội em mang, chờ ngày phát vãng đi tìm đời sống mới.

Ta vội vã lấy vé xe lửa trở về cố đô. Về đến nơi mà lại thấy bàng hoàng khôn xiết tả: căn nhà tổ tiên đã nhện trắng cửa khép, khói lạnh hương tàn. Hỏi lân bang hàng xóm, mới hay gia đình ta cũng vừa cuốn theo đoàn người di cư vô Nam. Chạy khắp tám cửa ô Hà Nội, hỏi thân bằng cố hữu xem những gì đã xảy đến cho quê hương từ cái ngày ta rũ áo ra đi khi hai triệu người nằm xuống, thì chỉ thấy thiên hạ nín thinh, hoặc thì thầm bàn tán cùng nhau rằng đi hay ở. Không

biết làm gì hơn, ta đành dạo một phen thành xưa phố cũ, gạt lệ già từ, và sau cùng, gia nhập cái làn sóng di dân vĩ đại đó.

May thay! Trên con tàu “Rắn Biển» đưa ta đi tìm tự do, ta đã hạnh ngộ hai chàng học giả, xuất xứ nông thôn, hai anh hùng thời đại, là những người đã tham dự vào cái hình và cái hoại của lịch sử dân tộc trong suốt cái thời gian ta vắng mặt. Ta nói «xuất xứ nông thôn» là ý nói cái nguồn gốc khiêm nhường, cái bản tính chất phác, cái tâm địa ngay thẳng trong đại đa số quốc dân ta.

Và thế là trong suốt nửa tháng trời lên đên trên sóng Thái Bình dương, hai chàng học giả nông thôn đó đã không ngại những cơn say sóng đến hôn lặc phách siêu mà luân phiên kể lể cho ta nghe tình đầu mọi câu chuyện trên quê

hương chín năm trời ròng rã. Ta mới giác ngộ rằng mười năm đi học khôn của ta ở nước ngoài thật không thấm vào đâu với vài năm sống ở quê hương xứ sở.

Thảng hoặc có người bảo câu chuyện của hai chàng có những đoạn khoa trương đến thành bịa đặt. Ta không dám tiên thiên phủ nhận lời phê bình đó. Nhưng ta nghĩ cùng với một triết gia tây phương rằng: Lắm khi chuyện hoang đường lại còn thật hơn lịch sử. Ít nhất những chuyện hoang đường đã dạy ta rằng: Trong mọi cơn thăng trầm vinh nhục của lịch sử quốc gia Việt Nam, con người Việt Nam và con người Nhân loại trong mỗi người Việt Nam lúc nào cũng có mặt.

Nay, gặp tiết thu về, giữa lúc Sài thành sụt sùi mưa gió, đau thương nào có thấy tiêu tan, để tưởng niệm hai chàng không

biết bây giờ đã thất tán nơi đâu, Kontum hay Cái Sắn, Bến Hải hoặc Cà Mau, ta bèn nhờ ngòi bút của ông bạn già, nhà giáo họ Nguyễn, chép lại những điều ta đã nghe ở cửa miệng hai chàng thành một pho truyện nhan “Hai chàng làm việc nước”.

Ta có một phần tin ở đức độ của một nhà giáo, nhưng còn về cái tài thì ta không bảo đảm vì từ việc dạy học đến việc viết văn con đường còn xa tĩ như từ việc dạy học đến việc trị dân vậy. Dầu sao, ta cũng xin long trọng xác nhận việc liên đới chịu trách nhiệm cùng họ Nguyễn, và ngỏ lời cảm tạ chân thành sự hợp tác của tiên sinh,

Sài thành thu Quý Mão (1963)

HÀM THẠCH

HỒI THỨ NHẤT

*Xuân lịch sử, Cán Văn làm việc nước,
Chốn nghị trường, kế hoạch bất tương
thông.*

Tháng giêng năm Ất Dậu dương lịch 1945. Sáu mươi năm sau vụ kinh thành Huế thất thủ vua Hàm Nghi bỏ thành chạy ra ngoài mưu cuộc kháng chiến trường kỳ, nước Việt Nam lại bắt đầu trải qua những năm rối ren, đen tối nhất trong lịch sử của nó.

Mùa đông năm ấy, trời làm một trận rét chưa từng có trên bắc phần bán đảo Ấn Độ China. Hàn thử biểu trung bình chỉ 8 tới 10 độ bách phân và có nhiều

ngày đã xuống xấp xỉ tới 0 độ. Một số người dân quê cùng tưng đã gục ngã vì không chịu nổi sức rét. Dạn dày đến như loài mục súc cũng không kham được. Trâu bò bỗng nhiên sưng chân khụy xuống, từ chối mọi đồ ăn thức uống của người cho, trực không lên nữa. Lúa mạ chết khô vì giá buốt. Nhiều nơi người ta đã phải cấy đi cấy lại ruộng đồng đến ba bốn lần mà lúa vẫn không đậu.

Nạn đói đã chớm phát. Dân mấy tỉnh miền duyên hải Bắc Việt như Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình đã bắt đầu lũ lượt bỏ nhà bỏ cửa, đi từng đoàn rách rưới trên con đường quốc lộ số 1 (thời ấy gọi là đường thuộc địa số 1) tiến lên miền Thái Nguyên Yên Bái với cái viễn tượng đi tìm củ mài củ sắn, sống cho qua ngày đoạn tháng. Thật là câu thơ của Tú Xương bỗng trở nên ứng nghiệm:

Phố phường chật hẹp người đông đúc,

Bồng bế nhau lên chúng ở non!

Và cũng chính là trong cái “bối cảnh lịch sử” này đã đột hiện hai nhân vật điển hình, hai con người nhất định không “bồng bế nhau lên ở non”, hai chàng thanh niên của thời đại mà cuốn sách này có nhiệm vụ kể lại hầu các ngài những kỳ công hiển hách cũng như những thất bại ê chề.

Nhưng trước khi theo dõi hai người trai trẻ này trong cuộc phiêu lưu cứu quốc của họ, hãy xin phép các ngài giới thiệu về tính danh tướng mạo, quê quán, dòng dõi và gia cảnh của hai người anh hùng đó.

Người thứ nhất tên gọi Trần Cán. Anh chàng này người béo trực, béo tròn,

tướng lại ngũ đoản. Người anh thấp, nước da ngăm ngăm đen, cổ rụt, mặt vuông, mắt sáng nhiều lúc trông hung dữ. Người ta kể rằng anh làm rất khỏe (tuy ít khi chịu làm), ăn rất nhiều và ngủ thì ngáy như bò rống. Tướng của anh chính là cái tướng Trương Phi vậy.

Người thứ hai tên gọi Nguyễn Văn. Anh chàng này người cao cao, xương xương, nước da mai mái lại xanh xanh. Mặt anh dài, lưỡng quyền cao, mắt sáng nhưng nhiều lúc bỗng xỉn lại như người buồn ngủ. Anh có một cái miệng nhỏ, duyên dáng, hay cười một mình. Ở anh cái gì cũng ít: ít làm (tất nhiên rồi), ít ăn và cả ít ngủ nữa. Người ta có thể ví anh với anh chàng Thúc Sinh trong cuốn truyện của cụ Nguyễn Du vậy.

Cán và Văn xấp xỉ tuổi nhau, người cầm tinh con chó thì người cầm tinh

con chuột, nghĩa là một anh 24 tuổi một anh 22 tuổi khi câu chuyện này bắt đầu. Hai anh cùng sinh tại một làng là làng Yên Khê, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, người ở xóm trên, kẻ ở xóm dưới. Họ đều xuất thân từ giai cấp nông dân bậc trung mà ra, Nguyễn Văn bồ côi cha sớm, ở với mẹ, có một em gái một em trai và ba mẫu ruộng mẫu thì Trần Cán cũng bồ côi cha sớm ở với mẹ, có một em gái và hơn Văn ở chỗ ngoài ba mẫu tự điền ra còn có thêm một con bò nữa.

Họ vốn là bạn học với nhau từ thuở hai người còn để đầu giải đào, ngày ngày cắp sách cùng nhau tới nhà cụ đồ làng tụng câu “thiên tích”. Sau đó vì phong trào tân học lên cao, nơi nơi người ta bỏ chữ Hán, Cán và Văn được gửi ra học ở trường hương học. Qua trưởng hương học, họ theo trưởng phủ, ngày bốn buổi

đi về trên một con đường dài năm, sáu cây số. Hồi ấy họ đã mười bảy mười tám tuổi, ra về người nhớn lăm và đi học thì áo the khăn lượt hảnh hoi. Học đến nửa năm lớp Nhất ở trường phủ, sắp sửa đi thì Sơ học Bồ túc (thời ấy gọi là bằng Xéc-ti-phi-ca) thì chẳng ai bảo ai vì lười vì chán học cũng có, mà vì nghĩ con đường công danh xuống phủ cũng có, họ đều nằm lì ở nhà không chịu đi học nữa. Thảng hoặc có người hỏi tại sao công danh đã sắp tới ngày hái quả lại thôi, thì họ lập nghiêm mà tuyên bố rằng “học để biết như thế cũng là nhiều lắm rồi” và lại “học làm gì cái văn hóa của phường bạch quỷ”.

Thế là từ ngày thôi học, họ ở nhà giúp đỡ gia đình trong công việc chần hưng ba mẫu ruộng. Để đề cao cái chủ trương của họ, Cán thì rằng “nước ta là

một nước nông nghiệp sơ khai, vậy thì chúng ta phải dĩ nông vi bản”, Văn thì rằng “Ruộng vườn sao chẳng về đi...”.

Nói rằng họ ở nhà để giúp đỡ gia đình là nói cho nó oai, thực ra thì họ cũng chỉ làm ăn đại khái mà thôi. Vì mặc dầu không cấp sách đến trường nữa, song họ đã trót thuộc về cái thành phần xã hội “dài lưng tốn vải” mất rồi.

Cũng nhờ có mấy năm phong đăng hòa cốc làm ăn được mùa, gia đình cũng đỡ rầy la họ. Sưu thuế đóng cho chính phủ bảo hộ “mười phần còn độ một hai” xong xuôi, nhà hai chàng cũng như ăn ít chút nên họ vẫn tiếp tục công việc tự học để lập thân.

Song nếu hai chàng giống nhau về gia cảnh và sinh hoạt như thế, họ lại khác

hắn nhau về xu hướng và sở thích cũng như cái diện mạo của họ phác họa trên kia vậy.

Thời ấy báo chí mà về được đến thôn quê là của hiếm, thế mà hai chàng vẫn cố làm mình làm mẩy với gia đình để có một chút tiền đi mua, hoặc cất công chạy cùng làng cùng tổng đi mượn một sổ sách về để học hỏi.

Văn thì đọc tập san văn nghệ như Phong Hóa, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ bảy, Hanoi báo, Phổ thông bán nguyệt san... Nhà Văn ở, chỗ nào cũng treo la liệt những tranh cắt ở báo chí ra, nhất là các phụ bản số mùa xuân. Lúc rỗi rãi Văn thường chơi đàn tranh hoặc thổi sáo trúc và Văn vốn có chân trong phường Bát âm hàng xã. Những buổi tối mùa hè, nhiều khi đêm đã khuya sao Thần nông

đã gục đầu mái bếp, và sao số 5 lấp ló trên ngọn cây soan phía cổng, mà người ta còn nghe thấy vọng lên tiếng tiêu huyền của Văn chơi với nắn nốt những khúc cổ điển như Bình Bán, Xuân nữ, Lưu thủy, Hành vân, Kim tiền.... Có hồi Văn đã cất công vào tận Thanh Hoa nội trấn (Tức Thanh Hóa) để học cho kỳ được Nam Bình, Nam Ai của một ông thầy Huế. Tuy nhiên bài mà chàng ưa vừa đờn vừa ca vốn là bài:

Ta là dân nước Nam (a)

*Giống (a) Lạc Hồng phải chịu làm than
(a)*

Người trong xóm làng lại đồn đại rằng chàng còn là một nhà văn nữa. Thực ra không biết chàng có viết văn hay không, nhưng cô Hoa em Văn có kể rằng chàng cũng có làm những câu vè lục bát

ca tụng càn đả, con sáo sậu .. nhưng mà chàng dấu diếm kín lăm, không mấy ai được xem.

Trái lại, Cán cho những sách đọc cùng trò tiêu khiển của Văn chỉ là những trò chơi phiếm của những kẻ vô công rồi nghề, không có ích cho sự tiến hóa của xã hội cả. Cán sinh ra ghét cay ghét đắng người bạn cũ, chàng thường đem chuyện Văn ra công kích và giảng giải cho em chàng là cô Mai hay, với ngụ ý khuyên em chớ nên bao giờ có tư tưởng nông cuồng là lấy một người chồng nghệ sĩ. Cán thích đàm đạo với những vị bô lão ở trong làng, say mê nghe mấy ông đi tù chính trị về kể những truyện Côn Lôn, Lao Bảo, hoặc những chuyện khởi nghĩa Đô Lương, Yên Bái. Sách báo của Cán cũng khác hẳn sách báo của Văn. Cán ưa đọc báo hằng ngày để theo dõi tin tức năm

châu như báo Đông Pháp, Trung Bắc Tân Văn mặc dầu khi những tờ báo đi mượn đó có đến tay chàng thì cũng đã xa kỳ phát hành đến hàng tuần lễ. Cán lại còn đọc các tập san khảo cứu và nghị luận như Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí, Tri Tân, Thanh Nghị... Người ta kể rằng có một bạn Cán đã cật công lặn lội qua sông Người tìm vào tận Sĩ Lâm, Văn Hải mượn cho kỳ được bộ Nam Phong cũ của một ông giáo già về hưu, vừa mới mất đi trong nhà không còn ai đọc sách nữa. (Tập báo này, sau cái ngày hồi cư về Hanoi vì túng tiền chàng phải bán lại cho ông Nghiêm Toàn, chàng cứ xuýt xoa tiếc rẻ mãi. Đồn rằng nhờ có tập báo đó, ông họ Nghiêm có cơ làm ăn khá giả lắm, bèn coi là gia bảo). Kịp đến lúc tủ sách của nhà Hàn Thuyên và bảo Khoa học của ông Hoàng Xuân Hãn ra đời thì Cán lại say mê với loại sách này

lắm. Cán sinh ra mê triết học, khoa học, chính trị, văn hóa xã hội... vì những sách đã đọc. Một năm kia vừa tuổi trưởng thành chàng nhất định vận động với dưới phủ trên tỉnh để được sung vào giữ chức thư ký Hội đồng hương chính, chức vụ mà chàng rất lấy làm kiêu hãnh.

Cũng vì xu hướng khác hẳn nhau như thế, Cán và Văn hầu như đã xa nhau nhiều lắm, nếu không là giận thù nhau, kể từ ngày thôi học ở nhà. Mặc dầu kẻ xóm trên người xóm dưới, hàng năm chỉ vào những ngày tư ngày tết, khi mẹ và em thúc riết, hai chàng mới chịu lại chơi nhà nhau cho nó gọi là phải đạo cố giao nhưng vẫn nguýt dài nguýt ngắn nhau như chó và mèo vậy.

Cho đến mùa xuân cái năm Ất Dậu lịch sử kể trên, khi hai chàng bỗng lại có nhiều dịp để chạm trán nhau ở những

nơi công cộng. Số là sau cái ngày 25 tháng giêng năm đó khi quân Nhật đã đảo chính quân Pháp trong mấy tiếng đồng hồ và bằng vài tràng súng cối, dân Việt Nam mở mắt ra là thấy Độc Lập, hai chàng học giả nhà quê của chúng ta tò mò lên tỉnh chơi. Thật là không hèn mà nên. Họ gặp nhau ở chân núi Thủy Sơn (Dục Thúy) trong lúc cùng đến xem cái cảnh bọn người chiến thắng và chiến bại. Những ông Tây trước khi đưa về tập trung tại Hà Nội đầu trọc như sư, mình gầy như cá mắm, cởi trần trùng trọc đang kiệt lực đào những hầm những hố dưới làn roi vọt của mấy ông Nhật. Những bà đầm (thôi còn đâu xinh như mộng!) đứng ở đằng xa ngấp nghé chỉ muốn tiến lại hỏi han chồng hoặc mang cho chồng quả trứng mẩu bánh mà cứ lăm lét nhìn mấy ông Nhật Bản.

Văn sinh ra mũi lòng:

– Trông họ thương hại quá nhỉ!

Liên đó chàng bị Cán lườm cho một cái dài.

– Thế những khi xưa các ông lớn bà lớn ấy chễm chệ xe hơi nhà lầu, khinh người như rác, bắt nạt dân đen chúng mình thì sao?

– Chuyện ấy qua rồi.

– Qua là thế nào. Rõ thương không phải lỗi.

Chừng nhận ra cái nhược điểm của mình, Văn cúi mặt lẩn đi không đáp.

Thế rồi ngày hôm đó họ lại còn gặp nhau ở một cuộc mét tinh nữa. Chưa bao giờ hai chàng thấy người ta hội họp đông đảo đến như thế ở tòa tỉnh trưởng,

đông đảo hơn cả những dịp mộ phu đi Tân thế giới và đông đảo hơn cả những lúc bắt lính đi Tây hay giam người muộn sưu muộn thuế, ở giữa sân một kỳ đài cao vọi, phát phối là cờ quẻ ly. Dưới chân kỳ đài là một bàn thờ Tổ quốc khói trầm nghi ngút. Bên bàn thờ Tổ quốc là diễn đàn. Người ta giới thiệu một ông thanh niên hay sinh viên thi sĩ tên là gì gì đó, Cán và Văn không nghe rõ, lên đàn nói chuyện. Một anh chàng mặt tuôn như con gái, nước da xanh như tàu lá bước lên nói thao thao bất tuyệt, nhiều nhiều lắm, Cán và Văn không nhớ hết nữa. Hai chàng chỉ biết rằng có nhiều lúc cái ông sinh viên diễn giả đó tỏ ra cảm động làm hết gọi Việt Nam là mẹ hiền lại gọi Việt Nam là mẹ đau thương. Người ta rầm rộ hát bài Tiếng gọi Sinh viên được đổi ra thành Tiếng gọi Thanh niên và ít lâu sau được tôn làm quốc ca. Lần này thì cả

Văn lẫn Cán đều có vẻ bùi ngùi.

Lần đầu tiên sau bảy năm trời xa cách cũng là bảy năm trời thôi học, lúc trở về làng người ta thấy hai chàng cùng ngồi chung một chiếc xe tay kéo. Và khi chiếc xe hạ càng xuống bên điểm đầu làng thì hai chàng cứ tranh nhau mà giả tiền xe mãi, gay gắt đến cái mực sau phải chia đôi món tiền ra cho nó công bằng vì họ đồng ý với nhau rằng có “sòng phẳng mới là bạn tốt”.

Nhưng rồi cái nạn đói sang tháng hai trở nên trầm trọng. Số người tiến lên miền thượng du có phần đông gấp bội mà số người gục ở dọc đường da bụng dán sát vào lưng cũng tăng gia vô kể. Người ta chết nhiều đến nỗi Bảo An đoàn không kịp chôn nữa và có khi phải lấp đến hai ba người trong một hố. Làng Văn và Cán tương đối là làng trù ở vùng

phú mà số người chết cũng đã chiếm gần một phần mười. Nhà Văn và nhà Cán đã phải bắt đầu ăn một bữa cơm khoai và một bữa cháo.

Nhìn cái cảnh thương tâm những đứa bé gầy nhom và dúm dó như con chuột cổ bám lấy cái vú cạn sữa của mẹ chúng đã chết từ lâu, Cán cũng như Văn bỗng thấy nổi dậy một mối căm phẫn vô biên ... và một cái gì vừa đột khởi ở trong đầu óc họ: lên đường cứu nước.

Nhưng mà họ không phải đi đâu xa để cứu nước cả. Số là thời ấy là thời người ta đang tuyên truyền cho Thuyết hưng Thịnh chung Đông Nam Á. Chính phủ Trần Trọng Kim vừa lên nơi nơi người ta cũng gọi là hy vọng. Các đoàn thể thanh niên được tổ chức. Đoàn thanh niên này có nhiệm vụ đầu là khẩn thực và cứu tế. Tức thì Văn quẳng cái sáo trúc đi, Cán

xếp chồng Nam Phong lại, hai chàng cùng gia nhập đoàn thanh niên hàng xã. Hai gia đình lại đi lại với nhau. Mai và Hoa không phải gặp gỡ nhau vụng trộm nữa. Hai nàng kể lể cho nhau nghe những nỗi niềm tâm sự ước mơ và hai nàng không quên mỗi người về phần mình ca tụng các ông anh quý hóa của họ.

Về phần Cán và Văn người ta thấy hai chàng tất tả ngược xuôi, ngày đêm lên tỉnh xuống phủ. Họ làm việc nước say mê quên cả chuyện nhà và xuýt nữa nếu không có Văn nhắc kịp thời thì Cán cũng ngã đi mà để quên con bò nhà chàng chết rét. Hai chàng cùng với mấy thanh niên khác vác rổ vác rá đi xin từng nhà nắm gạo củ khoai. Trong công cuộc khát thực đó, Văn lễ phép khiêm nhường bao nhiêu thì Cán nóng nảy và hách sàng bấy nhiêu làm cho nhiều người phải đồ

rằng hai chàng đã lập thể trận cùng nhau kẻ đấm thì người vuốt. Với gạo, ngô, khoai xin được họ đem về sàng thối cơm trong những nồi ba mươi to tướng nấu ra từng nắm nhỏ, chiều nấu cháo múc ra những chiếc bát sành sứ mẻ, phân phát cho những người đói nằm la liệt ở đình chùa, đầu đường xó chợ, khắp xóm cùng làng.

Một ngày kia huyện đoàn thanh niên tổ chức một hội nghị để bàn về kế hoạch khắc phục và cứu tế chung cho toàn huyện. Cán và Văn cùng đi dự hội nghị. Nhiều ý kiến qua lại. Đến lượt Văn phải đứng ra trình bày kế hoạch của mình, Văn rằng:

– Thưa các anh em trong toàn huyện. Trước hết tôi có lời trân trọng xin lỗi các anh em toàn huyện vì những lời lẽ què mùa và ý kiến thô thiển thật là đánh trống

qua cửa nhà sấm của tôi (Người ta xì xào; Cán tổ dẫu sốt ruột nhìn Văn). Thực ra thì tôi chẳng có kế hoạch chi hết... nghĩa là cái kế hoạch của tôi, nếu có thể gọi là kế hoạch (Cán lờm Văn), cũng chỉ là những điều thông thường mà chúng ta vẫn đã làm từ trước tới nay... nghĩa là chúng ta cứ khát thực và cứu tế (Cán nguyệt Văn). Một mặt chúng ta cứ khát, một mặt chúng ta cứ cứu; khát được bao nhiêu chúng ta thời cơm nấu cháo bấy nhiêu đem ra phân phát đều cho đồng bào đói.

Rồi cao hứng, Văn ngâm:

Bầu ơi thương lấy bí cùng.

*Tuy rằng khác giống nhưng chung một
giàn.*

Mọi người vỗ tay hoan nghênh ý

kiến. Cán bực quá đứng phắt ngay lên gân cổ la rinh để đòi cho được im lặng. Xong đầu đó, Cán rằng:

– Thưa toàn thể hội nghị, tôi cực lực phản đối cái kế hoạch của bạn Văn. Kế hoạch đó, thưa hội nghị, chỉ là một hành động thô thiển, một hành động thiếu suy xét. Kế hoạch đó đã bất chấp cả những phương tiện của chúng ta. Chúng ta phải tự hỏi xem rằng: ta khát thực được bao nhiêu của gạo, bao nhiêu cân ngô, bao nhiêu cân khoai cho đích xác. Xong rồi lại phải xem cái kho khát được đó có còn được bổ dưỡng tiếp sau nữa không, và bờ dưỡng thì bổ dưỡng bằng cách nào, trong mức độ nào. Xong đầu đó chúng ta lại phải lập bảng thống kê những người hiện bị đói, xem rằng số người đó còn có tăng thêm không, tăng thêm là bao nhiêu. Xong rồi chúng ta lại phải tính

xem từ nay cho đến ngày có lúa sản còn bao nhiêu ngày nữa. So kết quả lại với nhau để xem lực khát thực có thể nuôi tạm tạm được bao nhiêu người.

Song le, thưa toàn hội nghị. không cần phải đi sâu vào việc tính toán, hẳn hội nghị, cũng như tôi thấy rằng của kho thì ít mà người đói thì nhiều. Như thế có một sự chênh lệch quá lớn giữa sự cung và sự cầu, số gạo ngô khoai rõ ràng là không đủ nuôi người đói rồi.

Do đó, thưa toàn thể hội nghị, tôi xin đề nghị một kế hoạch vô cùng mới mẻ, vô cùng hợp lý, vô cùng đặc lực. (Hội nghị im phăng phắc; đến đây Cán ngừng để lấy hơi và trịnh trọng tiếp). Kế hoạch đó là: Chúng ta chỉ cứu những người có thể cứu được, nghĩa là những người mới đói ít ngày thôi hãy còn chút sức

lực để chống đỡ với thân đói thêm vào khẩu phần phân phát, nghĩa là những người sống qua cái thiên tai này còn ra con người có thể giúp ích được cho xã hội, nghĩa là những người có hy vọng và đáng hy vọng sống, nghĩa là chúng ta phải thẳng tay gạt ra ngoài những phần tử đã kiệt lực có cứu cũng không qua được, những phần tử già yếu và những phần tử tàn tật, ư... a... hấp!

Cán nói một hơi đến đây thì dừng. Hội nghị lại một phen vỗ tay hoan nghênh, nhưng có lẽ lần này hoan nghênh cái tài hùng biện của Cán thì đúng hơn.

Lại vẫn chỉ có Văn đứng lên phản đối:

– Tôi phản đối cái kế hoạch vô nhân đạo của bạn Cán. Đã cứu người thì cứu tất cả, dầu đến nửa chừng không còn

ngô gạo những nạn nhân có chết cả cũng cam lòng.

Hội nghị lại vỗ tay. Cán cũng không vừa, đập bàn mà rằng:

– Nhân đạo hay vô nhân đạo chỉ là những danh từ, những danh từ vô nghĩa. Nhân đạo mà rồi không thu lượm được một kết quả cụ thể cứu nhân nào thì cũng chỉ là vứt đi mà thôi. Vô nhân đạo nhưng mà được việc thì cũng là điều đáng nên làm vậy. Cổ nhân đã có câu rằng: “Cứu cánh chứng minh cho phương tiện”. Cùng toàn thể hội nghị tôi thành khẩn xin các bạn hãy xét xem năng lực gạo tiền của chúng ta với số người phải cứu mà chiếu chỉ hành động. Nay chúng ta cứ bám vào một ý niệm giả danh nhân đạo hẹp hòi để đưa cả một bọn người đói khát đông đảo mà trong

đó có thể có không biết là bao nhiêu anh hùng cứu quốc nữa, đến cái chỗ chết đói cả nút mà không cứu được lấy một ai, thì tức là chính chúng ta đã vừa vô nhân đạo lại vừa phản quốc vậy.

Lần này thì hội nghị vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Sau một buổi chiều thảo luận sôi nổi như thế, kế hoạch của Cán thắng chỉ vì nó có vẻ khoa học, minh bạch bằng những con số hẵn hoi. Cán vênh váo nhìn Văn bằng một con mắt kiêu hãnh của người đắc thắng. Nhưng Cán cũng chỉ thắng được nửa chừng thôi là vì Văn cũng chẳng phải là tay vừa. Vốn biết tính Cán, Văn đề nghị với hội nghị giao cho Cán cái trọng trách là thi hành cái kế hoạch của chính Cán, nghĩa là khử đi tất cả những người đói đã kiệt lực, những phần già tử yếu và những phần tử tàn tật. Không biết nói làm sao được

Cán đành phải nhận, ác hại hơn nữa là Văn lại xin được với hội nghị cho làm giám sát viên để coi xét sự thi hành kế hoạch của Cán. Thực tình ra thi Cán đã thấy hơi run sợ vì cái kế hoạch của mình.

Người ta đã xếp các người đói sắp phải hy sinh lên trên ba chiếc xe bò xung công ở phố phủ. Đã đâm lao phải lao. Cán bày mưu đưa bọn người nạn nhận đó đổ xuống sông Khang Thương, là con sông cách phủ Yên Khánh chừng hai cây số. Sắp đặt xong xuôi công việc ở sân vận động thì trời cũng vừa tối, người ta chỉ còn chờ khuya khuya một chút là khởi hành để tránh con mắt tò mò của dân chúng.

Nhưng đến lúc khởi hành thì có mấy ông thanh niên xung phong thực hiện kế hoạch của Cán đã chuồn đầu sạch cả. Thế là Cán đành trần lặc ra kéo lấy một

chiếc xe với ý định là chở xong chuyến này sẽ trở về chuyến khác.

Khi chiếc xe người của Cán rong ruổi trên con đường Khang Thương thì trời cũng gần nửa đêm. Trăng hạ huyền thán hai vừa mọc sau nóc tháp chuông nhà thờ Phúc Nhạc, trưng cái lưỡi liềm cong cong nhọn hoắt, lạnh lùng trên nền trời tro xám lúc đặc mấy vì sao trắng muốt.

Nhìn trăng lưỡi liềm lạnh nghiêm, bao nhiêu nhuệ khí ban chiều của Cán bỗng tiêu tan hết, Cán càng thấy run sợ. Bọn người phải hy sinh vẫn nằm ngổn ngang trên chiếc xe bò không một tiếng kêu la, như những người ngủ thiếp. Vãn vừa lạnh lùng đi bên cạnh Cán như một bóng ma không một lời nói năng. Chiếc xe bò đã tiến đến chân cầu. Chỉ còn một quãng dốc nữa là tới bờ sông. Cán không

giữ nổi mối kinh sợ của chàng nữa. Chân tay chàng bắt đầu run run, và răng chàng khe khẽ đập vào nhau. Vốn để ý, Văn nhận thấy gặng hỏi:

– Kìa anh Cán sao mà anh run lên cầm cập thế kia.

Cán đành nói chống chế:

– Tôi rét anh ạ. Chẳng là cơn trưa đi họp tới quên không đem cái áo bông đi mà. Nào anh cố giúp tôi lên cái dốc này nào,

Chiếc xe đã lên tới bờ sông cao. Cán nhìn xuống. Dòng sông nước đen ngòm, chảy xiết thăm thẳm, run run phản chiếu vành trăng liềm và mấy vì sao khuya. Văn hỏi Cán:

– Thế nào chúng ta bắt đầu chứ chỉ huy trưởng?

Cán hồn hển đáp:

– Mệt bỏ sư đi thế này! Nghỉ tí đã?

Trên chiếc xe bò bọn người hy sinh hốc hác như những xác chết bồng cựa quậy và ú ớ kêu. Tiếng kêu vang lên rồi mất hút ghê rợn như tiếng cú kêu trong đêm lạnh. Cán bồng thấy dọn tóc gáy, quay lại nắm lấy tay Văn van lơn:

– Bất khả thi chi kế, giám sát viên ạ. Ban chiều là tôi đề nghị cho nó vui đó thôi. Ai nữ làm thế bao giờ. Họ chưa chết mà đã đem họ trôi sông. Oan hồn họ hiện về oán chết.

– Anh nói đùa?

– Không tôi nói thật đấy anh ạ.

– Tôi đã bảo anh mà anh có nghe đâu.

– Thế bây giờ thì làm thế nào. Thú thực với anh là tôi chỉ bạo miệng thế thôi. Anh có kế gì giúp tôi không ... thì tôi chết mất.

Văn bèn hỏi vặn Cán:

– Thế tại sao ban chiều anh cứ gân cổ ra mà cãi?

– Tôi cãi cho vui anh ạ.

– Anh phải nói rõ cho tôi hay cái kế hoạch của anh lấy ở đâu ra.

– Xin thú thực với anh cái kế đó không phải là kế của tôi đâu. Dạo nọ tôi có được nghe lỏm của cái lão gì ấy đi tù cộng sản ở Côn Lôn về, người ở trên làng Yên Cư ấy nói cho tôi hay, tôi tưởng thật. Và bây giờ thì xin anh cứu tôi với.

Ra chiều suy nghĩ hồi lâu, Văn chậm chạp nói:

– Anh đã xử tình thực với tôi, thì tôi cũng lấy tình thực mà giúp anh. Anh hẳn biết nếu bây giờ anh lại chở cái xe người kia về thì mất hết cả thể diện.

– Anh nói chí lý làm.

– Thế thì chỉ còn có một cái kế này khả dĩ vớt được danh dự cho anh mà lại rất là nhân đạo. Anh cứ đem xe tuột cái xe người này qua bên kia cầu sang địa phận làng Phúc Nhạc trút xuống đồng ruộng họ là tiện nhất.

Nghe xong Văn nói, Cán mừng rỡ khôn xiết nắm tay bạn lúc đi lắc lại cảm ơn dụi cả lưỡi lại. Và thế là lưng cũng suốt một đêm hôm đó đôi bạn cố giao trần lực ra lần lượt chở ba chiếc xe bò

22. Hai chàng làm việc nước ¶ 373

người đỏi từ Yên Ninh chuyển xuống
Phúc Nhạc qua chiếc cầu xi măng sông
Khanh Thượng.

(Qua hồi thứ hai)

Nguyễn Sỹ Tế

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn của tòa soạn, nên VĂN HỌC số tưởng niệm Nhất Linh không thực hiện được 200 trang như đã hứa trong số trước. Lý do giản dị là tình trạng số giấy cấp hiện nay rất hạn chế, nên chúng tôi không đủ để in số trang thêm lên.

Mong bạn đọc thông cảm, và thứ lỗi. Một số bài vở thường xuyên của các Bạn văn như Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Sa, Thế Uyên, Hoàng Văn Đức, Dương Kiên, Dương Nghiễm Mậu chúng tôi xin đăng tiếp trong số tới.

Thành thật cáo lỗi cùng các tác giả.

Tòa soạn VĂN HỌC

TÁC GIẢ và ĐỘC GIẢ NHỮNG VẤN ĐỀ của CHÚNG TA

Mục ĐỐI THOẠI GIỮA TÁC GIẢ VÀ ĐỘC GIẢ này mở ra nhằm mục đích đặt một cây cầu giữa những người đọc và người viết. Nó không hạn định trong một khung cảnh hay một vấn đề nào cả, và cũng không do một người viết nhất định phụ trách. Văn Học số này tiếp tục dành cuộc đối thoại cho nhà văn Thế Uyên và các bạn đọc của anh, nhưng trong các số tới, sẽ dành cho các cuộc đối thoại khác giữa các tác giả và bạn đọc khác.

Chúng tôi thành thực mong sẽ được

các độc giả của VĂN HỌC hưởng ứng và trước khi nhường lời cuộc cho đối thoại dưới đây, chúng tôi xin ghi lại Mục này là Diễn đàn chung của chúng ta để bàn về Những Vấn Đề Của Chúng Ta. Do đó, không có một hạn chế nào, về bất cứ phương diện gì.

VĂN HỌC

THÚY – SAIGON

“Lớp người ông Thục đã hỏng, mà lớp người trẻ, theo sự hiểu biết kém cỏi của tôi: cũng hỏng nốt. Nhất là trong giới sinh viên học sinh. Ông thấy không, các “ông” sinh viên đã lớn tiếng chửi rủa gian thương Ba Tàu, chửi Si-ha-núc là ông hoàng mọi, Pháp là thực dân, Việt

cộng là phản bội tổ quốc ... Ngân ấy thứ mà đã có một hành động cụ thể nào đâu. Hàng ngày các “ông” ấy vẫn hô to: Ghi ơn chiến sĩ, chiến sĩ đã hy sinh cho chúng ta ... Hôm lễ chiến sĩ trận vong, các ông ấy khuyên đồng bào đi cho thật đông, để lễ long trọng. Các anh chiến sĩ ơi, hãy sống dậy mà coi, các anh có thấy gì không? Riêng tôi chỉ thấy ... Chắc các ông sinh viên ấy đã nghĩ tới những thành tích vừa qua ấy, đã cho là đủ cho các ông ngủ yên trên vòng hoa héo”.

Nhận xét về sinh viên như trên, tôi đồng ý và không đồng ý. Nhưng tôi mong sẽ có được các bạn sinh viên tham dự vào cuộc đối thoại này, minh xác vấn đề. Sự minh xác này, nếu có, tôi thành thực mong nó sẽ làm chúng ta, những người cùng trẻ, hiểu nhau hơn.

T. Đ. THƯỜNG OAI

“TẠI SAO QUÂN ĐỘI KHÔNG THĂNG ĐƯỢC VIỆT CỘNG là câu hỏi bất cứ một ai ưu thời mẫn thế đều phải khắc khoải. Anh Thế Uyên đã trả lời câu hỏi đó ra sao? Chúng ta thấy anh đặt câu hỏi đã trúng vào vấn đề, nhưng rồi sau đó anh đã lảng tránh khi viết: “Muốn biết tại sao không thăng được, cứ nhìn vào mười năm văn học miền Nam thì biết” (Huyền thoại trăng treo đầu súng, Văn Học số 36). Tôi thiết nghĩ câu trả lời như thế có giản dị và hơi ngây thơ!

Trước hết tôi xin nói thẳng ngay là muốn thăng được Việt cộng, chúng ta không phải và không thể nào tìm giải pháp trong văn nghệ được dù đã dành văn nghệ có phản ảnh cụ thể nếp sinh hoạt tinh thần nhân dân hay của riêng từng lớp trí thức văn nghệ. Giải pháp

chính hiện nhiên để thắng Cộng thắng Thực dân chúng ta phải tìm ở chỗ phải tìm là phải giải quyết bằng được trong hai lĩnh vực chính trị và quân sự. Đó mới là câu trả lời vào chính vấn đề.”

Khi tôi viết trong bài Huyền thoại trắng treo đầu súng rằng “Muốn biết tại sao không thắng được Việt cộng, cứ nhìn vào mười năm văn học miền Nam thì biết”, tôi thực ra không có ý định cho rằng chỉ vì nhà văn Việt Nam đã sống như thế này đã viết như thế kia nên đã gây ra tình trạng thua thiệt của miền Nam trước cuộc xâm lăng của chế độ miền Bắc. Đó chỉ là một lối viết châm biếm, nhằm mục đích chỉ trích thái độ thiếu trung thực với cuộc đời, thái độ đứng bên lề, thái độ ngồi trên khán đài cao luận bàn về phi lý với hiện sinh trong khi dưới dấu trường nông thôn Việt Nam người ta đang chiến

đầu và chết. Nếu nói kỹ hơn một chút nữa, nhận định của tôi bắt nguồn từ quan điểm cho rằng văn nghệ văn hóa ở Việt Nam nói chung từ xưa đến nay vẫn do đa số là người trí thức làm. Bây giờ, qua văn học văn hóa – tiếng nói trung gian và chuyển đạt, tôi thấy các người thái độ đứng cầm bút đã chối bỏ thực trạng, nghĩa là giai tầng trí thức đã chọn ra bên là đứng ra ngoài cuộc, tôi tin rằng chúng ta sẽ thua cộng sản. Trên lý thuyết phổ biến đại chúng, trên báo chí, đài phát thanh, các lãnh tụ cộng sản chê bai tàn tệ trí thức tiểu tư sản là tối thế này hỏng thế kia — nhưng thực ra trong thâm tâm, họ hiểu rằng ngày nào nơi nào trí thức đứng lên quyết liệt chống lại, họ sẽ thất bại. Cộng sản rửa trí thức thậm tệ chính ra tại vì họ sợ, sự thực là vậy. Để minh chứng nhận xét này, tôi xin ghi lại đây một câu của Lénine, một đảng tổ phụ của cộng

sản, đã viết trong cuốn Que faire: “Còn về chủ nghĩa xã hội, nó thoát thai từ những lý thuyết triết học, lịch sử kinh tế do những đại biểu học thức của tầng lớp có của, do những người trí thức. Những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, Marx và Engel, đều là trí thức trường giả xét theo địa vị xã hội của họ... Ý thức chính trị về giai cấp chỉ có thể mang đến cho người thợ từ bên ngoài, nghĩa là bên là tranh đấu kinh tế và ở ngoài những tương quan chủ và thợ. Vậy ai đem ý thức chính trị về giai cấp đến cho người thợ, người vô sản? Người trí thức ở tầng lớp khác.” (Trích trong CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM trang 224, Nguyễn Văn Trung soạn thảo, Nam Sơn xuất bản). Những người trí thức đã đem ý thức chính trị đến cho người thợ, nghĩa là đã tạo ra cách mạng vô sản và chế độ cộng sản, thì người trí

thức cũng có thể mang lại cho người thợ, người nông dân, những người vô sản nói chung MỘT Ý THỨC HỆ KHÁC chống lại được chủ nghĩa và chế độ cộng sản. Các kẻ thù của chúng ta biết như vậy nên họ đã tìm đủ mọi phương sách kể cả áp dụng công trình nghiên cứu của Freud, Jund và Pavlov để phóng thể (tạm dịch chữ aliéner) thành phần trí thức, để trí thức tiếp tục siêu thoát, tiếp tục suy nghĩ về cái “họa siêu hình”, phi lý với hiện sinh.... tiếp tục đứng bên lề trong khi các cán bộ và binh sĩ của họ tấn công từng nấc một để tiến tới thiết lập chế độ cộng sản trên tất cả.

Vấn đề là như vậy. Còn thực ra, tôi cũng không cho nhà văn một vai trò quá quan trọng. Nhà văn có thể làm được gì trong tình trạng hiện tại? Làm lịch sử chăng? To truyện quá phóng đại khả

năng quá. Làm cán bộ tuyên vận chẳng? Đánh giá nhà văn thấp quá. Theo ý tôi nhà văn — tôi xin nhấn mạnh là nhà văn Việt Nam chứ không phải nhà văn Pha-lang sa chỉ có thể làm nhà văn (điều kiện đương nhiên và tiên quyết), nói lên tâm tình của dân, phản kháng và tố cáo những tội tệ của người cầm quyền và cơ cấu xã hội hiện tại và sau cùng, là tạo ra một hay nhiều hơn ý thức hệ mới. Trong bốn sự có thể làm được này của nhà văn, sự có thể làm thứ tư, việc tạo ra một ý thức hệ mới là quan trọng nhất và khó nhất bởi vì một ý thức hệ mới sẽ là động lực làm phát triển phát sinh mọi biến đổi trong xã hội (muốn gọi là cải cách hay cách mạng tùy ý, vấn đề danh từ không quan trọng). Nhà văn, tôi xin nhắc lại là nhà văn Việt Nam, những nhà văn đích thực chứ không phải những giả nhà văn Việt Nam do Khối Huấn luyện déraci-

niens Sarraut– Laubat sản xuất, chỉ có thể làm những điều như thế. Còn làm sao làm được, lại là một vấn đề khác. Và để tránh mọi ngộ nhận, tôi xin ghi lại ở đây là theo quan điểm của cá nhân tôi, các ông Ngô Đình Diệm Nguyễn Ngọc Thơ là quan lại, các ông Nguyễn Khánh, Trần Thiện Khiêm là... chứ không phải là trí thức hiểu theo định nghĩa tôi thường dùng.

CHU VƯƠNG MIỆN KBC 4039

« Những cảm nghĩ của những người cầm súng đánh giặc ngày hôm nay, nói chung thì cũng đều cũng nghĩ như anh vậy. Nhưng ngán và thiếu... để viết ra thôi. Đất nước chúng ta có nhiều vấn đề khó mà dùng danh từ diễn tả cho được. Làm văn nghệ như là tia sáng hỏa châu

sáng được chút nào thì rồi cũng tắt đi — trong im lặng.»

Tôi đã có thời gian giữ đôn mùa mưa, đã từng bắn hóa châu để tìm địch và hỏa châu quả thật chỉ sáng được một khoảng thời gian ngắn rồi tắt đi trong im lặng. Nhưng dù có thế, hỏa châu đáng quý vì nó có thể dùng để cầu cứu quân tiếp viện, và nhất là để soi sáng địch khi đôn bị địch xung phong – trong trường hợp này, tia hỏa châu sáng được chút nào quý chút đó. Khi chọn thái độ làm nhà văn như hiện nay, tôi không mong làm được cái gì hơn thế.

Thế Uyên

THỜI MỚI

VỪA PHÁT HÀNH

NGƯỜI XA LẠ giá 40 \$

Cuốn truyện dài đầu tiên của Albert Cormus được dịch ra tiếng Việt – A. Carmus là tác giả bán chạy nhất ở Pháp trong loại sách bỏ túi, gần gấp đôi J. P. Sartre.

(Bản Việt văn của Võ Lang)

MỘT MÌNH giá 80 \$

Truyện dài của Võ Phiến – với phụ bản của Phạm Tăng.

Bản đặc Biệt có bán tại nhà sách KHAI TRÍ – Saigon.

CHÂN TRỜI VĂN HỌC

Tràng Thiên

Hoạt động văn nghệ kiểu Mỹ

Các nhà xuất bản loại sách bỏ túi ở Hoa Kỳ tranh nhau đặt cọc trước cho các nhà văn có sách bán chạy, John le Carré được nhận trước hai triệu đồng quan nặng, Kathleen Winsor nhận trước hai triệu rưỡi và James Michener thì được ba triệu rưỡi quan. Bạc nhận trước, hàng sẽ giao sau, khi nào hoàn thành.

Đặc biệt là James Jones, nhà văn này được đặt cọc trước những ba tác phẩm một lượt, với giá tiền là bốn triệu đồng quan.

Những người đọc sách Pháp nên chú ý

Tổ hợp các nhà phê bình Văn học Pháp vừa liệt kê các tác phẩm có giá trị nhất của đệ nhất tam cá nguyệt 1965 như sau:

– Le grand pardon của Marcel Arland.

– La maison, la forêt (Ngôi nhà và khu rừng) của Dominique Rolin.

– L'homme dans les mémoires d'outre tombe (Người đàn ông trong ký ức từ bên kia năm mốt) của Henri Guillemin

– Prométhée ou la vie de Balzac của André Maurois.

– Tolstoy của Henri Troyat

– La guerre d’Indochine : l’humiliation (Chiến tranh Đông Dương: sự sỉ nhục) của Lucien Bodard.

La maison, la forêt

(Ngôi nhà, khu rừng)

Một cặp vợ chồng già (ông đã bảy mươi tám tuổi) nhưng thực ra họ chỉ có mặt cạnh nhau, mỗi người âm thầm trong sự lẻ loi riêng của mình. Ông thì sợ trời tối, sợ chết, cố gợi lại những kỷ niệm một bà mẹ xa xưa, ông tiến ra ngoài rừng, lang thang... Bà thì suốt ngày lăm lăm cầm với cái lọc cà phê, với một món ăn trên lò, với những rương quần áo cũ... Hai ông bà rình rập nhau, giành nhau những lúc vào phòng tắm

Hai ông bà, hai sự cô đơn bên cạnh nhau, hai cuộc độc thoại kéo dài triền

miên lặng lẽ bên nhau, hai cuộc độc thoại mà không có đối thoại.

Trong suốt tác phẩm chỉ có một biến cố: cái chết của con « mục » con chó chung của hai ông bà, mối liên quan độc nhất giữa hai người.

Đó là nội dung cuốn *La maison, la forêt*, tác phẩm của Dominique Rolin được các phê bình gia chọn lựa như đã nói trên đây.

Văn chương khai thác nước Việt Nam

Cuốn *L'Ambassadeur* của Morris West đứng vào hàng thứ 6 trong những cuốn sách bán chạy nhất Pháp trong tháng 4-1965.

Và đó là một cuốn tiểu thuyết nói về

Việt Nam, lấy khung cảnh Sài Gòn năm 1963. Tác giả bịa ra một Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam. tên là ông.... Maxwell Gordon Amperley! Ông Đại sứ này kể lại hoạt động của mình. Thế là thành ra... L'Ambassadeur.

Trong những hoạt động của ông Đại sứ có việc giúp phe đối lập lật đổ và hạ sát nguyên thủ nước Việt Nam, sau đó, ông Đại sứ ân hận, rồi đi tu thiền.

Cuốn sách được phát hành bản Anh văn cùng một lượt ở Nữu Ước và Luân Đôn. Như thế ông M, G Amberley chắc đã hội kiến với ông H, C. Lodge.

Băng giá ở Nam Tư?

Nhà văn trẻ tuổi Mihajlo Mihajlov, người xứ Nam Tư được đi chơi ở Nga về,

viết một thiên du ký đăng trên tạp chí Delo ở Belgrade. Những điều Mihajlov thuật lại làm cho nhà cầm quyền Nga xô không hài lòng. Thế là Mihajlov bị chính phủ Nam Tư tóm cổ.

Một số nhà văn nước Anh vừa đăng trên tạp chí Times một bản phản kháng, mang chữ ký của Julian S. Huxley, Stephen Spender, Rebeca West, Max Beloff, W. H. Auden v.v...

Một người đàn bà ngồi lê ở quán nước

Française Mallet Joris lại mới vừa trúng một giải thưởng văn chương nữa.

Trước, bà đã được giải Prix des Librairies với cuốn *Les mensonges*, rồi lại được giải Femina với cuốn *L'empire céleste*. Vừa rồi toàn bộ tác phẩm của bà

lại được tặng giải thưởng Prince Pierre de Monaco,

Nữ sĩ có thói quen sớm viết tối nghỉ. Nhà chật hẹp, con cái bốn đứa ồn ào, bà đem bút mực ra ngồi ngoài các quán cà phê mà viết. Một thiếu phụ ngồi ở quán nước – nếu ở xứ ta – thì đã là khó tránh khỏi những kẻ tới quấy rầy. Huống chi ngồi ngoài quán để viết văn, lại viết ra thứ văn chương trúng giải Femina nữa thì thoát sao khỏi những kẻ tò mò.

Vì vậy, sau khi được một giải thưởng, là phải đổi quán một lần. đến quấy nhiễu nhiều nhất là những anh chàng vác bản thảo đến khoe khoang tán dóc huyền thiên. F. M. Jorés bảo rằng nếu không đổi quán, ít lâu là sẽ nổi tiếng vì đọc bản thảo hơn là vì viết văn.

Văn chương Công giáo

Một hội đồng tuyển trạch gồm có những tên tuổi như Françoris Mauriac, Daniel-Rops, Gabriel Marcel, vừa chọn thưởng giải Grand prix Catholique de littérature cho cuốn *Le Vignoble des saints* của Miklos Batori.

Tác giả được thưởng là một người gốc Hung-gia-lợi có tham gia vào cuộc khởi nghĩa Budapest và sau cuộc thất bại, phải bỏ xứ trốn đi. *Le vignoble des saints* viết thẳng bằng tiếng Pháp.

Coi chừng các cụ già

Trong 10 cuốn sách bán chạy nhất trong vòng hai, ba tháng nay thì Henri Troyat đã chiếm hai cuốn: Một cuốn là lịch sử Tolstoi, một cuốn nữa là tập

truyện Le Eggletière. Theo tình hình sách bán tháng 4-1965 thì cuốn Le Eggletière đứng hàng đầu.

Đó là một cuốn tiểu thuyết theo kỹ thuật cổ điển. Người ta từng nghe H. Troyat công kích phái « tiểu thuyết mới». Hãy coi chừng quân chúng độc giả đang bỏ phiếu cho ông già bằng đồng quan đã! Phen này ông hết bạc dũ.

TRÀNG THIÊN

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY.

Số 92, Đại lộ Lê – Lợi – SAIGON Đ.T:
20.267

TỰ LỰC

SÁCH VỎ, GIẤY BÚT, DỤNG CỤ

VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH

SÁCH GIÁO KHOA VIỆT, ANH,
PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm
hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay, luôn
luôn có sách mới, tất cả các sách giới
thiệu trong thư mục này đều có bán tại
nhà sách TỰ LỰC

VŨ TRỌNG PHỤNG
NHÀ VĂN TÁ CHÂN CỦA XÃ HỘI

★ *Thân thể và sự nghiệp của Vũ Trọng-Phụng qua những biên khảo của Lan-Khai, Trương-Tửu, Hoa-Bằng, Nguyễn Hữu-Dung.*

★ *Những kỷ niệm về Vũ Trọng-Phụng:*

— *Nhà xuất bản Mai-Linh với Vũ Trọng-Phụng*

— *Vũ Trọng-Phụng với những nhà văn quen thuộc Trọng-Lang, Tchyá, Lê Tràng-Kiều, Nguyễn Hữu Dung, Đinh Hùng.*

★ *Những hoàn cảnh xã hội hiện tại qua các tác phẩm của Vũ trọng Phụng do Nguyễn văn Trung, Nguyễn Hữu Dung, Dương Kiên, Lý Quốc Sinh, Đàm Quang Thiện v.v... biên soạn.*

★ *Những tác phẩm đặc sắc của Vũ Trọng-Phụng.*

— *Gương lồng tiên (truyện ngắn)*

— *Không một tiếng vang (kịch)*

Và những sáng tác văn nghệ

của Nguyễn Đình Toàn, Thế Uyên, Dương Kiên, Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Sĩ Tế, v.v..

GIÁ : 12đ

CÔNG SỞ : 30đ

